

Pháp Nhũ Thâm Ân

Tưởng niệm cố Đại Lão Hòa Thượng Tuyên Hóa
mười năm nhập Niết Bàn

法乳深恩





Cả đời Hòa Thượng Tuyên Hóa
xã thân hoàng dương chánh pháp,
phiên dịch kinh điển, giáo dục
đạo đức. Dù mồ hôi có đổ, máu có
rơi Ngài cũng không ngừng nghỉ.

Pháp Nhữ Thâm Ân





Đức tướng Hòa Thượng Tuyên Hóa

Pháp Nhũ Thâm Ân



Dịch Sang Việt Ngữ

Ban Phiên Dịch Việt Ngữ

Xuất Bản

Buddhist Text Translation Society

Trường Đại Học Pháp Giới

Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới

Vạn Phật Thánh Thành

Mỹ Quốc, California, 2005

Nguyên Bản : **Pháp Nhữ Thâm Ân**

Phiên Dịch và Xuất Bản:

Buddhist Text Translation Society

Vạn Phật Thánh Thành

1777 Murchison Drive

Burlingame, CA 94010-4504

©2005 Ban Phiên Dịch Kinh Điển
Trường Đại Học Pháp Giới
Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới
Vạn Phật Thánh Thành

In tại Đài Loan

Việt Ngữ – In lần thứ nhất 2005

Hình vẽ: Hà Nhẫn (He Ren)

10 09 08 07 06 05 10 9 8 7 6 5 4 3 2 1

ISBN 0-88139-810-1

Địa chỉ các chùa chi nhánh thuộc
Vạn Phật Thánh Thành
ghi ở phần cuối quyển sách

Tám Quy Luật

của Viện Phiên Dịch Kinh Điển

1. Dịch giả phải thoát mình ra khỏi động cơ tự truy cầu danh lợi.
2. Dịch giả phải tu tâm dưỡng tánh, dứt bỏ đi thói cao ngạo.
3. Dịch giả phải tự chế, không được tự khen rồi chê bai kẻ khác.
4. Dịch giả không được tự cho mình là tiêu chuẩn, là thước đo, rồi hạ thấp kẻ khác bằng cách tìm lỗi lầm nơi tác phẩm của họ.
5. Dịch giả phải lấy tâm Phật làm tâm mình.
6. Dịch giả phải dùng Trạch Pháp Nhân để phán xét đâu là chân lý.
7. Dịch giả phải cung kính cầu thỉnh Cao Tăng, Đại Đức ở mười phương chứng minh cho bản dịch của mình.
8. Dịch giả phải hoan hỷ truyền bá giáo nghĩa nhà Phật bằng cách in Kinh, Luật, Luận một khi phần phiên dịch của mình được chứng minh là đúng đắn.

Mục Lục

Lời Tựa / 1

Nhân duyên thành lập Vạn Phật Thánh Thành tại Mỹ Quốc / 4

Hoằng Pháp tại Việt Nam / 10

Thì ra Thầy “Mối” là Pháp Sư Độ Luân / 21

Đón mừng Tết Nguyên Đán / 29

Đại Thi Sĩ Hoà Thượng / 39

Vạn Phật Thành – Kỷ Niệm Thuở Ban Đầu / 48

Giáo Sư Richard viết lời kết tập kệ tán của Sư Phụ / 60

Một hồi tưởng thú vị về chuyện học tiếng Hoa / 68

Phương tiện thiện xảo / 73

Ứng dụng Phật pháp vào đời sống / 80

Mãi Mãi Tri Ân / 86

Hãy cố gắng hết sức mình! / 94

Thiện Tri Thức dạy bảo tôi / 110

Nhận chịu áp lực tả hữu mọi bề là nhân xuất thế / 126

Vừa Đủ! / 131

Chuyện Phóng Sanh Lừa / 135

Kiếp Nhân Sanh / 141

Án Ma Ni Bát Di “Ngầu” / 148

Phát Hiện Bảo Tàng! / 153

Thuận Tay Trái – Tự Do Phát Triển Thái Quá / 160

Ăn Vụng! / 164

Phương thức học giỏi: “Ba Trong, Ba trên” / 169

Sự giáo huấn của Ân Sư / 172

Tên Thật!!! / 177

Sống bên Thầy / 181

Bồ Tát Từ Bi / 188

Trích lược lời dạy sau cùng của Sư Phụ / 192

Ngày Truy Niệm và Đại lễ Trà Tỳ / 197

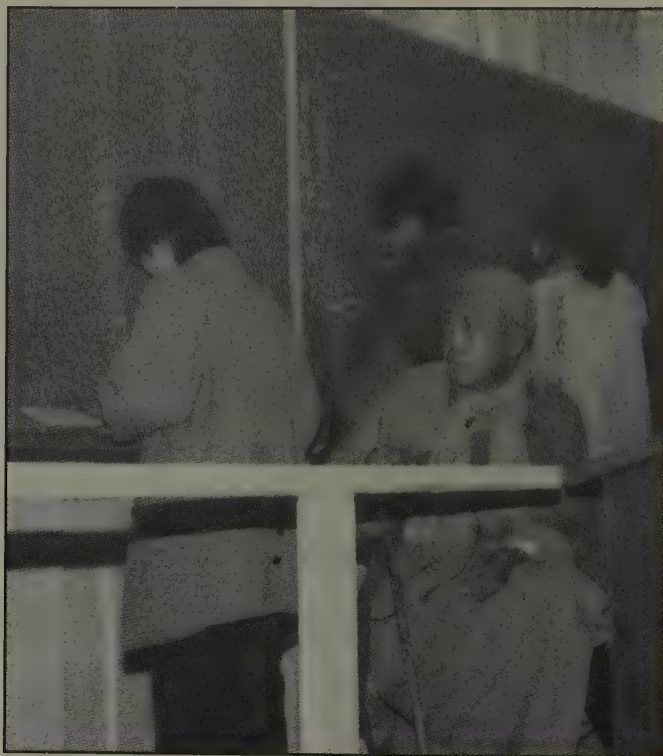
Nghi Lễ Rải Tán Tro Cốt / 204

Phụ Lục

Nguồn Trí Huệ Lối ăn lành mạnh: Đổi thành ăn chay / 206

Good Eating: The Vegetarian Alternative / 221

Giới Thiệu Kinh Sách / 234



Hòa Thượng dạy làm thơ và câu đối

Lời Tựa

Sách này tuyển chọn một số bài viết của các đệ tử xuất gia và tại gia của Hòa Thượng Thượng Tuyên Hạ Hóa. Đa số các bài được chuyển dịch từ quyển “Phật pháp đã thay đổi đời tôi!” Nguyên văn: How Buddhism changed my life! Sách cũng trích dịch từ những bài trong nguyệt san Vajra Bodhi Sea của Vạn Phật Thánh Thành. Ngoài ra cũng gồm một số bài giảng thâm thúy cùng các câu chuyện với lời lẽ ví von vui tươi của Hòa Thượng.

Hầu hết các mẫu chuyện trong đây, chúng đệ tử kể lại những kinh nghiệm kỳ đặc mà họ trực tiếp được Hòa Thượng đích thân dạy dỗ lúc sống bên Ngài, vị thầy khả kính. Hòa Thượng đặc biệt dùng nhiều phương pháp thiện xảo giáo hóa đệ tử tùy theo căn cơ của mỗi người, mong họ tiến bộ trên đường tu học. Có lúc Ngài ra vẻ nghiêm khắc, la rầy thẳng thừng mong họ sửa sai. Có khi Ngài rất từ bi, huề hòa an ủi những ai yếu tâm đạo. Nhiều lúc các đệ tử cũng phải giật thót mình khi biết Ngài đọc được tim đen

của mình. Các vị tường thuật lại thật rõ nét về các tâm trạng vui mừng, hớn hở, hay hồi hộp, âu lo... lúc bấy giờ.

Qua đó chúng ta cũng tìm thấy chúng đệ tử tri ân thâm sâu và ghi nhận những lời dạy bảo quý báu của Ngài vào tận tâm thức như thế nào. Cảm thương thay khi thấy Hòa Thượng không quản khó nhọc, nhẫn nại dùng nhiều phương tiện giáo hóa chúng đồ đệ thuộc nhiều quốc gia khác nhau, hầu mong họ mau tỉnh giác trên đường Bồ Đề.

Mặc dù Hòa Thượng đã viên tịch gần 10 năm nhưng pháp nhũ của Ngài như vẫn còn vắng vắng bên tai. Sau khi vắng bóng Ngài chúng đệ tử vẫn tiếp tục thực hiện lời di chúc của Ngài, duy trì quy cũ và tông chỉ Vạn Phật Thánh Thành. Họ nguyện luôn học tập theo tinh thần vì pháp quên thân của Hòa Thượng, và sẽ tiếp nối tâm quyết hoằng dương Phật Pháp qua Tây phương của Ngài trong việc phiên dịch kinh điển, chấn chỉnh nền giáo dục, cùng bồi dưỡng nhân tài để cùng nhau lợi lạc.

Qua quyển sách này, chúng tôi hy vọng rằng, những ai đã, đang và sẽ có niềm tin

cùng nhân duyên với Hòa Thượng Tuyên Hóa
sẽ tìm thấy nhiều điều ích lợi không thể
nghĩ bàn, trên đường tu hành giải thoát.

Ban Phiên Dịch Việt Ngữ



Nhân duyên thành lập Vạn Phật Thánh Thành tại Mỹ Quốc



Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới thành lập Vạn Phật Thánh Thành vào năm 1974. Và nơi đây cũng chính là trụ cột của Tổng Hội, với diện tích rộng gấp hai mươi lăm lần Tòa Bạch Ốc Mỹ.

Hòa Thượng đã thuật lại nhân duyên Vạn Phật Thánh Thành được kiến lập như sau:

Có thể cho rằng nhân duyên thành lập Vạn Phật Thánh Thành như đã được an bày từ vô lượng kiếp về trước. Cùng với ước nguyện giáo Pháp sẽ được hoàng dương qua phương Tây nên Vạn Phật Thánh Thành được ra đời. Sự hiện diện này không phải từ trên trời sa xuống, hoặc dưới đất mọc lên, mà là do công sức của con người gây dựng thành.

Trước đệ nhị thế chiến, nền kinh tế Mỹ rất hưng thịnh nên chánh phủ đã dùng vật liệu đặc biệt và công trình kiến trúc rất mỹ thuật với công lao cần mẫn, kỹ lưỡng của công nhân trong việc kiến lập nên một bệnh viện thật quy mô, kiên cố tại tiểu bang California. Bệnh viện gồm hơn bảy mươi tòa nhà, với khoảng hai ngàn phòng lớn, nhỏ và các cơ sở khác... Nơi đây có thể dung chứa khoảng hai mươi ngàn người đến trú ngụ.

Vào giữa năm 1970, vì tiểu bang California gặp phải nạn đại hạn hán, nên chánh quyền ra lệnh dân chúng phải tiết kiệm nước, nếu không sẽ bị phạt vạ. Bệnh viện cũng bị ảnh hưởng trầm trọng vì không đủ nước cung

cấp cho khoảng sáu ngàn người, gồm cả nhân viên và bệnh nhân. Hơn nữa vùng lân cận lại toàn là vườn cây ăn trái, chỗ nào cũng rất cần nước. Vì vậy nông dân ở đó thường đệ đơn phản nản chánh quyền địa phương về việc bệnh viện công cộng tiêu thụ lượng nước quá nhiều, khiến họ thiếu nước dùng. Chánh phủ cũng đã mướn nhiều kỹ sư chuyên môn nghiên cứu việc đào giếng để giải quyết nạn khan hiếm nước này. Họ đã ra công dò tìm, khoan đào nhiều chỗ sâu đến hàng trăm thước mà vẫn không tìm ra được mạch nước nào cả. Cuối cùng bệnh viện phải bị đóng cửa. Chánh phủ phải chuyển bệnh nhân và nhân viên đến các bệnh viện khác để bán khu bệnh viện.

Lúc đó có một vị thương gia mua lại khu vực này với ý định muốn đầu tư vào bệnh viện để làm ăn, nhưng sau đó ông lại đăng bảng bán, và trải qua nhiều năm vẫn không có người mua.

Bấy giờ chùa Kim Sơn tại San Francisco lại quá nhỏ hẹp, với số Phật tử ngày một thêm đông. Phần vì chùa nằm giữa thành phố nên thường có các ông bụi đời lang thang qua lại, khiến cho nhiều người sợ hãi.

Mặt khác chúng tôi cũng muốn tìm một nơi yên tĩnh hơn ở ngoại ô, để kiến tạo một đạo tràng thuận lợi cho sự tu tập.

Tôi có một đệ tử người Mỹ, sau khi xuất gia vì muốn báo ân Sư Phụ nên đã ra công tìm chọn địa điểm thích hợp cho việc kiến lập đạo tràng. Vị này đã tìm kiếm đến tận Tiểu bang Seattle, thuộc phía bắc nước Mỹ. Trên đường về thấy bảng đăng bán bệnh viện, chú bèn dừng lại để xem xét, tham khảo. Về chùa chú thuật lại cho tôi nghe và đề nghị nên mua khoảng hai hay ba mươi tòa nhà của khu bệnh viện đó. Theo ước đoán của chú là mỗi tòa nhà có thể chứa cả trăm người trú ngụ. Chú còn vạch ra hoạch định về việc nên dùng tòa nào làm chánh điện, nơi đâu dành cho Sư Phụ, chỗ nào là phòng xá cho đệ tử...

Theo lời chú, tôi cùng năm đệ tử đến tận nơi để quan sát. Quả thật là một vị trí tốt với rất nhiều tòa nhà, nhưng ngặt nỗi giá cả lại quá cao. Làm sao đây? Ngay cả Sư triệu phú cũng không đủ khả năng mua, huống hồ gì là một Sư nghèo xơ như tôi, chỉ nghĩ thôi, còn chẳng dám nghĩ đến, huống chi nói tới việc muốn mua.

Khoảng nửa năm sau, lại có một người đến bàn với tôi về việc đầu tư vào bệnh viện, nơi mà lúc trước chúng tôi đã xem qua. Mặc dù cả tiền lẫn vốn tôi đều không có, nhưng tôi và mười tám đệ tử cũng cùng đến đó quan sát thêm một lần nữa. Khi đến phía trước dãy bệnh xá, tôi xót xa vô cùng khi thấy tòa nhà đang cất vữa còn dở dang. Tôi thầm nghĩ: Họ đã xuất ra khoản chi phí lớn như thế, vậy mà công trình xây cất vẫn không hoàn tất được. Thế là tôi xoay qua nói với mười tám đệ tử rằng:

- Là Phật tử, chúng ta nên làm Phật sự. Nếu như chúng ta không phụng sự Phật giáo thì nên sanh tâm hổ thẹn, vì sẽ không còn mặt mũi nào để đối diện với người đời. Nay tôi phát nguyện là sẽ mua toàn bộ khu đất này.

Vì nhận thấy địa thế thiên nhiên nơi đây rất thích hợp để thành lập đạo tràng nên tôi đã trở lại đó thêm ba lần nữa để thương lượng với chủ nhân về việc mua lại khu vực này. Tôi mong rằng đây sẽ là nơi phát dương Phật Giáo trên thế giới, hầu đem Phật Giáo Đông Phương giới thiệu sang Tây Phương, thành lập Trung Tâm Phật Giáo Quốc Tế

với mục đích nâng cao tinh thần đạo đức và giác tỉnh nhân tâm.

Sau khi mua được khu bệnh viện, chúng tôi cải biến thành Vạn Phật Thánh Thành. Vấn đề khan hiếm nước đã được Sư phụ giải quyết trước sự kinh ngạc của bao người. Cho tới nay, người ta vẫn còn hứng thú bàn về chuyện này:

Trong khi các thợ đào giếng dùng máy dò dẫm tìm mạch nước thì Sư phụ cũng có mặt ở đó. Sau một hồi đi tới đi lui nơi họ đang làm việc, Ngài đột nhiên gõ gậy xuống đất nói:

- Khoan ở chỗ này nè!

- Vô ích, mấy nơi đó chúng tôi đã thử qua nhiều lần rồi, vả lại máy đo cũng báo cho biết là ở đó tuyệt nhiên không có nước!

- Ấy! Không sao mà, các ông cứ thử tiếp xem!

Y lời Ngài, họ thử thêm một lần nữa. Quả nhiên khi họ vừa khoan xuống khoảng một trăm thước thì mạch nước ào ạt vọt phun lên. Với nguồn nước dồi dào này, nếu có thêm một vạn người nữa cũng đủ dùng.

Hoằng Pháp tại Việt Nam



Từ ngày 20 tháng 11 năm 1974 đến 12 tháng 1 năm 1975, Hòa Thượng thượng Tuyên hạ Hóa lãnh đạo đoàn hoằng pháp qua Đông Nam Á, đến các nước như: Hương Cảng, Ấn Độ, Tân Gia Ba, Việt Nam, Đài Loan...

Dưới đây là sơ lược bài thuyết giảng của Hòa Thượng tại Việt Nam.

Trước khi buổi giảng bắt đầu, quý vị làm ơn cho tôi xin vài điều nhé! Nghe tới đây, chắc có người thầm nghĩ: “Tông chỉ của Hòa Thượng là:

*Dù lạnh đến chết, cũng không phan duyên
Dù đói đến chết, cũng không xin cầu
Dù nghèo đến chết, cũng không đòi hỏi.*

Tại sao nay vừa mới đến Việt Nam là Hòa Thượng lại xin xỏ này nọ. Vậy có phải là mâu thuẫn với những tông chỉ trên sao?”

Không phải đâu! Điều tôi xin đây khác với những gì quý vị đang nghĩ, bởi vì tôi không xin tiền bạc hay phẩm vật chi cả. Vậy tôi muốn xin gì đây? Tôi chỉ muốn xin cái gốc phiền não của quý vị thôi. Quý vị làm ơn gom hết cho tôi đi! Tôi có thêm nhiều phiền não chừng nào, càng tốt chừng ấy; còn quý vị nên giảm bớt sầu não đi. Một khi quý vị trút bỏ được những ưu phiền cùng ba độc: tham, sân, và si thì sau này tự nhiên quý vị sẽ phát sanh đầy đủ giới, định, huệ. Đó chính là điều đặc biệt mà hôm nay tôi muốn nhắc nhở đến quý vị.

Quý vị nên tận dụng hết năng lực sẵn có của mình, chớ đừng nên gò bó trong khuôn khổ hạn hẹp như những hạt bụi li ti. Vì tâm quý vị vốn có công năng bao trùm khắp hư không tận pháp giới. Nó có thể to đến nỗi chẳng vật gì mà chẳng dung chứa được; mặt khác nó cũng nhỏ đến nỗi không vật gì mà không thể chứa được. Với sự diệu dụng này, quý vị nên mở rộng tâm mình trùm khắp không gian và cùng hòa nhập vào cả hằng sa thế giới. Một khi tâm hòa đồng cùng pháp giới là quý vị có thể hóa độ chúng sanh.



Ngược lại nếu chúng ta không biết dụng tâm thì sẽ thấy đây là Việt Nam, đó là Nhật Bản, hay nó là Trung Hoa, Thái Lan, Miến Điện, Tích Lan... hoặc lãnh thổ này nhỏ, quốc gia kia to... và như vậy chúng ta sẽ không thể nào cứu độ được chúng sanh ở thế giới này. Là Phật tử, chúng ta nên xem tất cả các quốc độ trên thế giới như chính ngôi nhà chung, đồng là một thể tánh với mình. Chúng ta cũng đừng tạo nên những ranh giới cách biệt giữa ta và chúng sanh. Bất kỳ thuộc phái Bắc Tông hay Nam Tông, quý vị cũng nên phá bỏ những ranh giới phân biệt này mà cùng nhau nỗ lực hoằng truyền Phật Pháp đến khắp mọi nơi, ngõ hầu hòa hợp thành một Hội Phật Giáo Thế Giới. Chúng ta không nên hạn cuộc vào quốc gia nhỏ bé của mình, mà phải mở rộng tầm nhìn ra xa đến khắp cả hoàn cầu.

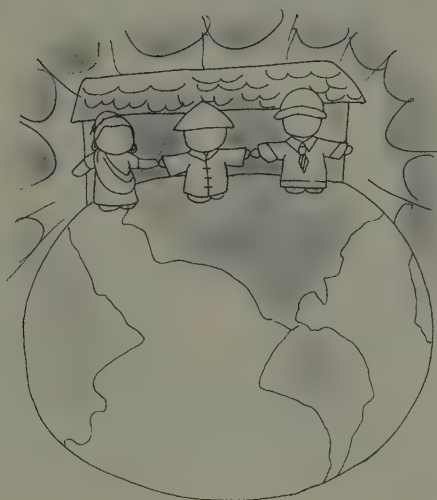
Ngày nay khoa học thật hiện đại đã làm sáng tỏ nhiều điều, nên người ta không còn những tư tưởng suy đoán mập mờ xưa cũ. Mỗi người chúng ta phải khai mở những cánh cửa sổ của tâm hồn mình, để thông hiểu chính chắn về sự hòa hợp này như: giúp đỡ

người cũng chính là giúp ta, chăm sóc người chính như chăm sóc bản thân mình vậy.

Chúng ta phải có phương pháp hợp nhất để quy tụ tất cả Phật tử thành một đoàn thể để lập nên một Hội đoàn không phân biệt giữa các tông phái, đồng thời phá tan những quan niệm tu hành biệt lập. Quý vị không nên vướng mắc vào hình thức hay thành kiến về Đại Thừa hoặc Tiểu Thừa. Bởi vì đạo Phật vốn đồng một thể, nên chúng ta không những, riêng nhận mình là một phần tử trong đó, mà ngay cả những người không tin Phật cũng đồng một thể này.

Như lời đức Phật Thích Ca đã nói: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và đều có thể thành Phật, nhưng chỉ vì vọng chấp mà không thành Chánh Giác.”

Quả thật vậy, chúng ta vì chấp trước, phân biệt: Tôi là người Hoa, anh là người Việt, người Thái, Miến điện, Nhật Bản, Ấn Độ hoặc Tích Lan... nên tâm không thể mở rộng được. Nếu chúng ta không bỏ những chấp trước như thế, tức là không tuân theo lời của đức Bổn Sư. Phật Pháp sẽ được hoằng hóa đến khắp nơi nếu chúng ta không còn những



chấp trước này, và lúc đó tâm chúng ta cũng sẽ mở rộng bao trùm khắp pháp giới. Đồng thời chúng ta cũng cần phải phá tan những lần ranh giới, vì Phật Pháp thì bao la không giới hạn, nếu như chúng ta vướng mắc vào đấy thì không phải là Phật Pháp.

Một lần nữa tôi xin nhắc lời Phật dạy: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và đều có thể thành Phật. Có nghĩa là: Đối với người dù tin hay không tin Phật đi nữa, Phật tánh của họ vẫn không bị mai một chôn vùi. Chỉ vì hiện tại họ chưa phát lòng tin, nhưng tương

lai họ sẽ tin và nếu tương lai họ không tin, thì những kiếp sau đó họ cũng sẽ tin, rồi cũng có một ngày họ sẽ tin Phật. Tôi xin nhấn mạnh điểm chủ yếu là: Chúng ta nên nhớ điều phục mình. Đừng để mình đến gần những biên giới phân chia, tức là đừng bị cô lập trong giáo lý của đạo Phật. Một khi khái niệm về *Ngã* và *Chúng Sanh* hoàn toàn không còn, thì những ranh giới phân biệt cũng không tồn tại.

Cư sĩ Quả Dự theo Hòa Thượng Tuyên Hóa trong suốt cuộc hoằng Pháp, ông viết lại hồi ký như sau:

“Hòa Thượng đi đến đâu là nơi đó đều có sự cảm ứng đặc biệt, thật khó nghĩ bàn. Bất luận chúng tôi đến đâu, cũng đều thấy giảng đường ở đó đầy nghẹt người. Nhớ lúc ở Sài Gòn, khi Sư Phụ thuyết pháp trước cả ngàn người, thì cứ mỗi ba phút Ngài phải ngưng lại vì những tiếng hoan hô, vỗ tay âm ỷ của thính giả. Khởi đầu Ngài giảng bằng tiếng Hoa, kể đến được phiên dịch sang tiếng Việt. Cảnh này cũng giống như trong những trận bóng rổ gay go, tiếng khán giả reo hò, hò hởi, phấn khởi vang rền cả hội trường. Điều



khiến cho tôi cảm động nhất là Sư Phụ lúc đó giống như cái máy, phát nguồn năng lực, với khí lực tràn đầy, không hề mỏi mệt. Dù đã gian lao trải qua một cuộc hành trình dài dằng dặc mà Ngài vẫn thuyết pháp không ngừng dứt. Chẳng những vậy thôi, Ngài lại còn phải tiếp xúc với những đoàn người không ngớt bữa đến vây quanh, chờ đợi, thỉnh cầu Ngài giúp đỡ. Sư Phụ tâm quyết một lòng quảng độ chúng sanh, dù có phải hao mòn thân thể, rơi xương máu cũng không hề ngưng nghỉ.”

Ngài trở về Mỹ vào đầu tháng giêng năm 1975. Nhưng đến ngày 17 tháng 1, Ngài bảo một đệ tử gọi điện tín về Việt Nam cho cư sĩ Phương Quả Ngộ, với nội dung rằng:

“Nếu như các việc đã thu xếp xong, ta hy vọng vợ chồng con hãy đến Mỹ sớm một chút. Mong sẽ có ngày tái ngộ.

-Kim Sơn Tự-”



Khi nhận được điện tín, Quả Ngộ linh tính có điều không lành, bèn điện thoại thỉnh vấn lý do - Tại sao Ngài muốn vợ chồng bà sớm qua Mỹ như vậy. Sư phụ chỉ nói: “Không có gì!”

Cuối cùng Quả Ngộ đã vâng lời Ngài đến Mỹ ngày 10 tháng 3 năm 1975. Chồng bà vì còn bận bịu công việc làm ăn nên tạm tới Hồng Kông. Lúc bấy giờ Hồng Kông vẫn còn là thuộc địa của Anh Quốc. Đến ngày 17 tháng 4 năm 1975, chồng bà nghĩ, nước Việt chưa có động tĩnh gì, bèn gửi điện tín hỏi bà có muốn về Sài Gòn không? Như thường lệ, Quả Ngộ lại thỉnh giáo Sư Phụ. Sư Phụ nói: “Con hãy đợi ba tuần lễ nữa rồi hãy quyết định.”

Nhưng chỉ đến hai tuần sau đó thì Sài Gòn bị thất thủ. Kể từ đó Quả Ngộ thường lưu ngụ ở Mỹ nhiều hơn là ở các nước khác. (Quả Ngộ vốn là một thương gia nên thường du hành khắp các nước trên thế giới.)

Quả Ngộ đã nhiệt tâm đóng góp rất nhiều công sức vào việc hộ trì Tam Bảo suốt trong những năm đầu mới thành lập Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới. Bà đã không chút quản

ngại đời sống đạm bạc, cùng những nề nếp quy củ của nhà chùa, và thường lưu lại chùa phụ giúp biên thảo, kiểm duyệt cho việc kết tập những bài thuyết giảng của Sư Phụ. Ngoài ra bà còn huấn luyện khích lệ các thanh thiếu niên Mỹ đang học tập phiên dịch Kinh điển về những từ ngữ Phật học hay những thành ngữ Trung Hoa.

Hòa Thượng thật tận tình ái hộ và cứu trợ người Việt Nam, Ngài đã thành lập Trung Tâm Cứu Trợ Dân Tị Nạn Đông Nam Á tại Vạn Phật Thánh Thành từ năm 1980 đến 1986. Đồng thời với sự chấp nhận của chánh

quyền Mỹ, Vạn Phật Thánh Thành cũng đã mở lớp huấn luyện nghề nghiệp và lớp dạy Anh Ngữ cho dân tị nạn ở đó, giúp họ sớm thích ứng vào cuộc sống mới nơi đất Mỹ.



Hoà Thượng Hoàng Pháp
tại Chùa Xá Lợi Việt Nam

Thì ra Thầy “Mới”

là Pháp Sư Độ Luân

Sư Cổ

Sau năm 1975 tôi cùng một số đồng đồng bào tỵ nạn, di tản đến nước Pháp một cách bình an ngay trước cảnh Việt Nam bị thất thủ. Trước lúc rời Việt Nam, tôi được một đệ tử của vị Thầy mà tôi quy y năm 1977, khuyến khích tôi nên tìm cách gần gũi một vị cao Tăng, Pháp Sư Độ Luân đang ở Mỹ. Thế nên tôi đã tìm kiếm khắp nơi. Tôi cũng đã nhờ các bạn Việt Kiều sống ở Mỹ dò hỏi giúp tôi tìm tông tích vị Pháp Sư này.

Vào một ngày nọ, tôi rất đổi vui mừng khi nghe nói có một Pháp Sư người Hoa đang hướng dẫn Tăng đoàn đến nước Pháp hoằng dương Phật pháp. Lúc đó có hơn 100 người tới nghe thuyết giảng. Khi buổi giảng kết thúc, đã có sáu người liền phát tâm giữ giới không sát sanh và ăn chay trường. Lại có khoảng hơn 10 người khác quyết tâm ăn chay mỗi tháng mười ngày. Còn tôi thì sau 11



Hòa Thượng và chúng đệ tử đi Hoảng Pháp tại Pháp Quốc

năm chờ đợi mà cũng không thấy Pháp Sư Độ Luân xuất hiện, “tôi như đi tìm Ngài đến mòn cả gót giày mà vẫn không gặp”, nên cuối cùng quyết định không chờ nữa. Thế là hôm đó tôi cùng 56 người khác thỉnh cầu quy y với vị Pháp Sư này.

Cùng đến tham gia khoá lễ Vạn Phật Bảo Sám năm nay (1997), với những gương mặt hồng hào của ba phụ nữ là: Lữ Quả Ngân, 69 tuổi; Trịnh Thân Chu, 71 tuổi và Quách Kim Loan, 61 tuổi. Họ say sưa kể lại câu chuyện kỳ ngộ của mình về “vạn dặm đường truy tầm Pháp Sư Độ Luân.”

Họ đồng thanh bảo rằng:

- A! Làm chuyện lành thì thường gặp nhiều trở ngại đó! Cũng như lúc chúng tôi thỉnh cầu quy y thì bị Sư Phụ từ chối không cho phép. Ngài nói:

- Các vị không được quy y với tôi nữa vì các vị đã quy y và có Sư Phụ rồi. Chúng tôi nghe lời Ngài tuyên bố giống như tiếng sấm vang dội giữa bầu trời quang đãng, Thế rồi người nào người nấy đều buồn hiu đứng ngây người qua một bên - Không biết phải làm sao. May thay có một chị trong nhóm nhanh trí, chị ta can đảm giải thích với Sư Phụ:

- Chúng con bị mất nước, nên không biết bao giờ sẽ gặp lại Thầy cũ. Vả lại chúng con đã không có Thầy hơn mười năm nay rồi.

Nghe vậy Sư Phụ mới truyền Tam Quy cho chúng tôi được tròn ước nguyện. Từ đó chúng tôi xem như đã có một vị thầy từ bi để y chỉ tu hành.

Tuy nói là “đã đi mòn gót giày và từng nếm mùi khó khăn trong cuộc tìm kiếm, mà vẫn tìm không ra Pháp Sư Độ Luân”, nhưng

trời cũng không phụ lòng thành, khiến chúng tôi gặp được một vị đại thiện tri thức là Hòa Thượng Tuyên Hóa. Dù đã không tìm được Pháp Sư Độ Luân, nhưng chúng tôi cũng đều rất sung sướng. Ba người chúng tôi chẳng ai ngờ rằng, vị thầy đang trước mặt mình, lại là Pháp Sư Độ Luân mà chúng tôi đã tìm kiếm bao năm qua.

Sau khi quy y xong, chúng tôi mỗi người tự thỉnh một quyển khai thị của Hòa Thượng. Chúng tôi đọc say mê đến nỗi không nhớ buông rời quyển sách. A! Chúng tôi đột nhiên phát hiện Sư Phụ “Mới” lại chính là Pháp Sư Độ Luân. Đây thật không phải là chuyện nhỏ! Thế là cả nửa ngày hôm đó, chúng tôi không sao dần được nỗi vui buồn lẫn lộn. Rồi ngay cả từ năm 1990 tới bây giờ là 1997, mỗi lần nhắc đến chuyện đó, chúng tôi vẫn không thể không ngăn được dòng nước mắt.”

Cô Lữ Quả Ngân, cô Quách Kim Loan cùng những bạn đạo quy y hôm đó, đều cảm nhận được nguồn lực đại oai đức của Hòa Thượng. Chúng sanh vì lưu lạc lâu ngày, nên rất khát ngưỡng cầu Pháp. Họ nói:



Hòa Thượng
thuyết Pháp
tại Chùa Hoa
Nghiem Pháp
Quốc

Cô Trịnh Thân Chu ngồi một bên im lặng nghe, gật đầu mỉm cười đồng ý những lời mà các bạn đạo thuật lại câu chuyện về “Sư Phụ của chúng tôi.” Cuối cùng cô cũng góp lời:

- Tôi thích pháp của Hòa Thượng nên muốn quy y Ngài.

- Khi nghe Sư Phụ giảng pháp, chúng tôi không có cảm giác nóng nảy, bồn chồn, mà chỉ cảm nhận được bầu không khí thật an lành, bình tĩnh. Điều đó như đã tạo thành một sức mạnh giúp cho những kẻ sau nhiều năm lạc loài mất nước như chúng tôi. Lại cũng khiến cho tâm đạo chúng tôi càng thêm kiên cố để hướng về thế giới Cực Lạc.

Cô Lữ Quả Ngân còn nhắc thêm là sau khi quy y Hòa Thượng năm 1990, rồi kế tiếp vào những năm 1991, 1992, 1995 và 1997 họ đều đến Vạn Phật Thành. Họ cũng đều thọ Ngũ giới và Bồ Tát giới. Mỗi năm họ lưu lại Vạn Phật Thánh Thành dài hạn hơn. Năm nay tức 1997, họ ở Vạn Phật Thánh Thành luôn cả hai tháng rưỡi. Cô bảo rằng lúc ở Pháp, mỗi lần chuẩn bị đi Vạn Phật, thì nhất định có người, kể cả người không phải đạo Phật cũng đều xin gửi phẩm vật cúng dường Tam Bảo và cúng dường Hòa Thượng.

Cô còn viết thư trình rõ việc cô thọ giới cho vị Thầy cũ hiện 80 tuổi ở Việt Nam. Thầy cô rất hoan hỉ và hồi âm như:

- A! Đây thật là nhân duyên thù thắng đại phúc đức mà con đã vun trồng từ kiếp trước đó!

Cô Quách Kim Loan kể:

- Lần đó ở Pháp, có một số người Hoa trong ban tổ chức chuẩn bị sắp đặt hội trường cho Pháp hội. Trong số đó có người vì quá nhiệt tình muốn mọi việc là phải hoàn toàn tốt đẹp, cho nên sanh ra chuyện tranh chấp với nhau. Sau khi Pháp hội bắt đầu, Hòa



Thượng bảo người chuyển một tờ thơ cho vị đã bất bình nổi giận bùng bùng lúc bấy giờ. Cô này đang lúc bận rộn không rảnh rỗi xem kỹ nội dung, nên liền bỏ tờ giấy vào túi áo. Một lát sau, cô chợt nghĩ đến tờ thơ do Sư Phụ chuyển cho, và cho đó là điều rất vinh hạnh. Thế là cô lật đặt móc tờ giấy ra đọc. Xem xong, sắc mặt giận xanh lúc trước của cô đã chuyển sang tím ngắt vì xấu hổ. Cô vội kéo người bạn trong hội lại và nói: “Làm sao Sư Phụ biết hử? Lúc tụi mình tranh cãi, Sư Phụ đâu có ở đó!” Trong tờ giấy đó, Sư Phụ viết là: “Khó nhẫn nên nhẫn. Nhẫn những điều mà người khác không thể nhẫn.” Rất nhiều người sau này đều lãnh hội được kinh nghiệm quý giá rằng: Chúng ta may mắn lắm đó! Vì không giây phút nào mà Sư Phụ không âm thầm giáo hóa chúng ta hướng thẳng đến con đường chánh tri, chánh kiến, chánh tín, chánh niệm.

Thấy trước mắt là Vạn Phật Thành không đủ tăng ni để có thể phái qua Pháp hướng dẫn tín chúng tu hành. Thế nên họ thỉnh cầu Sư Phụ cho phép được ghi âm các thời khóa tu hành mỗi ngày của đại chúng ở Vạn Phật, cùng các Pháp hội tụng niệm kinh chú

như: Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, Kinh Địa Tạng, Kinh Di Đà, Đại Bi Sám.... Mỗi ngày, khi thu xếp các công việc trong gia đình xong, họ đều đặt thời khóa riêng để tu tập. Họ lại còn sắp xếp thời gian tụ họp cùng nhau tu hành, nghe băng giảng, hoặc cử hành các Pháp hội. Họ cũng nghiêm chỉnh tụng chú Lăng Nghiêm trong khóa công phu khuya. Mới đầu họ cho rằng thuộc chú Đại Bi là đủ rồi, chớ không nghĩ đến chuyện học thuộc chú Lăng Nghiêm dài hơn 500 câu. Nhưng sau đó có một vị đệ tử Mỹ của Hòa Thượng bảo họ: Tôi là người Mỹ mà còn học theo lời Sư Phụ dạy, hướng hồ gì các vị là người Hoa mà sao không chịu học?

Nhờ vậy họ mới đem bài chú Lăng Nghiêm, vừa dài, vừa khó để học thuộc lòng. Cô Trịnh Kim Loan đặc biệt nói:

- Thật là kỳ lạ! Tôi cứ đọc đến thuận miệng là thuộc lâu hết cả bài chú lúc nào cũng không biết.

Ba vị thật trẻ trung, họ gật đầu lia lịa và cười nói vui vẻ khi kể lại một loạt chuyện diệu mầu như thế.

Đón mừng Tết Nguyên Đán

Ban Biên Tập

*Đêm giao thừa nối liền hai tuổi.
Đến canh năm tách rời hai năm.
Tự tánh nghinh tiếp Thần Tài, Thần Hỷ,
Thần quý.*

Hòa Thượng Tuyên
Hóa giảng trong khoá
100 ngày Thiền vào
ngày 26/1/71 tại
chùa Kim Sơn, San
Francisco.



Hôm nay là ngày
cuối năm. Phong tục
người Hoa cho rằng, tối nay tất cả quỷ thần
sẽ xuất hiện. Vì vậy họ đưa ông Táo lên trời
vào ngày 23, đến ngày 30 thì rước ông về,
tức là hôm nay. Có người hỏi:

- Từ đất lên trời bao xa? Lộ trình đi khoảng
bao lâu?

Ông Già biết chuyện (vì chuyện gì ông
cũng rành hết) liền nói:

- Từ đây tới trời xa khoảng 300 dặm. Người ta lại hỏi:



- Sao ông biết được?

Ông nói:

- Thì cứ nghĩ xem! Ông Táo lên trời bữa 23. Mỗi ngày ông cỡi ngựa đi khoảng 100 dặm, vậy phải mất ba ngày mới được 300 dặm để đến gặp Thiên Hoàng mà báo cáo chuyện lành, chuyện dữ của thế gian. Báo cáo khoảng một ngày, rồi phải mất thêm ba ngày nữa để trở về. Lần đi khoảng 300 dặm, lần về cũng khoảng 300 chớ không thể hơn quá 350 dặm được vì ông cỡi ngựa đi và cỡi ngựa về mà!

Có phải các vị nói ông Già này rất là biết chuyện phải không?

Đúng vậy, từ mặt đất lên đến trời thì xa thật, vì không có cuộc hành trình nào dài bằng. Chúng ta đâu có thể đi bộ tới, hoặc dù có cỡi ngựa cả đời, cũng không thể nào tới đó được. Thậm chí ngồi máy bay cũng bay không đến nơi, vì máy bay sẽ bị vỡ tan nếu bay ra ngoài không gian. Cho nên phải dùng hỏa tiễn. Nhưng hỏa tiễn bây giờ cũng không phóng đến trời, mà chỉ đến các hành

tinh hay mặt trăng thôi. Vây cuối cùng rồi chúng ta cũng đều không biết trời ở đâu, hay cách đây bao xa nữa.

Mặt khác, chúng ta có thể nói, trời rất gần. Sao lại nói là gần?

Vì khi mở mắt là thấy trời, thấy đất ngay. Nếu không nói gần thì các vị làm sao mà thấy được chớ! Còn nếu nói là xa thì chúng ta cũng thử mở mắt nhìn nước Nhật, nhưng có thấy đâu. Muốn thấy Trung Quốc hay nước Đức gì đó cũng đâu thấy được, bởi vì xa quá đi. Vây mà chúng ta chỉ cần ngẩng đầu lên nhìn là thấy trời liền.

Cho nên nếu các vị nói trời xa thì không có chỗ nào xa hơn. Còn nói trời gần thì cũng không có chỗ nào gần hơn vậy. Bởi vì chúng ta còn ở trong vòng trời đất, cho nên cùng trời đất là láng giềng. Vây trời cũng là hàng xóm của chúng ta.

“Thiên nhai nhược bĩ lân,
Hải nội tồn tri kỷ.”

(Chân trời như láng giềng,
Biển cả là tri kỷ).

Tất cả đều là bạn bè của chúng ta.

Quả Ninh mà cũng biết phong tục người Hoa là đưa ông Táo lên trời vào ngày 23 đó.

Táo Quân tức là vua trong bếp, còn gọi là ông Táo. Khi đưa ông Táo lên trời, người ta nói:

- Ông Táo ơi! Ông lên đó trình việc tốt rồi nhớ đem chuyện lành về nhé!

Họ bảo ông Táo rằng: “Lên đó ông nhớ báo cáo toàn chuyện tốt thôi, còn chuyện xấu xin đừng có nói, tôi không muốn ông nói chuyện xấu của tôi đâu à ghen!”

Rồi họ dùng “Kẹo Ông Táo” để cúng. Người Hoa chuyên môn cúng ông Táo loại kẹo này. Tuy nói là cúng cho ông Táo nhưng tụi trẻ con được dịp hưởng trọn.

Kẹo cúng ông Táo làm bằng gì vậy? Là dùng loại bột dẻo dính như keo để làm kẹo. Một khi ăn là môi bị dính lại, mở miệng không ra. Người ta dùng kẹo này để cúng ông Táo, cho nên gọi là kẹo đưa ông Táo. Vì là kẹo dẻo dính như keo, nên để dán miệng lại. Làm như vậy là có ý nghĩa gì? Là vì không muốn ông Táo lên trời nói nhiều. Họ còn cúng vái rằng:

- Ông Táo tới ăn chút kẹo rồi nhớ đừng nói việc xấu của tôi nhé! Khi lên trời nói chuyện tốt và đem chuyện lành về. Chuyện tốt nói nhiều thêm, chuyện xấu ít nói một chút.

Cứ như thế mà họ cúng vái ông Táo.

Sau khi đưa tiễn ông Táo xong. Họ để mấy tấm hình ông Táo ở bốn góc lò rồi đốt đi. Họ cho rằng ông Táo sẽ từ ống khói mà đi thẳng lên trời. Thông thường phong tục đưa ông Táo là như vậy đó.

Các vị thử nghĩ: Tại sao khi đưa ông Táo lên trời, họ muốn dán miệng ông lại như vậy? Tại vì họ tự biết mình làm nhiều điều xấu quá đi, nên không muốn ông Táo nói ra việc xấu của họ chớ gì? Cũng như chúng ta làm chuyện ác, mà sợ người nào đó biết được, bèn mua lễ vật tặng cho người đó. Lại còn dặn dò người đó: “Đừng nói cho ai biết hết! Nhớ làm ơn bảo vệ bí mật này cho tôi.” Họ cúng kẹo hối lộ ông Táo cũng giống như vậy thôi!

Tôi tin rằng, nếu quả thật ông Táo là Thần, thì lúc miệng ông bị dán dính lại như vậy, chắc ổng đã nổi nóng mà tát một cái cho

sừng mặt. Tiếc thay ông Táo đã không biết động đây chi, bởi ổng chỉ là một tấm hình vẽ. Cho nên từ đó tới giờ, nếu ai làm theo phong tục này đều chưa bị tát tay bao giờ cả. Đúng là ngu si, tự gạt mình mà tưởng là cách khéo léo. Trên thật tế đó chỉ là một hành vi rất ngu ngơ. Nếu các vị sợ người ta nói việc xấu của mình, thì từ ngay lúc ban đầu đừng nên làm điều sai quấy. Nếu làm ác rồi sợ bị người dèm pha, thì thật là chuyện không thể được. Phong tục dùng kẹo dán miệng ông Táo này tuyệt đối nên bỏ đi.

Như nếu ông Táo là Thần thật đi nữa thì sao các vị lại dám làm chuyện sỉ nhục một vị Thần như vậy? Còn đối với người thì sao? Nếu tôi không muốn quý vị nói xấu tôi. Tôi có thể dán miệng hay thậm chí còn lấy chỉ may miệng quý vị lại, như vậy có được không? Cho nên đây là cách thức do người Hoa mê tín mà ra. Phong tục này nên dẹp bỏ, chớ theo.

Người ta bảo rằng các quỷ thần sẽ hạ giới trong đêm 30. Vì thế Đạo Giáo lại có một phong tục về chuyện này. Phong tục gì vậy? Đạo Giáo cho rằng: Nên thọ trì, đọc tụng kinh điển trong đêm 30. Thọ trì cái



chi? Tức là bất kỳ họ niệm được chú gì trong đêm 30, thì trong năm tới, dù lúc nào hay ở đâu, họ muốn niệm nữa đều được linh cảm cả. Còn nếu như không thọ trì trong đêm 30 thì sao? Thì họ không thể niệm ở nhà, mà phải đến một ngôi chùa cô quạnh hay một ngôi mả hoang vắng. Chùa cô quạnh tức là nơi không có người mà chỉ toàn là quỷ thần ở trong đó, tại vì đêm tối chẳng ai dám tới. Nếu ai có thể đến chỗ vắng vẻ như vậy để niệm chú, tụng kinh thì mới gọi là thọ trì. Làm như vậy thì các quỷ thần mới nghe được lời chỉ huy của họ. Hoặc họ tới một ngôi mộ đơn độc hoang vu. Vì chỉ có một ngôi mộ, cũng như chỉ có một con quỷ ở đó. Nếu tới chỗ như vậy niệm chú thì con quỷ này sẽ là Hộ Pháp của họ. Họ muốn sai khiến nó lúc nào thì nó sẽ đến lúc đấy.

Nhưng trong Phật Giáo không có lối giảng Pháp như thế. Mỗi ngày, dù bất cứ lúc nào và ở đâu chúng ta cũng đều có thể đọc tụng được cả. Cho nên chúng ta mỗi ngày đều thọ trì đọc tụng.

Trung Quốc lại có một phong tục về đêm 30 nữa. Phong tục gì? Là người ta sẽ không ngủ trong đêm 30. Họ cho là:

“Nhất dạ liên song tuế, ngũ canh phân nhị niên,” Một đêm nối liền hai năm, canh năm tách rời hai năm.

Vì là vào nửa đêm hai năm nối liền nhau, nhưng đến canh năm, tức sáng sớm, gà gáy mới là lúc phân chia hai năm. Trong đêm giao thừa 30, hai năm vẫn còn dính liền, nhưng canh năm là lúc phân rời giữa năm ngoái và năm nay.

Đây là câu đối liền. Tôi nói cho các vị nghe vì nó là một phần kiến thức của Trung Quốc.

Thông thường vào đêm 30, các gia đình người Hoa lại muốn ăn toàn những món ngon vật lạ. Họ ăn những món ngon nhất, càng nhiều hương vị càng tốt. Đối với người ăn mặn thì họ sẽ ăn hoành thánh. Họ dùng thứ thịt thượng hạng để làm nhưn, rồi ăn vào lúc 12 giờ khuya. Họ cho rằng nếu được ăn loại hoành thánh này, thì nguyên năm tới sẽ như được “ăn bảo vật” (ăn vàng nén) và luôn có tiền xài trong năm.

Lại thêm chuyện nữa là họ nhét tiền trong nhưn hoành thánh. Cả nồi hoành thánh chỉ có một cái hoành thánh là có đồng tiền trong

đó thôi. Ai mà ăn trúng hoành thánh này thì cho là rất có phước và sẽ phát tài.

Hôm nay tôi giới thiệu về những phong tục này để trọng tương lai, nếu quý vị có dịp đi Trung Quốc thì quý vị sẽ biết. Còn như không có đi, quý vị cũng hiểu đại khái qua các phong tục đó.

Tháng giêng là tháng cho họ nghỉ ngơi, họ chỉ làm việc chút ít thôi. Hết tháng giêng, họ bắt đầu đi làm và sẽ không còn ăn các món ngon như vậy nữa. Còn một phong tục khác nữa là: Mồng một tết, họ phải biết nên khởi hành về hướng nào trong ngày đầu năm để họ nghinh tiếp thần Tài, thần Hỉ, thần Quý ở hướng đó. Đêm 30 họ cũng đón tiếp thần Tài. Đón vào lúc nào? Đúng 11 giờ đêm. Họ lập một bàn thờ ở hướng tây nam, rồi đốt một cặp đèn cầy và rót rượu thỉnh thần dùng. Sau đó cả nhà cùng quỳn thuộc họ, hướng về phía nam lễ bái. Sau khi lạy xong, họ thỉnh Thần Tài vào nhà.

Chúng ta ở đây cũng tiếp đón Thần Tài, Thần Hỉ và Thần Quý vậy. Thế nào là Thần Tài? Nếu quý vị không để mất tinh thần, tổn hao khí lực, tức là có Thần Tài. Còn Thần Quý thì sao? Trong một năm mà quý vị

không nổi nóng là quý lắm rồi, tức là có Thần Quý đó. Nếu quý vị phát tâm rằng: “Năm tới tôi sẽ không phát quạu. Tôi sẽ thay đổi tính tình” là có được Thần Quý đấy. Còn nếu lúc nào quý vị cũng vui vẻ, hân hoan, tức đang tiếp đón Thần Hỉ rồi! Bởi vậy cách thức diễn giải của tôi thì khác hẳn những lối trình bày cổ truyền của người Hoa.

Ba vị Thần Tài, Thần Hỉ và Thần Quý đều tự có trong quý vị. Bất quá tại quý vị không biết dùng đến, cứ mãi lo chạy ra ngoài để tìm cầu. Các Thần này vốn ngự ở trong ta.



Đại Thi Sĩ Hoà Thượng

Thích Hằng Thật

Lễ bái qua khỏi Vịnh Half Moon (Bán Nguyệt) thì đã đến giờ Ngọ. Tôi phủi bụi cát dính trên trán và sửa lại túi đeo sau lưng. Buổi sáng sớm đang yên tĩnh. Cũng là lúc lặng yên những trận mưa trúng tới tấp và những lời chế nhạo, mà chúng tôi đã hứng chịu suốt cả tuần qua ở thị trấn vùng ven biển này. Vừa đến gần bãi biển bên Quốc Lộ Một, sư Hằng Triều đi tới trước ra hiệu cho tôi ngừng lễ lạy để chuẩn bị dùng cơm trưa. Với nét mặt hớn hở Sư nói: “Sư Phụ tới kìa!” Tim tôi như nhảy vọt lên. Chúng tôi đã không gặp Sư Phụ cả ba tuần nay rồi. Vả lại chúng tôi cũng có nhiều chuyện muốn kể cho Sư Phụ nghe. Đặc biệt là bữa trước, trong lúc trời sương mù dày đặc, bỗng dưng tôi nổi hứng viết ra một bài thơ bằng tiếng Hoa. Tôi cảm thấy rất tự đắc về bài thơ đó, nên muốn được Sư Phụ khen tặng vài câu về tài làm thơ của mình.

Lúc đó Sư Phụ dẫn theo một số khách là: giáo sư Tạ Bằng Oanh, Từ Dật Quân, Quả

Ngộ và hai vị Tỳ Kheo Ni từ Vạn Phật Thánh Thành đến.

Đúng lúc quá! Nay có cả giáo sư Oanh, một “Nữ Quân Nhân” anh hùng trong cuộc kháng chiến chống Nhật ở Trung Quốc. Bà cũng là một nhà văn nổi tiếng. Sẵn dịp này, bà có thể thưởng thức bài thơ của tôi luôn thể vậy.

Suốt bữa cơm trưa đó, bà Oanh với vẻ mặt buồn ủ rũ chẳng vui. Cho nên Sư Phụ muốn khuyến khích cho bà lên tinh thần. Mặc dù tuổi bà đã cao, nhưng bị ông chồng có tánh ghen tuông, vẫn xem bà như là cô vợ trẻ mới cưới vậy. Cho nên trời vừa sụp tối là ông giới nghiêm không cho bà ra khỏi cửa. Riêng hôm nay bà trốn đi được là nhờ mưu kế của mấy người bạn của bà.

Vì đã phát nguyện tịnh khẩu, nên tôi đã im lặng từ lúc gặp Sư Phụ lần chót cho đến nay. Dùng cơm xong, bao lời lẽ từ lâu bị đè nén trong lòng tôi như muốn tuôn trào ra cùng một lúc. Đợi dịp mọi người vừa ngưng nói là tôi liền chêm lời vào.

Thưa Sư Phụ, con đã làm một bài thơ về cảnh giới hiện tại của con. Con có thể đọc

cho Sư Phụ nghe được không?

- Ô! Một bài thơ à? Đọc cho ta nghe thử coi! Thơ nói gì vậy?

Sư Phụ thoáng nghe, không có vẻ gì chú ý, nhưng tôi thì quá cao hứng nên ứng khẩu. Với lòng tự hào, tôi lên giọng đọc bài thơ bằng tiếng Hoa như sau:

Ngôn từ biện nghi, kinh thư đa,
Tinh thần bảo quý hy hữu Phật.
Mộng trung giác lai vô sở niệm,
Giác hậu tận khí vị chúng thuyết.

Nghĩa là:

*Lời nói rẻ rề, kinh sách nhiều,
Tinh thần là quý, Phật hiếm hoi.
Trong mộng tỉnh ra không chỗ niệm,
Giác rồi tận lực vì chúng giảng.*
Nghe rồi Sư Phụ thở khi:

- Hừ! Là vậy sao? Chú làm thơ, ngay đến một nửa cũng không đúng! Đọc lại lần nữa coi!

Bao hứng thú trong lòng tôi như sụp đổ!
Tôi đọc lại lần nữa.

Ngài nói:

- Sai rồi! Hồng phải vậy! Bây giờ để tôi sửa bài thơ đó lại một chút cho chú nhen!

Không chút nghĩ ngợi, cũng không cần viết xuống, Sư Phụ đọc lại nguyên bài thơ của tôi và khéo léo thay đổi một vài chữ trong mỗi câu. Bài thơ mới này như ám chỉ thẳng vào tâm trạng hiện tại của tôi, đồng thời nó cũng đập tan đi những hòn bọt kiêu ngạo trong tôi.

Sư Phụ sửa lại bài thơ của tôi như sau:

Ngôn từ hư vọng, giả biện đa,
Bảo quý tinh thần, khả thành Phật.
Mộng trung chỉ ngữ vô sát niệm,
Giác hậu nguyên lai nhất tự một.

Nghĩa là:

*Lời nói không thật, lẻo lự nhiều,
Quý giữ tinh thần sẽ thành Phật.
Trong mơ đừng nói, không các niệm,
Giác rồi một chữ vốn cũng không.*

- Giáo sư Oanh, Bà nghĩ thế nào? Sư Phụ hỏi.

Bà cư sĩ gương to đôi mắt dưới cặp kiếng mát, ra chiều hoan hỉ. Tiếng cười của mọi

người hòa lẫn cùng tiếng chim hải âu đang kêu vang trong không trung. Tôi cảm thấy ngột thở, như vừa bị một cú nhu đạo quăng nhào xuống nền cát. Đồng thời tôi cũng không ngăn được sự tức cười. Sư Phụ chớp nhoáng đã sửa lại lời lẽ trong bài thơ, nhằm để chỉ thẳng vào tướng ngã, cái gút mắc trong tâm tôi.

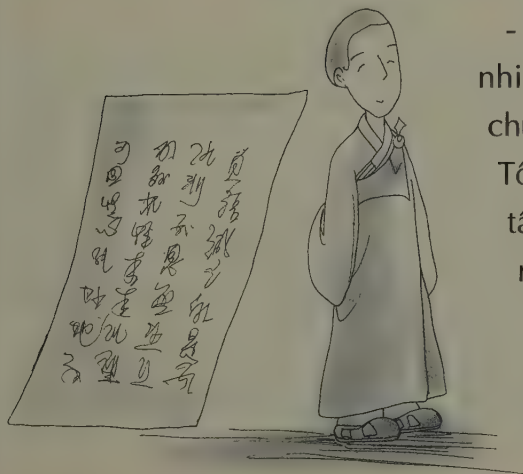
Ngài nói:

- Tôi đem câu “lời nói rẻ rề” sửa thành “lời nói không thật”. Chú nên nhớ pháp danh “Quả Chân” của chú tức là “(kết) Quả của lý Chân (thật)” đấy!

Kể từ ngày tôi được Quy Y Tam Bảo, lời dạy này như là đá thử vàng về sự tu hành của tôi. Ngài tiếp:

- Chú nói “kinh sách nhiều” tôi nói “lẽo lự nhiều”, chú nên hiểu rõ ý này chớ! Tôi thấy chú vẫn chưa hẳn tập trung vào việc tam bộ nhất bái đó!

Những lời chân thật không trau chuốt này



như chĩa thẳng vào tim tôi, khiến mặt tôi đỏ bừng trong cơn gió lạnh của vịnh Half Moon đây.

Trong câu thứ hai của bài thơ, Sư Phụ đem chữ thứ ba và thứ bốn ra trước hai chữ đầu là bảo quý tinh thần thay vì tinh thần bảo quý. Cho nên “bảo quý” lúc đầu là tỉnh từ để diễn tả “tinh thần là quý” nay đổi thành động từ “quý giữ tinh thần”. Đó là chỉ ngay thẳng vào cái mặt nạ trí thức giả dối tu hành, mà tôi vẫn đeo mang trong suốt mấy tháng lễ lạy vừa qua.

- Câu thứ ba tạm được, nhưng tôi đem “không chỗ niệm” sửa thành “không các niệm”. Chú chưa đến trình độ “không chỗ niệm” này, đừng có làm bộ lên mặt khoe khoang!

Còn câu cuối “Giác hậu tận khí” đọc không được lưu loát cho lắm. Hơn nữa, nếu là Bồ Tát chân thật thì không thể nào hết tận khí lực được. Với ý nghĩ này sẽ đưa chú rẽ vào con đường sai lầm thôi! Một khi chú chưa tỉnh ngộ, đó đều là hý luận cả. Thử đổi như vậy “Giác rồi một chữ vốn cũng không”. Thế nào hả? Như vậy có được không?”

Tôi như ngư ngẩn không nói nên lời. Quả là tôi đã dẫm rìu qua mắt thợ, muốn trở tài với nhà thi sĩ vô địch của mái trường xưa ở Trung Quốc. Để rồi tôi bị lãnh một chiêu tuy nhẹ nhàng, nhưng đủ cho tôi đo ván hằn hoi. Đó mới thật là công phu thần kỳ. Một công phu chân chánh, chứ không phải là những thứ quyền thuật, múa máy tay chân.

Võ thuật gì mà trong phút chốc lại có thể dồn võ sinh vào chân tường, để bắt tại trận những chiêu giả dối, sai lầm và những cao vọng kiêu căng trong vần điệu thích hợp như vậy? Thật là thần kỳ! Những khuyết điểm trong bài thơ của tôi đã được cắt xén một cách quyền thuật. Rồi sau đó, nó được trả về để phơi bày những chỗ thiếu sót của tôi. Tuyệt vời hơn nữa là câu chốt, nó như hé mở cánh cửa thần bí của tâm giác ngộ - một nơi không có lời lẽ hay ý tưởng gì làm ngăn mé giới hạn “Thiên Phật Tánh”.

Một trận cười từ trong lòng phát nổi lên khiến người tôi rung động. Tôi có cảm giác trên đôi vai và nét mặt mình, hầu như đã tan biến bao nỗi lo ngại của xa lộ trong mấy tuần qua. Tôi cười đến chảy nước mắt, cùng với tâm trạng vừa nhún nhường xấu hổ, lại

vừa vui mừng cảm kích. Sư đệ Hằng Triều không thể chia sẻ với tôi chuyện khô hài này, vì sư không biết tiếng Hoa, cũng như sư đã không thưởng thức được bài học tinh vi và chính chắn đó. Còn tôi nôn cười đến nỗi cũng không có cách gì để giải thích.

Sư Phụ biết tôi vốn rất yêu thích thơ phú. Để rồi trong phút chốc, Ngài đã lộ rõ cho tôi thấy ngọn lửa văn chương nóng bỏng của Ngài. Tôi nhớ đã nghe kể rằng: Trong mấy năm học ở trường, Sư Phụ từng nổi danh làm thơ và đối chữ vì Ngài chuyên viết câu đối dùng cho các bạn học, khi họ làm bài tập mà không thể đối được. Ngài không thích gì hơn là thi đấu trí. Ngài lại có thể sáng tác ra những bài thơ, câu đối, khiến cho ngay cả thầy giáo cũng phải nghiêng mình nể phục.

Hiện tại tôi đang liều mình vào vòng đấu với vị thi sĩ vô địch, nên đã bị quất nhẹ từ đầu tới gót. Nhưng bài thơ đặc sắc này là mục tiêu chính xác nhạy bén của sự giáo hóa. Chỉ thay đổi vài chữ trong bài thơ mà bốn câu thơ đầu tiên của tôi đã biến thành một bài học cho cả cuộc đời. Đồng thời đó cũng là sự soi chiếu những điểm mù mờ và

các tập khí đã từng cản trở sự giác ngộ của tôi.

- Được rồi! Chúng tôi về nhé! Chú phải nhớ giữ lời hứa của mình là sẽ không nói chuyện với bất cứ một ai. Đức Phật thành tựu đạo nghiệp, bởi vì đức Phật luôn luôn chân thật trong mỗi hành động, mỗi lời nói. Chú nay chỉ là mới bắt đầu thôi. Tu hành không phải để cho ngày mai hay năm sau, mà là cho vĩnh viễn. Chúng ta phải xem sự hành đạo của Bồ Tát như là bốn phận của chính mình, như là việc cần thiết trước nhất trong công tác hằng ngày, chớ không phải những kiểu cách thô thiển nhằm để gây sự chú ý, hay mong được kẻ khác tán tụng. Chỉ khi nào chú thành tâm thực hành, thì mới có thể vượt qua trần cấu vậy. Chú đồng ý không? Ô kê! Try your best! (Hãy cố gắng hết sức mình nhé!)

Thế rồi xe chuyển bánh trực chỉ hướng bắc để trở về San Francisco. Bên tai tôi vẫn còn vang vọng tiếng: “Bảo quý tinh thần khả thành Phật.”



Vạn Phật Thánh Thành

– Kỷ Niệm Thuở Ban Đầu

Guo Yue Nan

Trong cuộc đời của chúng ta, chắc hẳn rằng ai ai cũng có một vài kỷ niệm vui buồn đáng nhớ. Tuy vậy, có những kỷ niệm người ta không muốn khơi lại, vì biết rằng nếu nhắc đến sẽ làm cho lòng người xao động, nặng trĩu mối ưu phiền. Song cũng có lắm kỷ niệm ví như liều thuốc bổ, giúp cho con người thêm phần nghị lực, vui vẻ hẳn ra nên được nhắc hoài không biết chán. Thật ra nếu biết hồi quang phản chiếu, thì dầu là kỷ niệm vui hay buồn, chúng ta cũng vẫn có thể rút tỉa được những kinh nghiệm hữu ích trong cuộc sống. Sau đây chúng tôi xin kể lại những kinh nghiệm ngộ nghĩnh khó quên trong những ngày đầu tu hành ở Vạn Phật Thánh Thành dưới sự hướng dẫn của Hòa Thượng Tuyên Hóa.

Chúng tôi sinh ra trong gia đình Phật Giáo, tuy ông nội là tu sĩ, xuất gia vào chùa khi cha chúng tôi lên 9, 10 tuổi, nhưng chúng

tôi chưa kịp biết đến giáo lý Phật pháp thì ông nội cũng đã qua đời. Lớn lên cũng theo thông lệ như bao người Phật tử, chúng tôi cũng biết đến chùa lễ Phật và thỉnh thoảng phát nguyện ăn chay. Mãi đến năm 1989, chứng kiến cảnh vô thường, khi người cha thân yêu bất ngờ bị chứng bệnh hiểm nghèo cướp đi mạng sống nên chúng tôi phát tâm xuất gia, từ giả mẹ hiền và ba đứa em để vào chùa tập tu.

Mùa hè năm 1990 cả hai chúng tôi cùng được xuống tóc với danh nghĩa là “hình đồng” vì chưa thọ giới. Lúc bấy giờ Sư Cô trụ trì vì tuổi đạo còn nhỏ không thể thọ nhận đệ tử, nên giới thiệu Thầy của Sư Cô ở Việt Nam làm Hòa Thượng Ni cho chúng tôi, còn Sư Cô thì đại diện làm thầy y chỉ.

Sau đó một năm, nhận thấy hoàn cảnh không thích hợp cho việc tiến tu, nên chúng tôi xin phép từ giả Sư Cô lên đường tầm đạo. Cũng may là trước đó không lâu, tình cờ nghe có người kể sơ về nếp sống ở Vạn Phật Thánh Thành, chúng tôi cảm thấy thích thú vô cùng, lòng nôn nao chỉ muốn tìm đến nơi ngay, mặc dù chúng tôi đang ở bên phía đông vùng Philadelphia, Pennsylvania, còn

Vạn Phật Thánh Thành thì mãi tí bên phía Tây vùng California của nước Mỹ.

Mùa hè 1991, hai chị em chúng tôi được mẹ và em gái đưa đến tận Vạn Phật Thánh Thành, một nơi hoàn toàn xa lạ để bắt đầu nếp sống tu hành ở chùa người Hoa. Nơi đây ví như một thành phố nhỏ, nhưng có lối sinh hoạt hầu như khác hẳn với xã hội bên ngoài. Có lẽ vì thế mà nhiều người khi nghe nhắc đến chùa Vạn Phật Thánh Thành thì le lưỡi lắc đầu nói: “Chùa Vạn Phật là nơi tu khổ hạnh - ngày chỉ ăn một bữa, tối lại phải ngủ ngồi, khó lắm đó!” Phải chăng những lời này chỉ là tùy vào cái nhìn và căn duyên của mỗi người mà phán đoán?



Thật ra Vạn Phật Thánh Thành đâu có đến nỗi khổ sở như lời đồn đãi. Chẳng qua Sư Phụ chỉ vì muốn cho hàng đệ tử của Ngài có cơ hội tập tành theo các hạnh tu của những bậc tôn túc cổ nhân thôi. Nhưng cũng tùy theo tình trạng sức khỏe và khả năng kham nhận của mỗi người mà thực hành, chớ nào có bắt buộc ai đâu!

Dù trong thời gian đầu, lạ cảnh, lạ người, ngôn ngữ lại bất đồng, nhưng chúng tôi cũng

làm quen được ngay với các sinh hoạt ở chùa. Tuy Vạn Phật Thánh Thành là nơi thường dùng hai thứ ngôn ngữ, người không biết tiếng Hoa thì có thể nói tiếng Anh, nhưng ngặt nỗi phần đông huynh đệ chúng tôi lại chẳng biết tiếng Anh. Thôi thì chúng tôi cũng thử qua đủ cách, hết ra dấu rồi cũng phải xì xào nói đại, tiếng được tiếng không.

Nhớ lần đầu tiên khi đi trình diện Sư Phụ chúng tôi cảm thấy tủi thân ảm ức vô cùng vì chỉ biết đưa mắt nhìn mà miệng chẳng thốt nên lời. Sư Phụ có nói gì chúng tôi cũng không hiểu, cứ phải trông chờ vào người thông dịch. Sau đó không lâu, nhân ngày Sư Phụ làm lễ quy y cho Phật tử, các huynh đệ đốc thúc chúng tôi nên xin quy y theo. Dù trước đây chúng tôi đã quy y vào năm 1978 ở Việt Nam rồi, nhưng vì hoàn cảnh loạn ly nên chúng tôi đã mất liên lạc với Thầy cũ.

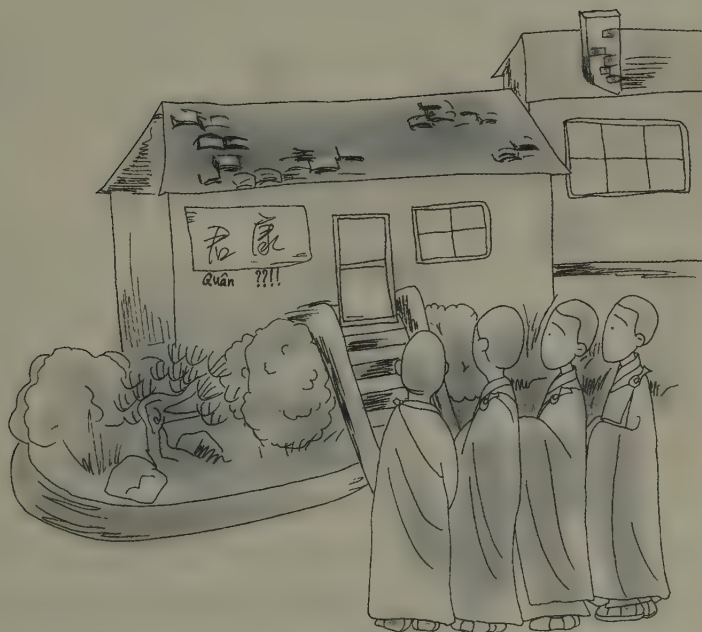
Khi buổi quy y kết thúc, chúng tôi được Sư Phụ đặt pháp danh là Quả Việt, và Quả Nam, có âm đọc là Guo Yue, Guo Nan tức Yue Nan nghĩa là Việt Nam. Nhưng không hiểu sao trong phút chốc Ngài lại cải chính và nói “Cô chị là Quả Nguyệt.” Tuy vậy, dù là Quả Nguyệt hay Quả Việt thì âm đọc

cũng vẫn là Guo Yue. Đến trước chúng tôi một tháng, cũng có hai ni cô người Việt mới xuất gia ở Pháp đến Vạn Phật Thánh Thành thọ giới Sa Di Ni và xin lưu lại Vạn Phật tu tập. Thế là chúng tôi nhập bọn thành bốn ni cô người Việt, đồng chung cảnh ngộ - đều dốt đặc tiếng Hoa.

Sư Phụ từ bi quảng đại, xem tất cả đều bình đẳng như nhau, Ngài thông cảm hiểu được nỗi khó khăn đó nên thường bảo các sư huynh (ni) dạy học thêm cho những ai không biết tiếng Hoa như chúng tôi. Cảm nhận sự chiếu cố tận tình của Ngài, chúng tôi cũng ráng sức miệt mài: học đọc, học nói, và học viết thật là lằng xằng. Nhất là ni cô em, đi đến đâu cũng ghi ghi chép chép, đến tối khi tắt đèn rồi mà cô còn cố dùng ánh sáng đèn ngủ ở hành lang để học tiếp.

Có lần bốn ni cô người Việt đi ngang qua căn nhà hàng chay ở Vạn Phật Thánh Thành, vừa thấy trên tấm bảng hiệu, tên nhà hàng có hai chữ với những lần ngang nét dọc, cả bọn liền xúm nhau bàn tán. Chữ đầu đơn giản nên nhận ra ngay là chữ Quân, còn chữ kế sao mà nhiều gạch quá! Cả bọn cứ ầm a ầm ớ: “Quân ... a Quân gì vậy cà?”

Bỗng ni cô em vọt miệng nói: “Thì là quân mù chữ tui mình đây nè!” Nghe vậy cả bọn ôm bụng cười ngất. Thật ra tên của nhà hàng là “Quân Khang” quân là tôn xưng khách, và khang là an khang. “Quân Khang” có nghĩa là chúc khách đến nhà hàng ăn chay được bình an và khỏe mạnh. Sư Phụ lập ra nhà hàng này cốt ý muốn giúp duyên cho khách thập phương, và những người Mỹ lãng giềng có dịp được thưởng thức những món ăn chay, gọi là “ăn một miếng chay sẽ bớt



ăn một miếng thịt”, tức bớt tạo nghiệp ác với súc sanh.

Thế rồi chúng tôi hòa đồng thuận thảo ngay vào nhóm Sa-di-ni, ngày ngày rằm rấp theo thời khóa. Hết tụng kinh bái sám, tới lên lớp học giới luật, lúc tan lớp lại xoay qua phần chấp tác. Giờ giấc khít khao như vậy thì làm sao có thời giờ mà ngồi đó nhớ mẹ nhớ cha. Nhóm Sa-di-ni chúng tôi gồm hơn 30 vị với lứa tuổi xấp xỉ khoảng từ 20 đến 30 mấy. Đi đâu chúng tôi cũng vào hàng lối nhíp nhàng theo tiếng niệm Phật vang rền. Cho nên đội Sa-di-ni chúng tôi trông có vẻ hùng dũng, hiên ngang như các binh sĩ đang trong thời gian luyện tập ở quân trường vậy.

Rồi những ngày tháng an tu như thế êm ả trôi qua, bỗng một hôm có lệnh trên truyền xuống rằng Sư Phụ sẽ tổ chức lễ Đại Giới Đàn vào năm tới. Tin này được bất ngờ đưa ra, khiến ai nấy cũng đều ngạc nhiên vì thông thường ở Vạn Phật Thánh Thành ít nhất cũng khoảng 3, 4 năm mới có Đại lễ truyền giới một lần. Năm nay vừa mới có đó, không biết vì sao, năm sau Sư Phụ lại muốn tổ chức nữa. Đâu ngờ rằng đây cũng là lần sau cuối

Sư Phụ làm chủ lễ để truyền giới cho chúng tôi (1992).

Theo truyền thống trước khi thọ giới Cụ Túc thì nhóm Sa-di-ni chúng tôi phải cấm túc trong khu Giới Đường 108 ngày. Trong thời gian này các giới tử được miễn hết các công việc chấp tác để tập trung tinh thần vào các thời lạy sám hối và học thuộc lòng một số giới luật được ấn định. Đối với những huynh đệ biết chữ Hoa thì chuyện học thuộc 53 bài kệ Tỳ Ni, giới Sa-di-ni, giới Bồ Tát và giới Tỳ Kheo Ni cũng dễ dàng thôi, nhưng đối với chúng tôi thì quả thật là cả một vấn đề.

Ni cô chị vốn đã chậm lụt mà ngay lúc đó lại bị bệnh, nên hy vọng nhờ vậy mà cô sẽ thoát được cảnh trả bài, nhưng rất cuộc cô cũng không tránh khỏi. Thế là sau một tuần nằm bệnh, cô vẫn phải bắt đầu chạy nước rút để đuổi theo các huynh đệ. Lúc đầu hẳn nhiên là chúng tôi chọn học giới luật bằng tiếng Anh. Nhưng sau đó khi so sánh thấy phần tiếng Anh hình như dài hơn tiếng Hoa đến gấp rưỡi, thế là chúng tôi liền chuyển sang học tiếng Hoa. Nói là học tiếng Hoa cho oai mà thật ra chúng tôi chỉ

đọc trợ trợ theo phần chú âm kèm bên chữ Hoa thôi. Điều kiện trả bài là phải đối trước một vị Tỳ Kheo Ni và đọc thuộc lòng ít nhất là một đoạn hay một giới. Chúng tôi nhờ mấy Sư Cô thông cảm nên được phần dễ dãi hơn - nghĩa là học thuộc được câu nào thì trả bài ngay câu nấy. Vậy mà nhiều lúc khi đối diện với các Sư Cô để trả bài thì lại chỉ nhớ được có nửa câu, hoặc đọc tới đọc lui mà người nghe cũng không hiểu là chúng tôi đang đọc tới đâu. Nếu ai chưa đủ tiêu chuẩn thì các Sư Cô bắt phải trở về ôn lại tiếp.

Trong khi đó lại có vài huynh đệ đã thuộc hết các phần giới luật, nên được thông thả ra ngoài khu Giới Đường để phụ giúp các Sư Cô khác chuẩn bị cho Giới Đàn. Thấy vậy ai nấy cũng đều nôn nao nên càng gia công hết mức. Đi đâu ai cũng kè theo cuốn giới loại bỏ túi, rồi đến lúc đi đường, lúc ăn cơm, đến nỗi lợi dụng luôn cả lúc lạy sám hối để học bài.

Vốn là sau mỗi thời khóa tụng kinh hằng ngày là đến phần các giới tử lễ Phật cầu sám hối, sáng lạy hai tiếng, trưa lạy hai tiếng, hầu thanh lọc thân tâm trước khi thọ giới.

Chúng tôi chia ra hai nhóm, khi bên này đứng niệm thì bên kia lạy xuống và quán tưởng. Vì niệm Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật với giọng ngân nga kéo dài, nên có một số giới tử nhân lúc lạy xuống liền móc ra mảnh giấy và liếc nhanh vào mấy hàng chữ lí nhí đã được ghi sẵn trước rồi. Thay vì lúc đứng lên sẽ tiếp niệm danh hiệu đức Bổn Sư, nhưng mấy cô lại lẩm nhẩm chỉ toàn mấy câu giới luật. Thấy cũng có lý nên càng ngày càng có thêm người bắt chước. Riết rồi tiếng niệm Phật cũng càng lúc càng nhỏ dần. Thế là Sư Cô quản chúng biết được nên cả nhóm giới tử bị mời lên lớp mài giữa cho một trận.

Từ đó trở đi chúng tôi mới chịu chí thành chí tâm sám hối: Mong rằng đức Phật từ bi chứng minh cho lòng thành của đàn chúng sanh nhỏ dại này. Tuy chúng con không niệm danh hiệu Ngài, nhưng cũng đâu có vọng tưởng nghĩ chuyện băng quơ. Sau đó ni cô em cũng ráng hoàn tất được trước thời hạn, còn ni cô chị thì kẹt lại hơn phân nửa phần giới Tỳ Kheo Ni.

Thời gian thọ giới đã cận kề, vậy mà vẫn còn một số giới tử còn ôm cuốn giới luật

học ráo riết. Thấy vậy Sư Phụ thương tình ban lời ân xá, tạm tha cho những ai còn đang dở dang chưa thuộc hết, nhưng Ngài khuyên khi thọ giới xong thì cũng nên học tiếp.

Thế rồi ngày thọ giới cũng đã đến. Trong bầu không khí trang nghiêm, nhóm giới tử trịnh trọng đón nhận lời ban truyền của chư vị giới sư. Kể từ đó các cô Sa-di-ni tên Quả trước đây, nay xúng xính trong bộ y pháp vàng, chánh thức trở thành những cô Tỳ Kheo Ni với pháp hiệu mới là Hằng. Hằng đây ví như lời nhắc nhở cái hằng tri hằng giác luôn hiện hữu trong mỗi chúng ta.

Sau ngày thọ giới không lâu, huynh đệ chúng tôi cũng lần lượt được phân bổ về các đạo tràng chi nhánh, gồm cả trong và ngoài nước Mỹ. Huynh đệ chúng tôi chỉ thỉnh thoảng gặp nhau vào những dịp lễ lớn ở Vạn Phật Thánh Thành. Nhớ có lần Sư Phụ nhắn hỏi hai chị em chúng tôi có muốn ở chung với nhau không? Chúng tôi thưa: Chắc là không nên, vì một đứa trong chúng con lầm lỗi chi thì đứa kia cũng sẽ bắt chước theo, nhưng cũng xin tùy Ngài, Sư Phụ dạy sao chúng con cũng nghe theo. Có lẽ Ngài

chỉ muốn hỏi thử thôi, vì rốt cuộc chúng tôi vẫn không có ở chung, ni cô chị vẫn ở chùa Kim Phật ở Canada, còn ni cô em cũng vẫn ở chùa Kim Sơn, San Francisco. Thời hạn để chúng tôi luân phiên ở các đạo tràng thì không cố định, vì đây cũng là một cách mà Sư Phụ muốn dạy cho chúng tôi không nên có tâm dính mắc, dù là ở đâu đều phải giữ tròn bốn phận của người tu hành.

Dù nay Sư Phụ đã vắng bóng nhiều năm nhưng chúng tôi sẽ không bao giờ quên được những ngày tháng an tu, tập luyện ở Vạn Phật Thánh Thành dưới sự quan tâm ân cần dạy dỗ của Ngài. Đối với chúng tôi, đây quả thật là một biến chuyển trọng đại trong quá trình tiến tu cho đến ngày viên mãn.



Viết lời kết tập kệ tán của Sư Phụ

Giáo Sư Richard

Năm 1992 là năm đáng kỷ niệm nhất trong đời tôi. Vì năm đó tôi có duyên lành với Hòa Thượng Tuyên Hóa. Qua nhiều lần nói chuyện với Ngài, tôi mới biết là Hòa Thượng chỉ đi học có hai năm rưỡi ở trường làng, vì vậy tôi rất khâm phục về sự hiểu biết văn từ cổ điển của Ngài. Bất luận như Tứ thư, Ngũ kinh hay cổ văn, cổ thơ, Ngài không những chỉ học qua mà lại còn có thể thuộc lòng tất cả.

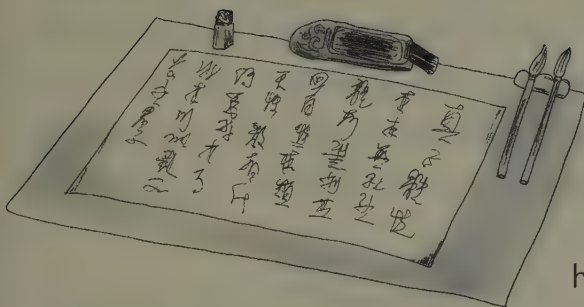
Tục ngữ có câu:

Thục đọc Đường thi tam bách thủ,
Bất hội tác thi dã năng ngân.

Nghĩa là:

*Đọc lâu ba trăm bài thơ Đường,
Không làm thơ được cũng biết ngâm.*

Hòa Thượng không những biết ngâm thơ mà còn có thể sáng tác thơ phú nữa. Điều này đa số người không thể làm được. Người



hiểu biết văn thơ cổ xưa, không nhất thiết là làm thơ được. Trong số các Phật tử, có rất ít người hiểu văn cổ điển mà có thể sáng tác thơ văn.

Nhưng Hòa Thượng có lẽ là một vị Thi Sĩ Thiền Sư xuất chúng hơn người. Bởi vì Ngài có tài làm thơ, nên Ngài sáng tác rất nhiều thơ kệ trong các cuốn sách về giảng giải kinh điển, cũng như trong những buổi giảng liên tiếp của tập “Thủy Kính Hồi Thiên Lục.” Vào những lúc mới khai đầu, hoặc đến khi kết thúc các buổi giảng, Hòa Thượng đều có thể viết ra nhiều thơ kệ, nhằm để chỉ ra ý nghĩa trọng yếu trong Kinh. Những bài kệ này khiến người đọc, vừa xem là có thể hiểu ngay ý nghĩa của bài Kinh, hầu mang lại sự áp dụng vào đời sống. Đây thật có thể gọi là “Vẽ rồng điểm mắt” vậy.

Ngoài ra Hòa Thượng còn sáng tác các thi văn về Phật, Bồ Tát và Thiền Sư. Cũng như ở Vạn Phật Thánh Thành trong ba mươi năm qua, Ngài đã viết nhiều thơ kệ nhân

dịp các Pháp hội thiền thất và Phật thất, hoặc trong các buổi lễ khai quang tượng Phật Thích Ca và tượng Bồ Tát Quán Âm, cũng như về núi Diệu Giác ở Vạn Phật Thánh Thành hay bày tỏ những cảm thọ của riêng Ngài.

Trong khi giảng Kinh thuyết Pháp, Hòa Thượng dùng rất nhiều phương pháp khác nhau để phù hợp vào từng hoàn cảnh, từng căn cơ nghi vấn của mỗi người, Ngài khuyến khích các đệ tử “thanh lọc ý chí cho thanh tịnh, hồi tâm hướng thiện, phát tâm dũng mãnh, lập chí tu hành để thành đạo quả.”

Kệ tụng là một pháp môn trong đạo Phật dùng để giáo hóa chúng sanh. Một trong các bài kệ mà các Phật tử quen thuộc, thường dùng nhất là Kệ Khai Kinh:

Vô thượng thậm thâm vi diệu Pháp,
Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ.
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì,
Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa.

Kệ Hồi Hướng sau đây cũng rất thông dụng:



Nguyện dĩ thử công đức,
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ.
Thượng báo tứ trọng ân,
Hạ tế tam đồ khổ.
Nhược hữu kiến văn giả,
Tất phát Bồ Đề tâm.
Tận thử nhất báo thân,
Đồng sanh Cực Lạc quốc.

Không kể là đệ tử Vạn Phật Thánh Thành, hoặc đệ tử tại các chùa khác, tất cả đều thuộc lòng hai bài kệ trên. Đến ngay cả tôi là một người đạo Tin Lành, mặc dù tôn trọng Phật giáo, nhưng lại không hiểu nhiều về đạo Phật. Vậy mà sau một năm tôi ở trong Vạn Phật, tai nghe, mắt thấy riết rồi cũng thuộc lòng hai bài kệ này luôn. Cho nên tánh cách của lời kệ rất quan trọng, không nói mà vẫn rõ.

Tôi ngưỡng mộ đức hạnh cao cả của Hòa Thượng Tuyên Hóa, lại cũng khâm phục trình độ cổ văn tinh thâm của Ngài. Nhân ngày sinh nhật của Hòa Thượng, tôi làm một bài thơ tuyệt cú bảy chữ, theo loại “tặng đầu thơ.” Tức là ráp những chữ đầu câu lại thì thành tên của Hòa Thượng.

Tuyên dương Phật Pháp độ trùng dương,
Hoá dục anh tài lợi vạn bang,
Thượng giới Bồ Tát phát trí huệ,
Nhân gian đạo sư khả ngu manh.

Nghĩa là:

Tuyên dương Phật giáo vượt trùng dương,
Hóa độ anh tài giúp vạn nơi,
Thượng giới Bồ Tát khiến phát tuệ,
Nhân gian Thầy dạy thoát ngu mù.

Xem xong Hòa Thượng mỉm cười. Rồi chỉ một thoáng nghĩ ngợi, Ngài bèn đặt thành hai bài thơ tặng tôi ngay tại chỗ. Bài thứ nhất là:

Bác hiệp yêm quán nhất thông nho,
Thanh ứng thanh lãng triển hồng đồ.
Phú quốc trực lâm tiêu ngô tài,
Tu thân tề gia tráng chí túc.

Nghĩa là:

Học rộng thông suốt cả Nho giáo.
Tiếng thanh giọng rõ, ý rộng mở,
Giàu nước trồng cây luyện nhân tài,
Tu thân tề gia đầy chí lớn.

Bài thứ hai:

Tinh thần sung bái hào khí tráng,
Lãi huyện si ông u mặc kỳ.
Sơn tăng bốn chuyết soạn lý câu,
Chúc quân bách tuế cánh vô nghi.

Nghĩa là:

*Tinh thần dồi dào khí mạnh mẽ.
Ngu ông Huyện Lãi vui trầm lặng.
Sơn tăng dần dần viết văn thơ,
Chúc ông trăm tuổi thật chẳng ngờ.*

Tôi phải suy nghĩ thật lâu mới có nguồn cảm hứng để viết thành một bài thơ tuyệt cú bốn câu. Nhưng Hòa Thượng ngay bàn tiệc, lập tức xuất khẩu thành hai bài thơ thất tuyệt một lúc. Khi đọc lên lại chứa chan âm điệu sống động. Lời thơ thành khẩn với ý nghĩa sâu xa, khiến mọi người đều tán phục!

Chúng ta đều biết Hồng Y giáo chủ Paul Vu Bản là thuộc đạo Thiên Chúa, không phải là tín đồ Phật giáo, nhưng Hòa Thượng Tuyên Hóa đã cùng Hồng Y giáo chủ kết thành bạn đạo rất thân thiện. Đây thật là chuyện hiếm quý.

Trong bài kệ Hòa Thượng viết về Hồng Y giáo chủ, Ngài đã bày tỏ lòng tưởng niệm sâu xa đối với người bạn đạo tinh thần như sau:

Bạch Sơn hắc thủy dục kỳ anh,
Phú quý vinh hoa tệ si khinh.
Thiên chúa Giê Su minh thể dụng,
Nhân tâm Phật tánh ngộ viên dung.
Thận chung truy viễn dân đức hậu,
Cúc cung tận tụy cổ đạo phong.
Đại tai Xu Cơ Vu chủ giáo,
Nghĩ hình vạn thế chúng ngưỡng tôn.

Nghĩa là:

*Núi trắng nước đen dạy anh tài,
Xem nhẹ phú quý như dép rách.
Chúa trời Giê Su hiểu thể dụng,
Phật tánh nhân tâm ngộ viên dung.
Dạy kính tổ tiên, khuyên đạo đức,
Cả đời ủng hộ đạo lý xưa.
Lành thay, Hồng y giáo chủ Vu,
Gương mẫu muôn đời được kính thờ.*

Tôi không những cảm phục đức hạnh cao quý, mà còn khâm phục luôn cả tài thi phú thuần hậu, mộc mạc của Hòa Thượng nữa. Tuy Ngài kết giao rộng rãi, nhưng Ngài chỉ

xem trọng về phẩm cách tu dưỡng của con người, chứ không để ý chấp nhất về tôn giáo tín ngưỡng. Hồng Y giáo chủ thuộc đạo Thiên Chúa, còn tôi thì đạo Tin Lành, nhưng Hòa Thượng vẫn kết giao làm bạn với chúng tôi mà không hề phân biệt đây kia. Vì vậy đạo đức cùng phẩm chất trong sạch của Ngài, lại càng vượt bậc hơn cả hầu hết chúng ta. Như kể cả luôn tôi, chúng ta cũng không hy vọng gì để có thể bì kịp với Ngài. Hôm nay nhân dịp lễ kỷ niệm sự giáo hóa của Hòa Thượng, các đệ tử kết tập thơ kệ của Ngài. Tôi cũng viết xuống mấy dòng chữ này để tưởng niệm người bạn xưa.

*Dương Phú Sâm hay Cảnh Tiều, ông già
ngụ 80 tuổi ở Huyện Lãi.*



Một hồi tưởng thú vị về chuyện học tiếng Hoa

Quả Kiệt



Tôi muốn viết bài hồi tưởng về kinh nghiệm của tôi với Sư Phụ, lúc tôi ở chùa năm 1973 đây. Vì tôi nghĩ rằng những ai có dịp đọc qua sẽ thưởng thức và học hỏi thêm về mẫu chuyện thần bí này.

Mùa Thu năm 1973 tôi vào chùa, lúc bấy giờ các vị Tăng Ni đều bảo tôi một việc rất rõ ràng là tôi đừng trông mong sẽ được Sư Phụ thỉnh thoảng đến nói chuyện. Bởi vì Sư Phụ muốn tôi vào chùa là vì sự tu hành của tôi, chứ không phải vì Ngài mới đến chùa. Chuyện này đã không thành vấn đề đối với tôi. Cho nên mỗi ngày tôi chỉ lo thi hành phận sự và tham gia các thời khóa khít khao của chùa. Mỗi tối chúng tôi đều được nghe Sư Phụ giảng kinh. Ngài nói tiếng Hoa rồi sau đó liền được phiên dịch sang tiếng Anh. Tôi ngồi gần thầy Hằng Quán. Vị này là Tỳ Kheo đã tu lâu năm, nên được xem như là bậc sư huynh vậy. Thường thì thầy dịch

thoáng qua nội dung lời giảng của Sư phụ thật mau cho tôi nghe trước, sau đó Thầy chánh thức dịch cho đại chúng, để tôi có thể theo kịp.

Vào một buổi giảng tối, Sư Phụ bỗng nhiên hỏi những vị xuất gia về Mười Phật Lực. Mặc dù năm trước Ngài đã giảng qua rồi, nhưng những người có mặt trong buổi giảng đã không một ai nhớ nổi. Sư Phụ bảo mỗi người phải ráng học ôn lại, để chuẩn bị trả lời cho Ngài vào bữa tối mai. Nghe xong, Thầy Hằng Quán thúc cùi chỏ, bảo tôi gặp Thầy sau khi tan lớp học, vì Thầy mới nghĩ ra một kế hay. Sau đó chúng tôi gặp nhau, Thầy nói:

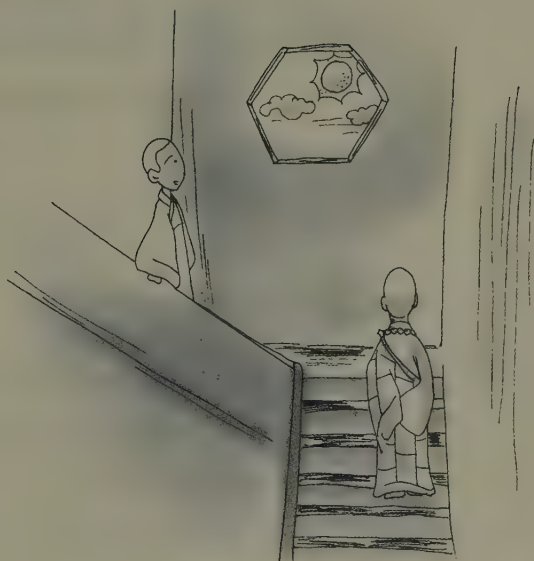
- Anh nghe nè! Tôi biết anh không biết một tiếng Hoa nào cả. Vậy sao không để tôi dạy anh nói Mười Phật Lực bằng tiếng Hoa. Rồi tối mai, khi Sư Phụ hỏi, anh giơ tay trả lời. Được như vậy thì Sư Phụ sẽ cảm động lắm đó! Vì Ngài vốn biết anh không biết chút nào về đề tài này.

Tôi đồng ý ngay. Đến tối hôm sau là tôi đã học được cách phát âm về Mười Phật Lực. Trong suốt buổi giảng, tôi ngồi chăm

chú, trông chờ Sư Phụ hỏi về đề tài này. Dĩ nhiên Sư Phụ đã không hỏi đến. Qua tối hôm sau nữa, Ngài cũng không nhắc đến luôn. Rồi trải qua hai tuần nghe giảng kinh, tôi đã hoàn toàn quên hẳn về kế hoạch của chúng tôi.

Sau mỗi bữa Ngọ, chúng tôi có khoảng 45 phút để chuẩn bị cho khóa lễ Đại Bi sám. Lúc đó chùa vẫn ở địa điểm cũ, là nơi như trong “tủ đá” dưới khu vực kho hàng của San Francisco. Mỗi ngày vào lúc này, tôi thường leo lên hai đoạn cầu thang đến thư viện tầng phía trên. Từ cửa sổ phía đầu cầu thang, tôi có thể mau mắn chòm ra ngoài để nhìn lên không trung nói lời chào hỏi mặt trời. Đó chỉ là một cách mà tôi có thể liên lạc với thế giới bên ngoài. Dĩ nhiên trước khi muốn ngó ra ngoài cửa sổ, tôi cũng phải biết chắc là không có ai theo tôi lên cầu thang.

Nhưng vào một ngày nọ, khi tôi lên cầu thang, và tin chắc là không có người ở phía sau, cũng như không có ai ở phía trên thư viện. Thế là tôi vội đưa đầu ra ngoài. Nhưng ngay lúc đó, tôi bỗng nghe có tiếng người ở phía sau. Tôi liền ngoái đầu tìm, thì thấy Sư Phụ đứng cách tôi chỉ khoảng một thước



thôi. Ngài nhìn thẳng vào mặt tôi nói:

- Đọc Mười Phật Lực cho tôi nghe thử coi!

Ôi! Thật hoàn toàn ngoài sự tưởng tượng, vì Ngài đang hỏi chuyện tôi. Tôi cũng không hiểu sao, Ngài lại đột ngột xuất hiện, kể sát bên tôi một cách kỳ lạ như vậy. Dĩ nhiên, tôi thoát ra câu đầu tiên với âm điệu tiếng Hoa loạn xạ, không ra gì. Tự biết mình nói không đúng, nên tôi vội trấn tĩnh tinh thần lại và đọc Mười Phật Lực. Hòa Thượng liền nói:

- Khá lắm! Lần sau nên cố gắng thêm nhé!

Tôi xuống lầu, rồi đi thẳng đến nhà bếp. Lúc đó có Thầy Hằng Quán cùng các Thầy, Cô khác đang tụ họp pha trà uống. Tôi đi vào nói:

- Quý vị có biết không? Sư Phụ vừa mới nói chuyện với tôi nè! Sư Phụ còn hỏi tôi về Mười Phật Lực nữa đó!

Mọi người hồi hộp đến lặng cả người, rồi với vẻ hết sức nghiêm trọng, họ đồng một lượt cùng lên tiếng:

- Không đâu! Làm gì có chuyện đó!



Phương tiện thiện xảo

Thích Hằng Duyên

Lần đầu tôi được biết danh Sư Phụ là nhờ người bạn cho tôi cuốn “Thập pháp giới bất ly nhất tâm niệm” do Ngài giảng giải. Với lối giảng giải rất giản dị, vắn tắt liên quan đến những căn bản của Phật giáo, khiến cho tôi rõ thêm về : thân, khẩu, ý của chúng ta - chúng trở thành nghiệp như thế nào, rồi cuối cùng chúng cũng định rõ cảnh giới nào chúng ta sẽ tái sanh. Cuốn sách này nhắc nhở tôi thế nào là những nhược điểm thường phạm phải nếu chúng ta không luôn để ý tỉnh giác trước những nghiệp tội mà thân, khẩu, ý vẫn luôn không ngớt tạo tác.

Lúc bấy giờ, sự hiểu biết của tôi đối với Phật Pháp rất là cạn cợt. Tôi bắt đầu tự đánh giá mình, và tôi nghĩ rằng trong cuộc đời này tôi đã tạo tác rất nhiều nghiệp xấu. Nếu tôi không tu hành nghiêm chỉnh ngay lập tức, tôi sẽ không tự cứu được mình thoát khỏi tái sanh vào những cảnh giới khổ sở thấp kém hơn. Thế là sau đó không bao lâu,

tôi quyết định xuất gia với Sư Phụ và nghĩ rằng trong cả triệu năm sau, có lẽ tôi sẽ không có được cơ hội này nữa.

Lúc đầu, ngoài các sách về tiểu sử cuộc đời và những bài khai thị của Sư phụ, tôi biết rất ít về Ngài. Dần dần ngày qua tháng lại, tôi cảm thấy mình rất có phước là đã gặp được một vị thầy hiếm có này. Thật vậy, rất khó tìm gặp và được thâm nhận bởi một vị Thầy kiêm toàn cả trí tuệ lẫn đức hạnh và lòng từ bi như vậy. Mặc dù Sư phụ không theo sát tôi mỗi ngày, nhưng Ngài có phương pháp riêng để quan sát mỗi hành động, tư tưởng của tôi. Vả lại Ngài còn có cách đặc biệt riêng, nhằm cho tôi biết rằng: Ngài đang theo dõi tôi và sẽ chỉ bảo về những chỗ sai quấy của tôi.

Thí dụ như vào một bữa tối trong buổi nghe kinh thường ngày, tâm tôi bỗng suy nghĩ băng quơ: Tôi nhớ lại lúc tôi xin phép Sư Phụ nhận tôi làm đệ tử xuất gia, Ngài hỏi tên đời tôi viết ra sao, cũng như ngày sanh và một số dữ kiện khác về cuộc đời tôi. Thế rồi tôi đâm ra thắc mắc: Không biết Sư Phụ có còn nhớ tên đời của mình không nữa? Khoảng nửa tiếng sau, kết thúc buổi

nghe kinh, tôi rời chánh điện, vừa đi ngang qua phòng trước thì điện thoại bỗng reo. Tôi trả lời điện thoại. Thì ra là Sư Phụ gọi. Câu đầu tiên Ngài nói: Có phải tên đời của chú là vậy...vậy không?

Tôi giật mình sửng sốt. Mỗi lần Sư Phụ gọi, thường thì Ngài chỉ hỏi về chuyện trong chùa, chỗ đâu có nói chuyện vu vơ với tôi như vậy. Hơn nữa, lúc đó Sư Phụ đang ở Los Angeles, cách đây cũng cả ngàn dặm. Ngài gọi chỉ là để bảo tôi không nên để tâm suy nghĩ vớ vẩn khi ngồi trong lớp nghe Kinh. Đây cũng là cách Sư Phụ cho biết rằng, Ngài đang xem xét tôi đấy, nên tôi cũng thọ giáo được một bài học.



Trong giai đoạn đầu làm một vị Tăng, tôi chỉ mới tập quen dần với việc ngày ăn một bữa. Nhưng thỉnh thoảng vào buổi sáng, tôi thường cảm thấy bụng đói kêu ột ột. Thế rồi một bữa sáng nọ, tôi tìm thấy một hộp bột cũ trong nhà bếp. Loại bột này là lúa mạch ngũ cốc, khi pha nước nóng vào thì sẽ đặc sệt lại. Tôi quyết định pha một ít uống cho đỡ đói. Thế rồi đến ngày hôm sau Sư Phụ kêu điện lại, câu đầu tiên Ngài hỏi là:

- Hiện tình trạng ăn uống của chú ra sao rồi?

Tôi nín câm! Có phải là Ngài đang hỏi thăm về tập quán, ngày ăn một bữa của tôi, hay là Ngài muốn ám chỉ về sự bất chánh - lén quậy bột uống chẳng? Tôi lắp bắp, lẩm nhẩm trả lời, và xin hứa sẽ hàng phục bụng đói, ráng hết sức của mình quyết thực hành ngày ăn một bữa. Nay hồi tưởng lại, lúc đó Sư Phụ có thể lớn tiếng quở phạt tôi về tội bất chánh đó, nhưng tôi nghĩ vì lòng từ bi mà Ngài đã bỏ qua cho tôi.

Trong các việc làm của chùa, mỗi khi tôi lầm lỗi, Sư Phụ sẽ nghiêm khắc mắng quở và còn gặng hỏi, tra xét tôi nhiều lần. Nhưng

cũng có lúc Ngài bỏ qua cho tôi. Tuy nhiên những lúc được buông tha, tôi cũng cảm nhận rằng, tôi như vừa thoát khỏi tai nạn qua đường tơ kẽ tóc. Rồi tôi cảm thấy nhẹ nhõm từ những sự dung tha không la rầy đó.

Sư Phụ rất cứng rắn và nghiêm khắc trong phương pháp dạy dỗ của Ngài, nhưng cũng rất từ bi theo lối giản dị không kiêu cách. Sư Phụ lại có trí nhớ thật kỳ diệu về nhiều sự việc, từ những chuyện xa xưa cho đến những chi tiết nhỏ nhất.

Tôi biết mình thường phạm lỗi và mang đầy phiền não. Cho nên tôi muốn được sự chỉ dẫn, nhưng tôi đã không biết thưa hỏi ra sao? Là đệ tử của Sư Phụ, tôi giống như đứa trẻ đang bơi lội trong hồ, nhưng biết có người cha luôn ở gần bên trông nom, không để cho tôi bị chết đuối. Và cho đến ngày nay, tôi vẫn đặt lòng tin đó nơi Sư Phụ. Ngài giống như một người chăn trầu hiền lành, quả quyết không để bất cứ con trầu nào đi lạc vào nơi nguy hiểm cả.

Một trong những khuyết điểm của tôi là học thuộc lòng những bài tụng của các thời khóa. Khi tôi xuất gia chưa được bao lâu, có một bữa sáng khi chúng tôi đang tụng mới

nửa chừng thời công phu khuya thì Sư phụ gọi đến. Tôi trả lời điện thoại. Khi Sư phụ hỏi đang tụng tới đâu thì tôi trả lời ngay. Nhưng sau đó Ngài lại bảo tôi đọc 10 Hạnh Phổ Hiền bằng tiếng Hoa (một phần trong khóa công phu khuya). Tôi thật hoàn toàn không có chuẩn bị cho cuộc khảo thí này, dù chỉ là một bài thi nhỏ thôi. Tôi rĩ rả nặn ra từng chữ này, từng chữ nọ, nhưng Sư Phụ đã rất kiên nhẫn nhắc tuồng, giúp tôi bù lấp vào những chỗ không nhớ ra. Tôi như muốn rưng nước mắt.

Đây, một vị thầy đức độ, được bao ngàn người trên thế giới tôn kính, lại đang hiền hòa chỉ dẫn tôi đọc từng lời hạnh nguyện, mà đáng lẽ tôi phải thuộc lòng. Tôi cảm thấy mình không xứng đáng được sự quan tâm, yêu thương dịu dàng và lo lắng cho cái ngu dốt, tối dạ học chậm như tôi.

Có một ngày Sư Phụ hỏi tôi về chuyện tôi đã gây sự với một người trong mấy tháng trước. Với sự rà đài đặc biệt của Ngài, Ngài đã biết hết, nhưng đã giữ đó để đợi đến đúng lúc, Ngài mới chỉ ra vấn đề của tôi. Lại một lần nữa, chỉ nói một ít lời thôi, mà Sư Phụ đã khiến tôi nhận biết được sự đại

dột của mình. Tôi vẫn nhớ lời Sư Phụ nói:

- Tại sao lại phải nổi giận hả!

Giọng Ngài quá hiền lành và dịu dàng làm tôi muốn bật khóc. Ngay lúc ấy, tôi cảm thấy dù cho tôi có dùng lời lẽ gì sám hối đi nữa, cũng không bù đắp được tội nổi nóng của tôi. Khi Sư Phụ khui ra vấn đề, tôi tin chắc là mình sẽ bị một trận quở mắng to tiếng, nhưng với phương tiện dạy dỗ thông thường của Ngài đã làm tôi ngạc nhiên chẳng thể ngờ. Sư Phụ đã biết quá rõ con người tôi từ trong ra ngoài.

Sư Phụ có nhiều phương pháp rất thích đáng trong việc giáo hóa chúng sanh. Và tôi là một trong những chúng sanh đã rất may mắn nhận được sự dạy dỗ nhẫn nại và từ bi của Ngài. Không có ngôn ngữ nào diễn tả hết lòng biết ơn Sư Phụ thâm sâu đã thâm nhận tôi làm đệ tử của Ngài. Trong thâm tâm, tôi tự biết Sư Phụ vẫn sẽ tiếp tục chỉ dẫn tôi. Tôi nguyện đời đời kiếp kiếp cầu bái Hòa Thượng Tuyên Hóa làm Sư Phụ.



Ứng dụng Phật pháp vào đời sống

Thích Hằng Thị

Sư Phụ xem trọng nhất là mỗi chúng ta nên có bốn phận biết tự khắc khổ bản thân, quên mình để làm lợi ích cho người

Mặc dầu tôi có nhân duyên xuất gia và tu học dưới sự chỉ dạy của Hòa Thượng nhưng chỉ ở chùa trong thời gian ngắn nên tôi không được học hỏi gì nhiều. Hôm nay tôi xin bàn luận về vài việc xảy ra rất tầm thường, nhưng lại biểu hiện sự nhẫn nại của Hòa Thượng trong khi giáo hóa chúng đệ tử.

Nhớ có lần tôi thỉnh hỏi Hòa Thượng:

- Sư Phụ! Con rất muốn sám hối với Sư Phụ, nhưng con biết con không thể làm được. Tại sao? Bởi vì con nghĩ rằng một người có đủ tư cách sám hối, nếu người đó thật thành tâm muốn sửa đổi lỗi lầm và sẽ không tái phạm sau khi đã sám hối. Nếu biết rằng con không thể không phạm lại lỗi cũ, tức con không đủ tư cách thỉnh cầu sám hối. Cho

nên mặc dù con rất muốn sám hối, nhưng con tự cảm thấy con không xứng đáng.

Sư Phụ im lặng lắng nghe rồi nói:

- Đó là lỗi của Sư Phụ đã không dạy dỗ con đường hoàng.



Nghe những lời này, tôi cảm thấy xấu hổ và hối hận vô cùng. Có thể nói là Hòa Thượng đã dạy bảo các đệ tử với lòng nhẫn nại quá mức. Sư Phụ thường tới lui các chùa chi nhánh, cũng như đối với từng đệ tử, Ngài đều quan tâm lo lắng như nhau. Vào những buổi tối, khi có lớp nghe kinh ở Diệu Ngữ Đường, Sư Phụ lúc nào cũng tới đó trước đại chúng. Thay vì tới nơi để ngồi vào Pháp tòa, nhưng Ngài đã không làm thế. Vậy Ngài làm gì? Ngài đứng ngay cửa lớp học. Dù là mùa đông lạnh giá, hay mùa hè nóng cháy ở Vạn Phật Thánh Thành, Sư Phụ đều đứng trước ngưỡng cửa nhìn chúng tôi từng người một, lần lượt vừa niệm Phật vừa bước vào Diệu Ngữ Đường.

Khi tan lớp, Ngài đi ra trước hơn ai, rồi lại đứng trước ngạch cửa nhìn mỗi người bước ra, như tiễn đưa chúng tôi rời lớp vậy. Không ai biết là Sư Phụ tiếp tục đứng đó

cho đến bao lâu, vì Ngài là người cuối cùng rời khỏi nơi đó, sau khi hàng ngũ của chúng tôi khuất dạng.

Mỗi lần sắp hàng đi nghe giảng kinh, chúng tôi có cảm giác vừa nôn nao thích thú, lại vừa rất lo sợ khi gặp Sư Phụ. Tại sao chúng tôi lại có những cảm giác mâu thuẫn như thế? Chúng tôi mong gặp Sư Phụ, vì giống như gặp được mặt cha mình. Dù không được thấy Sư Phụ mỗi ngày, nhưng chúng tôi biết là nếu Sư Phụ có mặt ở Vạn Phật Thánh Thành, Ngài nhất định sẽ đến tham gia với đại chúng trong buổi nghe kinh tối.

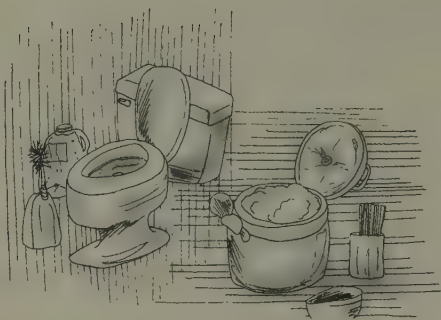
Mặt khác, chúng tôi lại lo sợ, bởi vì tự biết chúng tôi chưa làm tròn bổn phận tu hành cũng như chưa điều phục được chính mình. Cho nên chúng tôi cảm thấy không có mặt mũi nào để đối diện với Sư Phụ. Đa số các đệ tử Ngài đều có sự mâu thuẫn này trong tâm.

Hơn nữa, khi thật sự khiển trách chúng tôi, Ngài thường khuyến khích chúng tôi nên học theo gương các vị Thánh Hiền. Ngài đặc biệt tán thán Nhan Hồi (đệ tử của Khổng tử):

- Các con biết không? Trong các bậc Thánh nhân, Nhan hồi quả thật là một vị hiền đức. Tại vì sao? Bởi vì ông không bao giờ tái phạm cái lỗi đã làm đến lần thứ hai. Đại Vũ cũng là một vị Thánh đức độ, vì hề nghe có người làm chuyện thiện là ông liền cúi đầu bái phục người đó ngay. Tử Lộ cũng là người có đức hạnh, vì ông rất hoan hỷ khi có người chỉ ra lỗi của ông.

Vì vậy Hòa Thượng rất muốn chúng ta học tập sửa đổi lấy mình và phải thành tâm chuyên cần trong mọi việc làm để chuyển ác thành thiện. Nói đến chuyện chuyên cần này, tôi nghĩ đến câu chuyện về Sư Phụ khi Ngài còn làm chú Sa Di. Chắc cũng có nhiều người đã biết chuyện này rồi, nhưng cũng không có hại gì, nếu nghe thêm lần nữa về việc làm gương mẫu của Sư Phụ. Điều quan trọng là khuyến khích chúng ta nên noi gương theo Ngài, mà ứng dụng vào đời sống hằng ngày.

Lúc Sư Phụ còn làm Sa Di ở Đông bắc, Trung Quốc, dù mùa đông rét buốt khi tuyết rơi nhưng Ngài vẫn thức dậy thật sớm hơn mọi người, trước lúc kẻng thức chúng.



Ngài dậy sớm để làm gì? Không phải Ngài thức sớm để dụng công tu tập cho riêng Ngài, mà để mau đi quét tuyết, dọn đường cho đại chúng được

an toàn, không bị trượt té khi đi đến chánh điện. Ngài cũng lãnh phần đổ những thùng phân chứa trong các nhà vệ sinh. Một ngày nọ, Sư Phụ nói với các đệ tử rằng:

- Nếu các vị biết tôi đã làm gì với hai bàn tay này thì tôi tin chắc rằng, các vị sẽ không dám ăn bữa cơm do tôi nấu hôm nay. Tôi đã dùng hai tay chùi rửa 30 thùng phân dơ bẩn, hôi thúi đây để nấu bữa cơm này đó, nên tôi tin chắc là chẳng ai dám ăn.

Từ những chuyện nhỏ nhặt như thế, cho thấy Hòa Thượng dạy chúng ta rằng: Nhân cách cao thượng quan trọng hơn là có tài bàn luận về các triết lý tuyệt diệu cao xa. Việc mà Sư Phụ nhấn mạnh nhất là: chúng ta nên biết chịu khổ cực và quên mình để cứu giúp kẻ khác.

Đây cũng chính là tinh thần Phật giáo chân chánh của: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Chúng ta có thể học được những lý thuyết thâm sâu nhất, nhưng tốt hơn là nên hiểu biết thật sự và thi hành từng chút một vào trong đời sống của chính mình. Như thế tức là chúng ta thật biết cố gắng y giáo phụng hành. Đây là chút kinh nghiệm của tôi từ những năm qua, nay xin chia sẻ với mọi người. Hy vọng chúng ta hãy tự thức liễm thân tâm mình rồi áp dụng ngay trong cuộc sống hằng ngày, dù chỉ thực hành với một lời hay một câu mà Sư Phụ đã dạy dỗ chúng ta.



Mãi Mãi Tri Ân

Vương Tuấn Bang.

Hòa Thượng hoàng pháp tại Rochester,
New York, ngày 11/93

Tôi được sanh ra trong một gia đình Phật giáo. Cha tôi là Quả Khánh, đã ăn chay trường mấy chục năm và là một Phật tử thuần thành. Cho nên khi tôi trưởng thành, cũng được hấp thụ ít nhiều về văn hóa Phật giáo. Hơn mười năm trước, tôi tình cờ đọc được cuốn Mây Không (Empty Cloud), nói về tiểu sử lúc sanh thời của Lão Hòa Thượng Hư Vân. Tôi vô cùng cảm phục đức hạnh và sự tu hành của vị cao Tăng này. Phần nội dung cuốn sách có đề cập đến Hòa Thượng Độ Luân, cũng khiến tôi có ấn tượng sâu sắc về Ngài. Đó là sự bắt đầu gieo duyên lành của tôi với Hòa Thượng.

Nhiều năm sau, có một ngày chú tôi, Vương Kim Bình hỏi cha tôi có biết Hòa Thượng Tuyên Hóa ở nước Mỹ không. Mặc dù cha tôi tin Phật đã lâu năm, nhưng đa số

ông đều đi chùa ở Đài Loan. Vì thế ông không nghe nói về Hòa Thượng, nên nói là không biết vị Hòa Thượng này. Sau đó chú tôi mới kể cho cha tôi nghe về nhân duyên của ông với Hòa Thượng.

Chú kể lại rằng: Có một người phạm Luật Giao Dịch Chứng Khoán ở Đài Loan bèn đến Mỹ thỉnh hỏi Hòa Thượng cách giải quyết sự khó khăn đó. Hòa Thượng bảo ông về Đài Loan tìm một vị Đại Biểu Lập Pháp tên Vương Kim Bình, thì sẽ được giúp. Tuy nhiên ông này chỉ biết một vị Đại Biểu Hội Đồng Quốc Gia là Vương Trung Bình và không hề biết gì về Vương Kim Bình. Cho nên ông hỏi Hòa Thượng thêm một lần nữa:

- Hòa Thượng, ý Ngài nói là Vương Kim Bình, chứ không phải Vương Trung Bình, phải không?

Nhưng Hòa Thượng nhất định nói là Đại Biểu Lập Pháp Vương Kim Bình.

Sau đó người này cấp tốc trở về Đài Loan để tìm chú tôi. Ông nói cho chú tôi nghe nguyên nhân tự sự, rồi sau đó không lâu, vấn đề được giải quyết êm xuôi. Trước sự việc này, chú tôi và Sư Phụ đã chưa từng

gặp nhau. Ai lại đoán được rằng Sư Phụ ở Mỹ xa xôi, mà Ngài lại nói rành cả tên họ của chú tôi ở tận Đài Loan để cho người đi tìm.

Năm 1988 Hòa Thượng đến Đài Loan hoằng Pháp. Cha và chú tôi bàn với nhau tìm cơ hội đến bái kiến Hòa Thượng. Cha tôi nói về việc ông có một tòa biệt thự ở Lục Qui, Cao Hùng và muốn cúng dường Sư Phụ làm đạo tràng. Sư Phụ cười nói: Tốt lắm!

Sau đó Sư Phụ cùng đoàn hoằng Pháp đến Lục Qui và đặt tên tòa biệt thự đó là Phật Học Viện. Cả gia đình chúng tôi gồm bốn người, đều quy y với Sư Phụ và trở thành đệ tử tại gia của Hòa Thượng Độ Luân. Đó là những nhân duyên đã khéo phù hợp xảy ra thật khó ngờ được.

Hai năm sau, tức là 1990, cả gia đình tôi di dân đến Mỹ và định cư tại thành phố Rochester, gần biên giới Canada và New York. Chỉ có số ít người Hoa sống ở vùng này, và hầu hết họ lại là đạo Tin Lành. Cho nên nơi này rất ít có cơ hội được nghe Phật Pháp. Mặc dù tôi đã nhiều lần thăm viếng các chùa vùng lân cận, và cố gắng sắp xếp

thỉnh mời Pháp sư tới Rochester, để tổ chức thành một giảng đường Phật học, hầu kết Pháp duyên với dân ở đây, nhưng tôi đành bó tay bỏ cuộc. Mãi đến năm 1993, khi cha tôi du lịch đến Rochester chơi và đề nghị: “Tại sao con không đi tìm Sư Phụ?” Nhưng khi nghĩ đến chuyện đường xá xa xôi, mệt nhọc với lộ trình từ Tây qua Đông, không biết Sư Phụ có tới được không? Rồi tôi lại nghĩ: Tại sao không thử xem? Nhưng tôi thật không hy vọng gì.

Khi tôi liên lạc với Sư Phụ qua điện thoại, thì Ngài ưng thuận đến nơi. Để thỏa lòng mong ước của một số ít đệ tử muốn nghe Phật Pháp, Hòa Thượng đã không quản ngại, tự nguyện đi lộ trình xa từ Tây qua Đông. Tôi cảm động vô cùng với tinh thần xả thân vì Pháp của Ngài. Tôi nghĩ tôi quả thật là có phước, và Đệ tử vùng Rochester cũng có phước biết bao!

Sau đó Pháp hội chánh thức được tổ chức vào tháng 9, và chúng tôi bắt đầu hoạch định cho nhiều chương trình sinh hoạt. Có nhiều bạn hữu và hàng xóm quanh vùng tự nguyện đến làm công quả. Chúng tôi thảo luận từ các phương diện trang trí chánh điện,

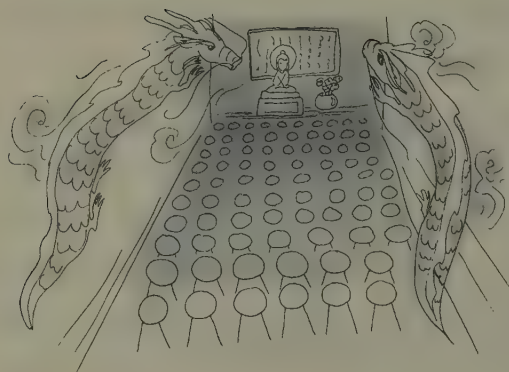
vấn đề giao thông đưa rước, nơi chốn nghỉ ngơi, đến việc thỉnh Pháp, quy y v.v.... cố gắng làm cho mọi việc được tốt đẹp.

Có điều khiến tôi áy náy là người Hoa ở Rochester này không nhiều, tôi lo là không có người đến nghe Pháp và như thế sẽ phụ lòng Hòa Thượng, nhưng cha tôi nói:

- Tâm thành tất linh, nếu con thành tâm, mọi việc sẽ tốt đẹp. Một khi con thật lòng trong việc tổ chức cho Pháp hội được tươm tất, thì Long Thiên Hộ Pháp nhất định sẽ giúp con kêu gọi người đến.

Thật quả không sai, Pháp hội hôm ấy có khoảng 3 đến 4 trăm người đến tham dự. Đây là chuyện hiếm lạ để có một Pháp hội trang nghiêm như vậy tại Rochester. Oai lực

Phật Pháp thật là nhiệm mầu vô lượng, vô biên không thể lường hội được!



Vào ngày 6 tháng 11, Pháp hội được chánh thức cử hành ở câu lạc bộ Wild Wood. Sau khi chín đệ tử theo nghi thức thỉnh Pháp xong, Sư Phụ bắt đầu giảng Pháp với chủ đề “Phật học và giáo dục”. Vì có một số người Mỹ tới nghe, nên chúng tôi cũng sắp đặt cho người thông dịch sang tiếng Anh rất lưu loát và kết quả rất mỹ mãn. Sau khi giảng xong, Sư Phụ dành thời gian cho mọi người trong hội trường được phát biểu nghi vấn. Đến 9 giờ rưỡi tối Pháp hội mới kết thúc. Tuy vậy, Sư Phụ vẫn nhìn quanh đại chúng với cặp mắt sáng ngời, không lộ vẻ mệt mỏi chút nào. Tôi lại càng xúc động hơn, sau khi biết được Sư Phụ đã bất kể về bệnh tình của Ngài để đến đây.

Sáng sớm hôm sau, Sư Phụ lặng lẽ đến nhà thương khám bệnh. Khi trở về từ bệnh viện, Ngài đến hội trường ngay để chủ trì buổi lễ quy y cùng chúc nguyện phước lành. Ngày đó có hơn một trăm người đến quy y. Sư Phụ đã không nghỉ ngơi một giây phút nào. Mặc dù Pháp hội đã kết thúc, nhưng tín chúng vẫn còn thỉnh cầu Sư Phụ chúc phước, hoặc giải đáp cho những mối nghi ngờ. Hòa Thượng nhất nhất đều mãn nguyện



họ. Ngài đã không chút lộ vẻ gì là mệt nhọc hay thiếu nhẫn nại. Mọi người đều thưởng thức những câu giải đáp một cách chí lý với đầy đủ pháp trí và khôi hài thật đáng chú ý của Hòa Thượng.

Pháp hội được kết thúc vào lúc 4 giờ chiều, trong khi mọi người ra về Pháp hỷ sung mãn. Hòa Thượng với tinh thần Bồ tát, vì lợi ích chúng sanh, đã không màng đến bản thân đang mang bệnh, chúng tôi thật là cảm động vô cùng!

Sau ba ngày, Pháp hội được chấm dứt, nên ngày 9 tháng 11, Hòa Thượng đáp máy bay trở về Washington D.C. Vì để tiết kiệm ngân khoản, Ngài chọn cách ngồi xe một tiếng đến Buffalo, để đi chuyển bay địa phương nhỏ hơn, với giá rẻ hơn. Đức tính, ân cần, tiết kiệm và giản dị của Ngài, thật khiến tôi cảm thấy rất hổ thẹn về tự bản thân mình.

Mặc dù Hòa Thượng tới Rochester hoàng Pháp chỉ có ba ngày, nhưng tôi có diễm phúc được kề cận làm thị giả, cũng như được tiếp nhận lời dạy dỗ riêng biệt của Ngài trong khoảng thời gian đó. Cho tới hôm nay,

tôi vẫn còn nhớ rõ những lời dạy dỗ của Ngài và không dám lãng quên. Tuy Hòa Thượng đã viên tịch vào năm 1995 tại Los Angeles, nhưng tôi chỉ phụng thừa lời dạy của Ngài và cẩn thận tuân theo Lục Đại Tông Chỉ: không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói dối. Tôi dùng những tông chỉ này để tự khuyến khích chính mình dũng mãnh tinh tấn trên đường Bồ Đề. Có như vậy tôi mới có thể báo đáp công đức ân sư trong muôn một.



Hãy cố gắng hết sức mình!

Helen Woo

Được theo học với Sư Phụ, bất luận dù chỉ là những lời nói rất đơn giản của Ngài, nhưng nếu chúng ta có thể ghi nhớ và thực hành, thì sẽ được lợi lạc vô cùng.

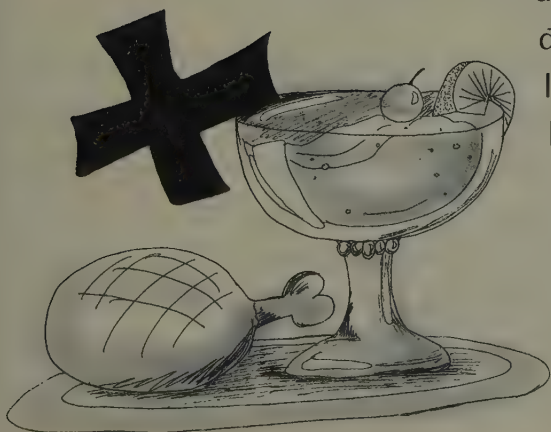
Trong những năm trước đây, khi tôi theo Sư Phụ học Phật, có rất nhiều người Mỹ và người không biết tiếng Hoa cũng muốn thân cận Ngài. Cho nên mỗi khi họ có nghi vấn gì, tôi đều giúp họ thông dịch. Mỗi khi chấm dứt cuộc đàm luận, Sư Phụ luôn luôn nói một câu bằng tiếng Anh “Try your best” (Hãy cố gắng hết sức mình).

Tôi luôn ghi khắc lời này trong tâm, như con dấu ấn, khắc sâu vào tận tâm não tôi. Mỗi khi làm việc gì, tôi đều nhớ đến câu “Try your best!” này, nên nó có công dụng giúp tôi rất mạnh mẽ. Những lời này như khích lệ tôi mỗi khi tôi gặp nghịch cảnh khó khăn. Đó là những lời vàng ngọc giúp tôi sửa đổi, từ sai quấy biết quay về tốt lành, cũng như khiến tôi có đủ năng lực, để trở

thành con người hữu dụng thật sự trong cuộc đời này.

Trước khi gặp Sư Phụ, với lối sống của tôi, đã khiến tôi có cảm tưởng mình là một phần tử vô ích trong xã hội, vì tôi vốn là kẻ nghịch ngợm cứng đầu, chỉ biết hưởng thụ cho riêng mình. Tôi tới Mỹ lúc 15 tuổi, bởi vậy từ lâu rồi tôi đã không được thấm nhuần các tập tục cổ truyền của Trung Hoa. Tôi lập gia đình ngay sau khi tốt nghiệp Đại học. Với đồng lương bác sĩ của chồng, kể cũng đã quá đầy đủ về tài chánh cho sinh hoạt trong gia đình tôi. Bởi vậy nên tôi lạm dụng cả thời gian vào các cuộc ăn chơi: khiêu vũ, ca hát, đóng nhạc kịch Tàu, đánh bạc, rượu chè. Tôi chìm đắm trong các cuộc vui như thế và sống một cuộc đời hôn trầm

điên đảo cả ngày lẫn đêm. Tóm lại, đời tôi lúc bấy giờ hầu như không có ý nghĩa gì. Tôi cũng chẳng làm việc chi, ngoại trừ chuyện nuôi dưỡng hai đứa con.



Sau cái chết của cha tôi năm 1969, tôi bắt đầu suy nghĩ: “Ông không thể mất đi chỉ bởi vì thân xác ông không còn. Vậy thân hồn của ông đã đi về đâu? Tôi cũng muốn biết tại sao tôi đến thế gian này và trong tương lai tôi sẽ đi về đâu? Tôi có rất nhiều nghi vấn về những vấn đề như vậy, nhưng tôi biết giáo lý đạo Tin Lành lại không thể trả lời được. Rồi tôi bắt đầu tìm kiếm sự giải đáp. Tôi chợt có ý nghĩ rằng, Phật giáo có lẽ sẽ giải đáp được những thắc mắc của tôi. Phật giáo nhất định sẽ có những đạo lý thâm diệu.

Tuy nhiên, lúc đó (khoảng năm 1970) không có chùa chiền gì ở miền nam Ca-li cả, tôi cũng chẳng quen biết một Phật tử nào. Cho nên Phật giáo xem như không tồn tại trong đời sống sinh hoạt của tôi.

Trong tình cảnh đó, tôi bắt đầu cuộc truy tìm về chân lý của Phật giáo. Lúc mới được nghe những điều căn bản của đạo Phật, tôi vui mừng khôn xiết. Phật Pháp cao cả như vậy, thì mỗi người chúng ta đều có thể sẽ thành Phật. Vĩ đại quá! Thì ra tất cả chúng ta đều là một thể và vạn vật vốn đồng một thể như nhau. Nhưng chỉ vì chúng ta vô minh,

lại thêm ba độc tham, sân, si nên mới bị luân hồi trong sáu nẻo, chịu biết bao nhiêu là khổ sở.

Thế mới biết là tôi cần phải có một vị thầy chân chánh. Vì không biết Sư Phụ đang ở San Francisco, nên vào năm 1976, tôi cùng mấy người bạn đi Đài Loan để quy y với Hòa Thượng Quảng Khâm. Sau khi trở về Mỹ, tôi mới rõ rằng, “tưởng như xa tít tận chân trời, mà thật ra là ngay trước mắt.” Về sau do bạn bè giới thiệu, tôi được biết Sư Phụ, một vị cao tăng đang ở ngay tại San Francisco. Tôi nghĩ mình thật may mắn, đây nhất định là nhờ kiếp trước tôi đã có trồng chút căn lành rồi.

Tôi vội vàng quyết định đi quy y với Hòa Thượng. Sau khi bàn luận với các bạn, thì số người muốn quy y lại tăng lên khoảng hơn cả mười vị. Chúng tôi dự định sẽ đi máy bay, nhưng thấy số người ngày càng đông hơn, nên chúng tôi quyết định mượn xe buýt. Nhưng cũng vẫn không đủ chỗ, vì số người cứ tiếp tục gia tăng. Vậy phải làm sao đây? Chúng tôi lại không quen biết Sư Phụ qua tính cách cá nhân, nên phải nhờ đến người bạn đã giới thiệu Sư Phụ với chúng

tôi. Lẽ ra nếu muốn quy y thì phải tìm đến nơi Ngài, chứ làm sao mà có thể xin thỉnh Ngài đến chỗ của chúng tôi được? Bởi vì hiện có quá nhiều người, nên sau đó chúng tôi buộc phải thỉnh mời Sư Phụ. Nhưng Sư Phụ rất từ bi, liền đáp ứng, nhận lời ngay. Tôi lập tức mượn một hội trường lớn ở South Pasadena Modonic Hall, California và còn làm một tấm biểu ngữ lớn, hoan nghinh tiếp đón Sư Phụ cùng các đệ tử của Ngài ở phi trường. Sư Phụ tỏ vẻ rất trịnh trọng về việc này và Ngài cũng đã dẫn theo một số đệ tử. Hơn nữa, Ngài cũng còn đem theo rất nhiều kinh sách, gồm cả tiếng Hoa và tiếng Anh. Tôi chưa từng gặp Sư Phụ, cũng chưa bao giờ tổ chức các Phật sự như vậy. Tuy là lần đầu tiên, nhưng chúng tôi vẫn phải nỗ lực làm cho chu đáo.

Nghi thức buổi lễ quy y hôm đó rất là trang nghiêm. Trong số người tham dự, già nhất là đã hơn 80 tuổi và trẻ nhất là một em bé. Mọi việc đều hoàn toàn tốt đẹp. Ngày đó vì quá bận nên tôi không có dịp nhìn kỹ Sư phụ. Đến sáng hôm sau, khi tôi thức dậy thì Sư phụ đã ngồi trong phòng khách của tôi. Tôi bước tới gần và quỳ xuống trước

Ngài, rồi nhìn Ngài thật kỹ. Bỗng nhiên tôi bật khóc nức nở. Tôi cảm động xót xa tận đáy lòng và bắt đầu khóc lớn, “Hu.. Hu....!” Tâm tôi hòa lẫn cả vạn nỗi đau buồn cùng vui sướng, khó mà diễn tả được các nỗi buồn vui lẫn lộn này.

Tôi khóc thật lâu, Sư phụ rất từ bi và dịu dàng bảo tôi.

- Con nay đã về nhà rồi!

Rồi ngài hỏi:

- Con họ gì?

- Con họ Từ

- Con từ đâu đến?

- Con từ San Francisco đến.

- Cha con tên gì?

Tôi nói tên cha cho Ngài nghe. A! Thì ra Sư phụ và cha tôi đã từng là bạn tốt với nhau! Cha tôi vốn rất chú ý đến nền văn hóa Trung Hoa. Cho nên sau khi Sư Phụ đến Mỹ, thì hai người đã trở thành bạn hữu với nhau. Bởi tôi lập gia đình và dời về Los Angeles, nên cơ duyên chưa thành thực cho tôi có dịp gặp Sư Phụ lúc đó.

Thật ra, cha tôi đã quen biết Sư Phụ từ năm 1962. Và tôi phải đợi đến lúc sau khi cha tôi mất (1976), mới biết được Sư Phụ và quy y với Ngài.

Sau phần quy y, Sư Phụ truyền ngũ giới cho chúng tôi, nhưng lúc đó tôi còn hút thuốc và uống rượu. Sư Phụ nói:

- Qui y rồi, con không nên hút thuốc nữa. Bồ Tát không thích người hút thuốc. Nếu con hút thuốc, thì Bồ Tát bỏ đi xa vì mùi khói thuốc đó.

Vì vậy tôi bỏ hút thuốc. Việc cai thuốc lá thì chẳng có chi là lớn lao đối với tôi, vì tôi đã không hề thích thuốc lá. Tôi chỉ hút theo đám bạn trong lúc đánh bài. Tuy nhiên cai rượu là việc rất khó cho tôi, bởi vì tôi đã thích uống rượu từ lúc còn trẻ. Chồng tôi rất lo sợ là sẽ có ngày tôi trở thành kẻ nghiện rượu. Cho nên tôi thường nói với chồng rằng:

- Anh phải nên biết ơn và hiếu kính Sư Phụ, bởi vì Sư Phụ đã cứu mạng cả hai chúng ta đó. Nếu Sư phụ đã không biến đổi em thành người “chánh nghĩa”, thì cả sanh mạng và gia đình chúng ta có lẽ đã không còn rồi.

Cho nên chồng tôi luôn mang ơn Sư Phụ.

Chồng tôi vốn là đạo công giáo, nhưng bây giờ anh ta cũng là đệ tử của Sư Phụ.

Sau đó tôi tự nghĩ: Nếu như tôi bỏ được rượu thì tôi mới thật sự bắt đầu làm lại cuộc đời mới. Thế là sau khi quy y không lâu, tôi liền cai rượu và thuốc lá. Chồng tôi kinh ngạc vô cùng vì đã không ngờ là như vậy. Từ đó trở đi, tôi bắt đầu sửa đổi mình. Việc sửa đổi những tập khí xấu của tôi thì không dễ chút nào. Nhưng tôi luôn ghi nhớ lời Sư Phụ: “Hãy cố gắng hết sức mình!” (Try your best!) Rồi từ đó, tôi không bao giờ đi ca hát, nhảy đầm, uống rượu nữa. Dần dần tôi không còn đi chơi với các bạn cũ. Tôi cũng cố gắng ảnh hưởng họ bằng cách khuyến khích họ tập ăn chay. Nhiều người bạn mà tôi thường giao du lúc trước, nay cũng trở thành Phật tử. Bởi vì họ tới Mỹ từ những hoàn cảnh khác nhau, nên tôi chỉ có thể ảnh hưởng họ bằng cách tự thay đổi tánh nết, phẩm hạnh của chính mình.

Tuy nhiên tôi vẫn chưa hoàn toàn chuyển qua ăn chay trường. Những lúc đến Vạn Phật Thánh Thành, sau mỗi buổi trưa tôi vẫn còn lén ra ngoài ăn gà chiên. Vậy làm sao mà tôi lại trở thành người ăn chay trường?

Nguyên là, ngay khi Sư Phụ vừa mua một ngôi nhà thờ cũ ở đường số 6, Ngài định bắt đầu sẽ sửa thành ngôi chùa. Cũng đúng là lúc sau “Vụ án tàn sát tại quán Kim Long” của đảng thanh niên người Hoa, tức đảng Hoa Thanh. Ở phố Tàu lúc nào cũng có các băng đảng tranh chấp với nhau. Thế là hai băng đảng lớn là Hoa Thanh và Joe Boys đã khai chiến bắn nhau trong nhà hàng Kim Long, giết chết rất nhiều người.

Chuyện này đã tạo thành nguồn tin lớn trên thế giới. Kinh tế ở phố Tàu luôn lệ thuộc vào du khách, nhưng với tin tức này, toàn cả khu phố Tàu ở San Francisco đột nhiên biến thành khu phố ma, vì chẳng ai dám lai vãng đến khu vực này. Mọi người đều biết chắc là Đảng Hoa Thanh sẽ phản kích lại, nhưng đều không biết là sẽ xảy ra lúc nào thôi.

Vị chúa đảng Hoa Thanh lúc đó, nay đã là đệ tử của Sư phụ. Vào một ngày nọ, trong khi họ đi lùng kiếm vũ khí, thì đến khu vực gần Vạn Phật Thánh Thành. Ngày đó Vạn Phật đang tổ chức Pháp hội và có rất nhiều người Hoa tham dự. Lúc đó, tôi có nhiệm vụ trong ban tiếp tân ở trước cổng. Khi thấy



một đám thanh niên trẻ tuổi, tôi rất nhiệt tâm chào đón và hướng dẫn họ vào Vạn Phật Thánh Thành để tham gia Pháp hội. Khi đó Sư Phụ đang làm lễ quy y. Tôi không biết họ là ai, nhưng khi họ nói là muốn tìm Sư Phụ, tôi rất vui mừng, nghĩ: Họ ở lứa tuổi trẻ như vậy mà đã muốn học Phật Pháp và quy y Sư Phụ rồi.

Khi Sư phụ thấy họ, Ngài bèn hỏi tôi:

- Con có biết chúng nó là ai không?

- Dạ không biết.

Đến lúc họ thỉnh cầu quy y với Sư Phụ, Sư phụ nghiêm sắc mặt hỏi:

- Tôi sẽ nhận lời thỉnh cầu, nhưng các chú từ nay trở đi có thể không đi giết người, trộm cắp, cướp đoạt được không?

Trong khi đó tôi thắc mắc không biết tại sao Sư phụ lại cứ hỏi đám thanh niên này nhiều lần như vậy. Tất cả đều trả lời là: Được. Và Sư phụ cho phép họ quy y. Sau khi đám thanh niên đã ra về, Sư phụ mới bảo tôi:

- Tụi nó là người thuộc đảng Hoa Thanh.

Sư Phụ biết hết! Nhưng tôi lại không biết chi và vì vô minh, nên tôi mới dẫn họ đến gặp Ngài.

Thật vậy, nhân vì sự kiện này, Sư phụ không những đã cải biến cuộc đời họ, mà Ngài còn cứu giúp cả cộng đồng Hoa Kiều ở phố Tàu, San Francisco. Sau cuộc “Án tàn sát ở quán Kim Long”, khu phố Tàu lâm vào tình cảnh khó khăn. Vì nếu mọi người vẫn tiếp tục tránh xa, không dám tới gần phố Tàu, thì có lẽ ở đó sẽ không còn buôn bán làm ăn được gì.

Sau khi các hội viên đảng Hoa Thanh quy y với Sư Phụ, họ bèn cải tà qui chánh, nên không còn những trận đồ máu hay đấu súng nhau nữa. Phố Tàu dần dần hưng thịnh trở lại, nhưng rất ít người biết được, chuyện gì đã xảy ra. Sau đó các thành phần trong đảng Hoa Thanh còn tới chùa Kim Sơn giúp đỡ rất nhiều việc.



Khi đó nhân lúc Vạn Phật Thánh Thành đang xây cổng Tam Quan, nên họ cũng phụ trách công tác này. Sau đó họ lại đến đường

số 6 để phụ giúp tu sửa ngôi nhà thờ cũ. Khi tôi và Quả Cao đem cơm cho họ, tôi mới phát giác là đám thanh niên đảng Hoa Thanh này đều ăn chay cả. Tôi cảm thấy rất là xấu hổ và tâm tư xao động. Bởi vì tôi đã theo Sư phụ nhiều năm, nên đối với họ tôi như là bậc đại sư tỷ, vậy mà tôi vẫn chưa hoàn toàn ăn chay trường. Vào một đêm, tôi bỗng giật mình thức giấc, nghe tựa hồ như tự mình hoặc là Bồ Tát Quán Thế Âm nói rằng:

- Con ăn chưa đủ sao?

Tôi vội vàng đến phòng thờ Phật và cầu nguyện với Bồ Tát. Rất ít khi nào tôi cầu với Bồ Tát. Ngay cả lúc tôi bị bệnh nặng hay bị đau đớn, tôi vẫn nghĩ đó đều là những nghiệp chướng mà tôi phải nhẫn chịu. Nhưng đây là lần đầu tiên tôi cầu xin sự cứu độ của Bồ Tát Quán Thế Âm. Tôi cầu Ngài giúp tôi đủ quyết tâm để chuyển qua ăn chay trường. Sáng hôm sau, tôi nói với chồng tôi là kể từ nay tôi sẽ ăn chay. Nhưng ông chồng tôi vẫn không tin mà nói “Ý em nói là bữa nay em sẽ ăn chay thì phải!” Đó cũng chính là ngày 2/1/83, Kim Luân Tự (chi nhánh Vạn Phật Thánh Thành) chánh thức làm lễ khai quang.

Từ đó trở đi, tôi bắt đầu lạy Vạn Phật Sám ở nhà vào mỗi sáng, thành tâm sám hối các nghiệp ác mà tôi đã tạo ra từ kiếp trước. Điều khó sửa đổi nhất là tánh tình nóng nảy của tôi. Mỗi tháng Sư Phụ đều đến chùa Kim Luân ở Los Angeles thuyết Pháp, Sư Phụ thường hỏi tôi:

- Con có còn nóng giận không?

Đến nay tôi vẫn cố gắng hết sức để sửa đổi tật xấu này.

Sư Phụ dạy chúng ta nên sửa đổi từ trong tâm, chớ không phải tìm cầu ở bên ngoài. Nếu như ngay cả nhân cách làm người cũng còn không xong, thì làm sao có thể thành Phật được? Cho nên chúng ta phải xem xét tánh nết hành động của mình trong cuộc sống hằng ngày. Phải luôn luôn cảnh giác và tự hỏi: Đây có phải là điều mà người Phật tử nên làm không? Chúng ta có phải là đệ tử của Sư Phụ không? Chúng ta có thật sự tuân theo Lục Đại Tông Chỉ: không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi và không nói dối chưa?

Sư Phụ một đời đã chịu cực khổ nhọc nhằn, đều là muốn cảm hóa chúng sanh, khiến

cho chúng ta thoát khổ được an lạc. Bởi vậy chúng ta không nên cô phụ nỗi khổ tâm của Ngài. Chúng ta nên cố gắng tận lực! (Try your best!) Với đức độ cao dày cùng lòng từ bi, Ngài mới có thể cảm hóa được hằng hà vô số chúng sanh như chúng ta. Vì vậy chúng ta nên phát tâm chân thật và tinh tấn tu tập, như thế mới không phụ lòng kỳ vọng của Ngài ở chúng ta. Và chúng ta hãy nên phát huy hồng dương chánh pháp rộng rãi với tinh thần quảng đại của Ngài mới xứng đáng là người Phật tử.



Lời ban biên tập:

Mỗi lần tới buổi giảng kinh ở Vạn Phật Thánh Thành, thì cổng thành được khóa lại. Lễ dẫn sanh Bồ Tát Quán Thế Âm vào ngày 19 âm lịch năm 1974, khoảng 1 giờ trưa, Sư Phụ thuyết giảng “Phẩm Phổ Môn” ở chánh điện. Tại chánh điện vì không có cửa sổ, nên không cách nào nhìn xa ra tới cổng Tam quan được. Lúc đó Sư Phụ chưa rời khỏi Pháp tòa, mà đột nhiên Ngài bảo Thầy Hằng Lai ra mở cổng thành và nói:

- Có cả hơn 10 người đang đợi ngoài cổng đã lâu, chú hãy mau ra mở cổng cho họ vào đi.

Thầy Hằng Lai nghe thế, lúc đầu chẳng lấy làm tin, nhưng khi thầy mở cổng, thì quả nhiên thấy có hơn 10 thanh niên đã đợi bên ngoài hơn cả tiếng đồng hồ rồi.

Cư Sĩ Quả Tướng (Helen Woo) hướng dẫn họ vào chánh điện thắp hương và khuyên họ nên quy y Tam Bảo. Mặc dù trước đây Sư Phụ chưa từng gặp những thanh niên này, nhưng chỉ thoáng nhìn qua là Ngài đã biết họ là ai rồi. Cho nên lời đầu tiên Ngài nói với họ là:

“Nếu các chú muốn quy y, thì phải không được giết người, phóng hỏa, trộm cướp, tà dâm hay uống rượu.”

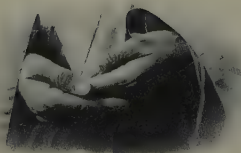
Mọi người trong Pháp hội đều im thin thít, không biết tại sao Sư phụ lại nói như vậy, mà cũng không ai dám hỏi các thanh niên đã từng làm qua những gì? Rồi Sư phụ lập tức gạt hỏi:

- Ai là Đại ca, đưa tay lên!

Chúa Đẳng Hoa Thanh liền đưa tay lên.

Sau khi quy y không lâu, một số thành viên trong băng này làm loạn và muốn trở lại hành nghề cũ. Nhưng ngay đêm đó, tám người trong bọn họ đều nằm mơ giống nhau. Trong giấc mơ họ đều thấy Hòa Thượng hiện ra trước mặt và cấm họ không được tiếp tục làm ác. Hôm sau, khi thức dậy, họ kể lại cho nhau nghe về những giấc mơ của mình. Rồi từ đó chẳng người nào dám làm chuyện xấu xa nữa. Mà ngược lại là họ còn biết bù đắp tội xưa, sửa đổi làm người mới và trở thành Phật tử rất nhiệt tâm.

Thật ra, khó mà cảm hóa được người xấu ác. Nếu Sư phụ không phải là một vị chân tu với đức độ cao thâm thì khó có thể hóa độ được những thanh niên này!



Thiện Tri Thức dạy bảo tôi

Thích Hằng Thật (Quả Chân)



Có rất nhiều đệ tử của Sư Phụ đã từng được thọ nhận sự dạy dỗ của Ngài, nên họ biết rõ về các kinh nghiệm sống động, khi được thân cận vị Thiện Tri Thức. Nhưng cũng có nhiều đệ tử không có cơ hội này, họ chỉ biết Sư Phụ qua sách vở hoặc nghe được danh tiếng của Ngài thôi. Trách mắng có lẽ là trạng huống làm cho người ta dễ sanh hiểu lầm nhất về lối dạy của Sư Phụ. Những người hiểu lầm này đã không biết rõ rằng: đó là sự vận dụng những phương tiện thiện xảo của một vị Đại Trí chân chánh.

Lúc đó Thiện Tài Đồng Tử đến đánh lễ Thắng Nhiệt Bà La Môn, rồi đứng lên chấp tay mà thưa rằng:

Bạch Thánh Đức! Tôi đã phát tâm Vô Thượng Bồ Đề mà chưa biết Bồ Tát. Thế nào học Bồ Tát hạnh. Thế nào tu Bồ Tát đạo? Tôi nghe Đức Thánh khéo dạy bảo, xin vì tôi mà giảng giải.

Bà La Môn nói: Này Thiện Nam Tử! Nếu như người có thể leo lên núi đao, nhảy vào đồng lửa này, thời những hạnh Bồ Tát sẽ được thanh tịnh.

Kinh Hoa Nghiêm— Phẩm Nhập Pháp Giới.

Sư Phụ dùng rất nhiều phương thức khác nhau để giáo hóa đệ tử, mà một trong những màn gay cấn nhất là sự “trách mắng” của Ngài. Tôi là một trong số những đệ tử, thường thọ nhận sự lợi ích về lực chiếu cố quả trách thiện xảo của Sư Phụ.

Theo pháp thế gian, ai ai cũng đều sợ bị la mắng. Bởi vì khi dùng cái lưỡi quát đánh, thì đó như là một phương pháp huấn luyện, để sửa đổi hành vi tánh nết rất hiệu quả. Tuy nhiên, điều đó chỉ có hiệu lực là nếu người dùng pháp mắng la tự có tài đức. Còn như dùng những lời lẽ mà có kèm theo lòng nóng giận thật sự phía sau, thì sự quả trách đó sẽ trở lại sanh ra thù ghét và tức giận.

Bọn đệ tử như chúng tôi đều biết rõ, cơn bão sấm nóng giận của Sư Phụ vốn là một kỹ thuật thiện xảo. Bởi Sư Phụ có thể la chưởi để sửa đổi cho một đệ tử, rồi sau đó

quay sang một đệ tử khác trong đám đông để khuyến khích với lời lẽ ôn hòa. Trong chớp mắt, Ngài xoay trở lại chỉ ra chỗ sai lầm và gởi thêm những tia sấm sét đến đệ tử trước đó. Có hai giáo pháp mà đức Phật dùng để giáo hóa đã được thể hiện trong kinh điển:

1) Hàng phục: chiết phục những kẻ cố chấp, ngoan cố.

2) Bao dung: khuyến dụ những người nhút nhát, e dè.

Đó là hai giáo pháp cứng rắn và mềm dịu, tùy ý đột phát và dứt êm. Người nào quán sát kỹ, sẽ thấy phía sau sự nóng nảy đó, thì lại là vị Thầy hiền lành với lòng từ bi và bình thản.

Thật ra, chỉ có những đệ tử gần gũi nhất mới bị la mắng gắt gao thôi. Và trong những lời quở mắng đó, được xem như là phần thưởng cho sự nỗ lực làm việc. Chúng tôi được lãnh những lời quở trách, nhưng thật không dễ thọ nhận chút nào!

Nhớ có lần tôi bị mắng trong lúc đang được thâm hình trên đài truyền hình số 5, tại phi trường San Francisco và nhiều lần khác,

như có lần bị la trong khi tôi thông dịch trên bục giảng trước hàng ngàn người. Trong ký ức, tôi nhớ lúc bị mắng tệ nhất là những khi ra nước ngoài như: Hồng Kông, Đài Loan, Calgary (Canada). Không có lần nào ngay trước công chúng, hoặc vì quá xấu hổ mà ngăn cản cơ hội để Hòa Thượng dạy dỗ đứa học trò đáng bị la rầy. Nhiều khi đúng lúc cái lưỡi quất gay gắt ấy lại đánh dấu một bước ngoặt không ngờ, hầu chuyển đổi cuộc đời người đệ tử.

Có lần ở chùa Kim Sơn, tôi vì lầm lỗi nên bị khiển trách, rồi toàn thể đại chúng cùng tôi đều bị đứng bên bục lạy cả 90 phút. Âm thanh trách mắng của Sư Phụ đã làm động chạm đến một số người chứng kiến, thấy nghe, khiến họ có ác cảm, nhưng tôi là kẻ bị thọ nhận thì không vậy. Lạ thay! Những lời đó đã có tác dụng, là ngoài sự tủi hổ, ăn năn muốn sửa đổi của tôi đang phát sanh, cùng với cái nhìn đã tỏ rõ và một niềm khinh an, như đang mục kích rõ ràng cảnh bão giông trước mắt. Dĩ nhiên sẽ có ích lợi, nếu biết được câu ngạn ngữ Trung Hoa: “Vọng tử thành Long”, người cha quở trách con cái là hy vọng chúng thành rồng, tức thành tài. Bất quá lời la mắng này là làm cho xương

cốt được cứng cáp hơn. Hầu hết sự la mắng thường là dịp đáng ghi nhớ, để nhận lãnh những lời dạy dỗ vô giá.

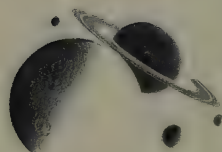
Chẳng hạn như có lần tôi lầm lỡ đuổi đi một vị khách quan trọng. Và tôi bị mắng dữ dội, đến nỗi tôi nghĩ là mình nên cuốn gói bỏ đi, hoặc có lẽ chết đi cho rồi. Nhưng tôi đã không chết và sáng hôm sau Hòa Thượng nhú mày hỏi tôi:

- Chú cảm thấy thế nào?

- Con cảm thấy như con phải chết. Con không xứng đáng, con là kẻ vô dụng và đáng thương. Có lẽ con thà chết còn hơn!

- Chú sẽ không chết. Đó chỉ là tự đối gạt mình. Chết đi còn dễ hơn là thay đổi các tật xấu của chú. Cuốn “Pháp Diệt Tận Kinh” của chú đâu? Lấy ra đọc cho tôi nghe.

Tôi liền chạy đến bàn học và tìm ra cuốn kinh. Tôi quỳ trong chánh điện ngay trước mặt Sư Phụ, rồi đọc một đoạn về chuyện trong tương lai, khi Phật Pháp hoàn toàn tiêu mất trên địa cầu. Hòa Thượng ngồi phía xa chăm chú nhìn, để cho nửa tá đệ tử chờ đợi. Mọi người ai nấy đều có việc riêng gấp rút phải lo giải quyết như: địa ốc, nhà băng,



điện thoại liên bang và cúng dường... mà trong khi đó Sư Phụ lại đang lắng nghe tôi vụng về đọc kinh văn Tào.

Tôi vừa đọc vừa cảm thấy toát mồ hôi hột trên mặt và khắp châu thân. Nhiệt độ trong người gia tăng, tôi như muốn ngất xỉu, rồi như có vật gì bị tống xuất ra khỏi tôi. Tôi vẫn tiếp tục đọc và cảm giác này trôi qua, để lại trong tôi sự khinh an, tươi mát và bình tĩnh hơn. Bao dấu vết của sự tủi thân trước đây không còn nữa.

Sư Phụ khuyến khích với giọng điệu nghiêm khắc:

- Chú đã xuất gia theo tôi và nay chú không được giống như ngày trước. Bây giờ chú phải tu hành, chú là đệ tử Phật, thì thuộc về gia tộc Phật. Chẳng lẽ chú chẳng có ý thức về lời nói và hành động của chú quan trọng đến như thế nào sao? Ở quốc gia này, chú là đại diện cho Phật, Pháp, Tăng. Chú hiểu không? Chú không còn là chỉ sống cho riêng bản thân nữa. Sao chú lại có thể lơ đãng và ích kỷ như thế? Chẳng lẽ chú không thấy con đường mà chú đang đi sao?

Đại Sư Vĩnh gia đã thấy được và đã nói:

Tự tông nhận đắc Tào Khê lộ,
Liễu tri sanh tử bất tương quan.

Nghĩa là:

*Từ ngày biết được nẻo Tào Khê
Mới hay sanh tử chẳng liên can.*

Hòa Thượng lại tiếp:

- Chú phải nỗ lực hơn nữa. Dụng công qua loa như trước thì chú sẽ không vượt qua khỏi cửa Long Môn đâu. Tôi đã đặt nhiều kỳ vọng nơi chú. Sao chú lại có thể hỗn tạp giống như một số người chỉ biết ăn no rồi chờ ngày chết? Như những kẻ sống say, chết mộng thì cho là đã đủ cho họ rồi. Nhưng thân đã là đệ tử Phật thì nên làm gương cho trời người. Chú phải xuất chúng và trội hơn kẻ thường phàm. Chú phải chịu đựng những gì người khác không thể chịu, ăn những gì mà người khác không thể ăn, cam nhận những gì người khác không cam nhận và thực hành những điều mà người khác không thể hành. Chú phải nhẫn những việc mà kẻ khác không thể nhẫn. Chỉ có vậy, chú mới qua được các thử thách khảo nghiệm phía trước. Đem việc hoằng Pháp là trách nhiệm của riêng mình. Nếu không, Phật giáo sẽ không mọc rễ ở quốc gia này được."

Thiện Tài đồng tử thưa:

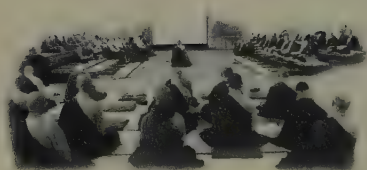
*Lạ thay! Bạch đức Thánh! Núi đao và
đống lửa này, thân tôi vừa chạm đến thời
được an ổn khoái lạc.*

*Kinh Hoa Nghiêm— Phẩm Nhập Pháp
Giới.*

Tác dụng của lời la mắng có lẽ đã lay động ký ức trong tôi về lời nguyện trong quá khứ một cách rõ ràng. Bởi vì vài ngày sau, tôi đã có cái nhìn chính chắn để đưa đến quyết định bắt đầu thực hiện chuyển “Tam bộ nhất bái”, cầu nguyện thế giới hòa bình. Tối hôm đó sau khi Sư Phụ quan sát buổi giảng kinh xong, Ngài nói:

- Tất cả quý vị trong kiếp trước đã từng theo đức Phật Tỳ Lô Giá Na. Chúng ta cũng đã cùng nhau nghiên cứu Phật Pháp. Và khi đó tôi đã nói là chúng ta nên cùng nhau tới nước Mỹ để hoằng Pháp. Lúc bấy giờ trong số đó, có người phát nguyện làm Tỳ Kheo, có người nguyện làm Tỳ Kheo Ni. Có người nguyện làm Hộ Pháp, có người phát nguyện phiên dịch kinh điển, có người phát nguyện lập đạo tràng và có người phát nguyện dạy học... Cho nên hiện tại, chúng ta ở đây đều

là để hoàn thành ước nguyện. Vì từ vô lượng kiếp trước, chúng ta đều có nhân duyên sâu dày với nhau. Loại nhân duyên này đã tạo thành sức mạnh kết chặt mối quan hệ giữa chúng ta... Và trong chánh điện ở Vạn Phật, chúng ta có thể phát nguyện, để tương lai chúng ta đều có thể thành Vạn đức Phật. Tam Bộ Nhất Bái là thỉnh cầu Vạn đức Phật tới bảo hộ cho vạn người. Trong cơn mộng mị, tất cả chúng ta ở đây đều đang làm Phật sự...



Vừa rồi, những từ ngữ này vang dội sâu sắc nhất trong tâm tôi, so với tất cả các lời giáo huấn khác mà tôi đã nhận được từ Sư Phụ trong 20 năm qua.

- Chúng ta ở đây làm Phật sự trong cơn mộng mị.

Nhớ có một buổi trưa chúa nhật trời nóng bức, tôi quỳ giữa hai hàng ghế trên xe buýt, ngay ngoài cổng chùa ở Đào Viên, Đài Loan. Đoàn xe hoằng Pháp từ Đại Học Pháp Giới Phật Giáo ở Mỹ của chúng tôi tới thăm viếng Đài loan, đã làm tắc nghẽn sự giao thông. Những xe chở người, đều đang trên đường đến nghe Hòa Thượng thuyết Pháp và truyền

giới. Người ta xuống xe chỉ biết gãi đầu và bàn tán về cảnh kẹt xe. Lúc đó tôi đang quỳ trên xe buýt, bởi vì Sư Phụ lợi dụng thời gian một cách kỹ thuật, Ngài muốn các đoàn viên hoàng Pháp trên xe tùy cơ thuyết Pháp. Một trong các nguyên tắc thích thú của Hòa Thượng khi du hành là: “Dù ở đâu và bất cứ lúc nào đều là chỗ tốt để tu đạo.”

Trước khi lên máy bay ở San Francisco, tôi đã bị mắng một trận dữ dội, nên tôi thường phập phồng lo sợ ngày đêm, sợ làm sai thêm việc, lại lo tránh ánh mắt trừng ngó và tiếng sư tử gầm hống của bậc Thiện Tri Thức. Sư Phụ điểm tên tôi trước nhất và bảo tôi thuyết Pháp. Lúc đó tôi cảm thấy rất mệt mỏi và nặng nề. Vì khí hậu nóng bức, lại bị tiêu chảy, cùng với áp lực tội lỗi đang day nghiền là tôi đã làm trái ý Sư Phụ, Ngài vốn muốn tôi vì Phật Pháp mà thay đổi để được tốt hơn. Tất cả những điều này như quay cuồng trong đầu, khiến tôi không thốt nên lời. Tôi chỉ biết quỳ đó mà lặng câm và yếu ớt.

“Quả chân!” Sư Phụ kêu tên tôi. Tôi bỗng như đi vào một vùng không gian khác và như có cảm hứng mạnh mẽ, tôi nhớ lại lúc

trong chuyến bán hương dọc theo xa lộ ở Malibu, California. Khi đó cảnh sát công lộ ngừng xe lại để nhắc nhở chúng tôi nên cẩn thận, vì đường phía trước nhỏ hẹp mà xe chạy rất nhanh. Viên cảnh sát da sạm nắng với ánh mắt sáng lấp lánh, ông chậm rãi nói:

“Các bạn tốt hơn là đi sát trên lề và bảo ông Tàu ở phía sau hai vị cũng đi như vậy. Ông đó mặc áo đỏ thì có thể giúp được trông thấy rõ hơn một tí, nhưng con đường này xe chạy rất nhanh và tôi không muốn có tai nạn nào xảy ra trong ca trực của tôi. Vị ủy quyền cảnh sát công lộ của chúng tôi, sáng nay trên đường đi làm đã gọi điện thoại tới, ông nói là ông đã nhận ra địa điểm của các vị, ông yêu cầu chúng tôi bảo đảm sự an toàn khi các vị đi qua vùng Malibu này. Vợ tôi cũng đã thấy các vị và bảo tôi nhắc nhở các vị, ba người nên cẩn thận. Các bạn nên bảo trọng.”

Chúng tôi cũng cảm ơn ông về những lời nhắc nhở đó. Khi viên cảnh sát đi rồi, chúng tôi bối rối nhìn lại phía sau để tìm “Ông Tàu”, người thứ ba trong đội. Nhưng chúng tôi chẳng thấy một ai, không có người nào mặc áo đỏ cùng đi theo cả.



“Ông ta nói có ba ông Sư?”

“Kỳ cục. Chẳng hiểu là ông đã thấy ai rồi?”

Chỉ vài tháng sau ở San Francisco, có một vị nữ cư sĩ kể cho chúng tôi nghe về mặt khác của câu chuyện. Trong khoảng thời gian chúng tôi lữ lạng, thông thường vào buổi sáng hay buổi trưa, lúc Sư Phụ đang nói chuyện với họ thì bỗng nhiên Ngài đứng lên đi vào phòng đóng cửa lại. Họ không bao giờ biết được là Ngài đã làm gì trong phòng. Nhưng thường thì khoảng một tiếng sau đó, Ngài bước ra rồi nói: “Chúng nó không có chuyện gì cả, được rồi!”

Lời yêu cầu của viên ủy quyền cảnh sát công lộ đã chứng minh rằng: Với lời nguyện của Hòa Thượng, đã giúp Ngài trông nom

chuyến báỉ hương của hai người đệ tử trẻ cách xa 600 dặm

Ý tưởng mang tôi trở về thực tại, cùng với sự ngộp thở trên xe buýt ở ĐàoViên. Và tôi tin rằng Hòa Thượng đã thấu rõ sự sáng suốt của tôi, bởi vì lúc này Ngài mỉm cười và giọng nói đã dịu hẳn, không còn nghiêm khắc nữa:

“Giờ đây sẽ nói về kinh nghiệm của Quả Chân. Quý vị nên nghe chú nói, bởi vì chú biết rõ là nếu không có Thiện Tri Thức, thì có lẽ bây giờ chú đã bị trầm luân trong biển khổ ở thế giới Ta Bà rồi. Có phải vậy không Quả Chân? Chú đã có đầy rẫy các tật xấu khi mới bước vào ngưỡng cửa Kim Sơn, chú có nhớ không? Chú có thể bị chìm đắm dưới dòng sanh tử, nếu không có duyên với Thiện Tri Thức phải không? Chú thấy thế nào? Sao không nói cho đại chúng nghe về điều đó? “Tôi gật đầu đồng ý và hướng nhìn Sư Phụ.

Trong tuần đó ở Đài Loan, Hòa Thượng đã không dùng các thức ăn cứng, bởi vì Ngài tuyệt thực để hồi hướng công đức cho chúng sanh ở Đài Loan, với hy vọng sẽ trì hoãn các tai nạn mà các học giả đã dự đoán trước. Ngài lại đang bị bệnh và chỉ có thị giả của

Ngài biết mà thôi. Một khi mà xe buýt tới nơi rồi, Ngài sẽ bị vây quanh bởi các đệ tử và những người sùng bái Ngài. Họ thỉnh cầu sự chữa trị đặc biệt của Ngài như: cầu phước, cầu giúp đỡ, họ tìm cầu quyền lực và tài năng từ nơi Ngài.

Thông thường khi ở Đài Loan, Hòa Thượng liên tiếp nhiều ngày không ngủ. Bởi vì Ngài muốn thức để nói chuyện với những người đang xếp hàng, bất kể ngày đêm đang chờ gặp Ngài phía ngoài cửa. Họ đến với niềm hy vọng được dịp thân cận Ngài, để thỉnh cầu và được lòng cảm động từ bi của Ngài.

Bọn đệ tử chúng tôi, đã không một ai có thể thay thế cho Ngài được, hoặc phụ giúp chỉ đáng bằng ngón tay để bớt đi gánh nặng của Ngài. Nhưng Ngài đã không sợ nhọc nhằn, lao khổ. Ngài sống ở đời là để ban rải sự giáo hóa cam lồ. Sự giáo hóa của Hòa Thượng, của bậc Thiện Tri Thức là giải tỏa những nỗi thống khổ của chúng sanh. Tôi khai khẩu đọc ra những lời trong Kinh Hoa Nghiêm, mà tôi đã thuộc lòng từ lâu, trong một buổi trưa chủ nhật nóng bức trên xa lộ ngoài vùng San Luis Obispo.

Bấy giờ Thiện Tài quán sát tư duy lời dạy Thiện Tri Thức, dường như biển cả nhận nước mưa to không nhàm đủ. Tự nghĩ rằng:

Lời dạy Thiện Tri Thức như nắng mùa xuân, sanh trưởng tất cả căn mầm thiện pháp.

Lời dạy Thiện Tri Thức như ánh trăng rằm, phàm chỗ chiếu đến đều được mát mẻ.

Lời dạy Thiện Tri Thức như núi tuyết mùa hạ, làm vơi nóng khát cho muôn thú .

Lời dạy Thiện Tri Thức như nắng chiếu ao nước thơm, làm nở tất cả hoa sen thiện tâm.

Lời dạy Thiện Tri Thức như đại bảo châu, biết bao Pháp bảo tròn đầy nơi tâm.

Lời dạy Thiện Tri Thức như cây Diêm Phù, chứa tất cả hoa quả phước trí.

Lời dạy Thiện Tri Thức như đại Long Vương, vui đùa tự tại trên hư không.

Lời dạy Thiện Tri Thức như núi Tu Di, vô lượng thiện pháp trú trong Đạo Lợi Thiên.



Lời dạy Thiện Tri Thức như Đế Thích, chúng hội vây quanh, không ai che khuất được, có thể hàng phục chúng dị đạo và quân Tu La.



Kinh Hoa Nghiêm—Phẩm Nhập Pháp Giới.

Tôi đọc thuộc lòng đoạn kinh văn một cách dễ dàng. Lúc này tôi đã quá mệt mỏi để nghĩ đến những ngò vực, hoặc những loạn tưởng thất thường của tôi. Hòa Thượng cười có vẻ rất hoan hỷ, Ngài nói:

“Thấy chưa? Những gì tôi dạy chú đều có tác dụng và mục đích của nó hết. Bây giờ chú có hiểu không?”

Khi xe buýt bắt đầu lăn bánh lên đồi, Ngài lại nói: “Còn ai muốn thuyết Pháp nữa không? Đừng có lười biếng. Những người này đã hao phí rất nhiều để rước các vị từ Mỹ tới đây đó. Vậy các vị làm sao mà có thể chỉ lo ăn no rồi chờ chết? Các vị nên giáo hóa họ để báo đáp công ơn thí chủ. Kể đến, ai sẽ là Thiện Tri Thức đây? Không nên cả đời ỷ lại chờ tôi dứt mồm. Bây giờ, tiếp đến là ai đây? Bước ra mau!”



Nhận chịu áp lực tả hữu mọi bề là nhân xuất thế

Giới thiệu Tỳ Kheo Hằng Tá (Quả Hữu)
*Hòa Thượng giảng tại Đại học Bristish
Columbia, Vancouver, Canada, năm 1986*

Đây là Quả Hữu, đệ tử của tôi. Sao gọi là Quả Hữu? Bởi vì tôi bảo chú đi phía hữu thì chú nhất định đi về phía tả. Còn bảo đi về phía tả, thì chú nhất định hướng về phía hữu mà đi. Bởi vì là người khó dạy, không vâng lời, nên tôi mới đặt tên chú như vậy. Tôi biết chú cũng đã hơn 20 năm rồi.

Hai người đến gặp tôi lần đầu là Quả Đức (Steve Mechling) và Quả Hữu (Gary Linebarger). Lúc đó cả hai đều là học sinh nhưng lại muốn xuất gia với tôi. Tôi nói:

- Hai chú hãy suy nghĩ cho kỹ, vì xuất gia không phải là chuyện dễ đâu!

Tôi nghĩ có lẽ họ cũng suy đi nghĩ lại, nên rốt cuộc hai người quyết định vào đại học, thay vì xuất gia làm Thầy tu.

Vài năm sau, Quả Hữu vào bệnh viện để mổ bướu. Trong lúc ở nhà thương, chú quen được một cô y tá. Tôi cũng không biết là chú theo đuổi cô ta hay cô ta theo chú. Nhưng sau đó hai người khấn khít như không thể lìa nhau. Cô y tá này có lẽ biết võ thuật và cũng là một nhân viên hộ vệ xuất sắc. Không biết lý do gì mà Quả Hữu bị cô đánh cho đến phát khóc luôn. Nhưng chú vẫn muốn kết hôn với cô nàng này. Dù có bị đánh, bị chửi gì đi nữa, chú cũng không chịu bỏ ý định kết hôn. Đây thật là bữa bối hiểm có của cuộc tình duyên đôi lứa. Tôi bảo chú rằng:

- Này chú em! Sau này chú em sẽ gặp nhiều phiền phức lắm đó nhé!

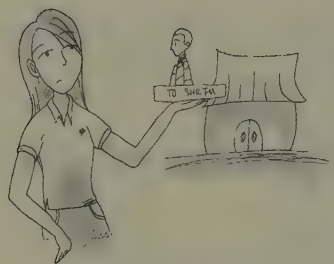
Nhưng cuối cùng chú vẫn một mực kết hôn như thường.

Sau khi kết hôn, Quả Hữu mới biết - hôn nhân thật không có gì là vui thú, mà như là nuốt viên thuốc đắng vậy. Cả ngày từ sáng đến tối, y phải chịu đựng sự nóng giận của cô vợ. Cho đến khi không còn đè nén được nữa, y bèn chạy về chùa xin xuất gia. Tôi bảo mọi người trong chùa nên đối xử khó



khăn với y. Thế là y cũng chịu hết nỗi luôn. Ở chùa đại chúng làm khó y ra sao? Tức là ra vẻ coi thường và nói chuyện với y thật không khách sáo chút nào. Thậm chí còn không cho y ăn cơm nữa. Và cứ như vậy mà hành hạ chú. Bởi vậy chú cảm thấy bị đối xử so ra còn tệ hơn những lúc cãi vã với bà vợ ở nhà. Thế là lại hoàn tục. Chú cứ đi ra rồi lại trở vào chùa, như thế không biết bao nhiêu lần mà nói.

Sau cùng cô vợ ý thức được sự việc và cũng muốn buông thả cho chú đi. Cô đến chùa rồi quỳ trước mặt tôi nói:



- Bạch Sư Phụ! Xin Ngài mở lòng từ bi. Nay con nhất định muốn bố thí Quả Hữu cho Sư Phụ, để theo Sư Phụ xuất gia. Con thật chịu hết nỗi rồi!

A! Ngay cả vợ mình cũng chịu không nổi nữa. Tội nghiệp quá! Vì người nhà mà cũng còn không muốn mình, nên chú lại đến chùa. Lần này không bị ai làm khó dễ gì hết, nên chú liền xuất gia. Chú xuất gia nay đã được 12 năm rồi. Nhân duyên xuất gia của chú cũng là vì ở trong gia đình gây gổ với nhau. Nếu quý vị muốn có một gia

đình êm ấm, thì nhớ đừng gây gổ với nhau. Vì nếu vợ chồng cãi vã, có thể cô vợ sẽ muốn đi tu, hoặc người chồng muốn làm tu sĩ. Một khi xuất gia thì lúc đó có hối hận cũng không còn kịp nữa.

Chúng ta phải làm thế nào để có một gia đình hòa hợp? Thì hai bên phải tôn trọng lẫn nhau. Kính trọng đối xử nhau như đối với khách quý vậy. Đừng làm bộ hay giả vờ. Nên dùng lòng chân thành, ngay thật mà ái kính, tôn trọng lẫn nhau. Được như thế gia đình mới được hạnh phúc. Không nên buông lung tham ái dục. Bởi vì sự phóng túng tham ái dục sẽ làm hao mòn khí lực khiến tinh thần trở nên ngu si. Quý vị hãy tự nghiên cứu xem. Có phải lúc chưa kết hôn, hai bên nam nữ rất tôn trọng lẫn nhau phải không? Có ông nói:

- Đàn bà lúc chưa kết hôn thì giống như con thỏ trắng bé bỏng, như con cừu non dịu dàng. Nhưng sau khi kết hôn rồi, thì thỏ trắng bé bỏng hay cừu non dịu dàng kia đã biến thành lão cọp cái. Thật tướng của nó lộ ra là chỉ muốn ăn thịt đàn ông.

Tại sao vậy? Tức vì ngu si. Lúc chưa kết

hôn thì có trí huệ, nên không cãi cọ và biết tôn trọng nhau. Một khi đã thành hôn rồi, tha hồ phóng túng theo ái dục nên bị ngu si. Cho nên các qui tắc tôn trọng, tương ái đối với nhau như khách quý nay đã quên mất ráo. Vì vậy mà gây gổ với nhau từ sáng cho đến tối. Có câu: “Gia hòa vạn sự hưng”. Nếu gia đình quý vị có hòa khí thì mọi việc đều cũng thuận lợi cả. Còn trong nhà cứ lục đục, bất hòa thì sự việc gì cũng bị trở ngại hết.



Lời ban biên tập:

Cư sĩ Quả Hữu quy y Hòa Thượng tháng 2 năm 1968. Quả Hữu là học sinh trong khóa giảng Kinh Lăng Nghiêm của Hòa Thượng năm 1968. Tháng 8 năm 1977, cô vợ là Quả Vạn đã “bố thí” Quả Hữu cho Hòa Thượng làm đệ tử xuất gia. Quả Hữu thọ giới Tỳ Kheo vào tháng 10, 1979 tại Vạn Phật Thánh Thành với pháp hiệu là Hằng Tá. Thầy Hằng Tá hiện là trụ trì chi nhánh Vạn Phật Thánh Thành, Hoa Nghiêm Tự, Calgary, Canada. Thầy có đức tánh cần lao, tiết kiệm, ảnh hưởng phong cách của Hòa Thượng rất nhiều.

Vừa Đủ!

Quả Thời

Vào khoảng năm 89 hay 90, Sư Phụ đi Texas. Có lẽ Sư Phụ chỉ đến đó có một lần thôi. Hiển nhiên là Ngài đi với những lý do đặc biệt. Lúc đó chùa chiền không nhiều, nên chúng tôi phải dùng cơm trưa ở ngoài. Chúng ta ai cũng biết rằng khi mua cơm hộp, thì được cho kèm theo đôi đũa, loại đũa này chỉ dùng một lần rồi bỏ. Khi Sư Phụ ăn xong, Ngài lấy khăn giấy (napkin) lau chùi đôi đũa rồi bỏ vào túi áo. Có người thấy Sư Phụ làm vậy thì cảm thấy xấu hổ, coi như không ổn, bèn nói với Sư Phụ:

- Sư Phụ! Đũa này dùng một lần rồi bỏ không cần giữ lại.

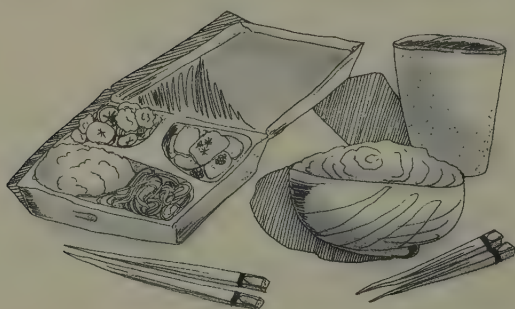
Sư Phụ nói:

- Tôi không có phí phạm như mấy người đâu!

Nghe vậy, đương nhiên là vị này không dám nói gì thêm. Và rồi cũng không ai nhắc đến việc này nữa. Nhưng kể từ đó mỗi lần ăn cơm xong, Sư Phụ đều lau đũa bỏ vô túi. Rốt cuộc có phải cứ mỗi lần dùng cơm xong,

Sư Phụ đều để dành dưa như vậy, cũng không ai lưu ý đến. Nhưng nếu để ý thì dường như đều thấy Sư Phụ cất dưa vào túi.

Trên chuyến trở về California sau cuộc hành trình đó, chúng tôi phải đợi một tiếng rưỡi ở phi trường để chuyển chuyến bay. Thời gian chờ đợi cũng đúng vào lúc dùng đồ. Nếu ra ngoài ăn thì không đủ giờ, còn ăn ở phi trường thì không có thức ăn chay. Làm sao bây giờ? Lúc đó có một cư sĩ phát tâm ra ngoài mua cơm hộp và chúng tôi vẫn ở phi trường chờ đợi. Như vậy, tức giải quyết được vấn đề cho mọi người. Ông cư sĩ mau mắn hoan hỉ đi mua. Khi thấy ông trở lại với thức ăn, ai nấy đều mừng rỡ. Chúng tôi ngồi trong phi trường vừa mở hộp cơm ra mới thấy không có dưa. Thì ra vì gấp rút nên ông quên lấy dưa. Lúc đó Sư Phụ mới từ từ móc dưa trong túi ra.



- Nè! Một đôi cho con, đôi này cho con... còn đôi này cho Quả Phổ. Cứ vậy mà Sư Phụ phân phát cho người này một đôi, người kia một đôi... vừa đủ hết cho mọi người, không dư cũng không thiếu.

Việc này nhắc tôi nhớ đến câu chuyện trong Kinh Duy Ma: Khi Bồ Tát Văn Thù dẫn 500 vị A La Hán đến thăm ông Duy Ma Cật. Không biết có phải ông Duy Ma Cật đã đem thức ăn từ cõi Hương Tích về để đãi các vị A La Hán này hay không? Nhưng ai ai cũng nghĩ là vị này có đủ bản lãnh để đem thức ăn hảo hạng về từ một quốc độ khác. Nếu được như thế thì đương nhiên là đem về càng nhiều càng tốt chứ! Tuy vậy, ông Duy Ma Cật chỉ đem thực phẩm về vừa đủ cho mọi người - không dư cũng không thiếu một hột. Các vị A La Hán dùng hết cả thức ăn và ai nấy cũng đều no đủ. Đây cũng là một công án thiền: “Vô khiếm vô dư” tức không thiếu cũng không dư.

Chúng ta có thể sẽ nhận thấy những việc Thánh nhân làm lúc đó, hình như có vẻ hơi lạ lùng. Nhưng sau đó nghĩ kỹ lại, chúng ta mới biết những quyết đoán của các Ngài là chính xác nhất cho mỗi trường hợp, tùy hoàn

cảnh và nhân duyên... Cũng như Sư phụ chẳng tham để cho nhiều. Ngài đâu có nghĩ là sẽ để dành thêm mấy đôi đũa nữa. Không đâu! Sư phụ chỉ giữ lại cho vừa đủ dùng thôi.

Dầu sao đi nữa, sự giáo hóa của Sư Phụ là theo nhiều cách riêng biệt vậy.



Chuyện Phóng Sanh Lừa

Thầy Hằng Thật

Trích trong khóa giảng kinh Hoa Nghiêm,
Phẩm Thập Hồi Hướng, ngày 4 tháng 3 năm
2001 tại Chánh Điện Vạn Phật Thánh Thành

Có ai còn nhớ về chuyện những con lừa rừng ở phía sau khu vực Vạn Phật Thánh Thành không? Vào một năm nọ, có rất nhiều lừa rừng, bọn chúng từng đàn, từng đàn kéo đến phá hại mùa màng và ăn hết cỏ của ngựa ở vùng Arizona. Vì số lừa quá nhiều nên chính phủ quyết định dùng súng từ máy bay trực thăng bắn xuống bọn chúng cho chết bớt.

Có người biết được chuyện này bèn nói rằng: “A! Hay là chúng ta đi mua vài con về phóng sanh. Chúng ta cũng sẽ phóng sanh những con vật lớn, chứ không phải chỉ phóng sanh mấy con gà rừng, rùa và chim bồ câu này thôi đâu! Hãy phóng sanh những con vật to lớn đi nào! Vạn Phật Thánh Thành rộng lớn như thế mà lại còn có nhiều cỏ nữa!”

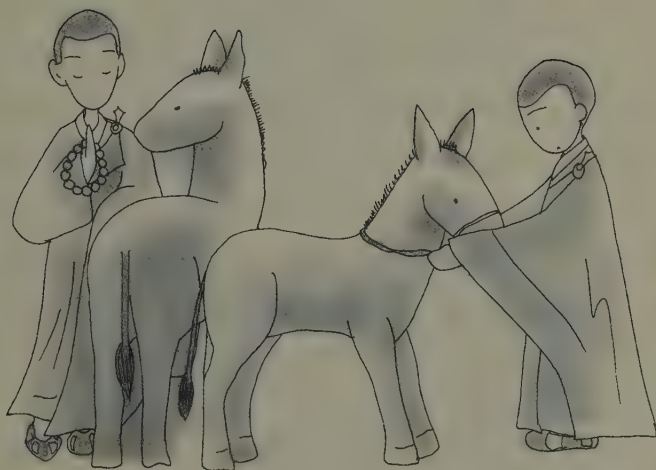
Thế là họ mua cho vài con lừa về Vạn Phật Thánh Thành để phóng sanh. Đến ngày phóng sanh, tôi đang trên đường từ Như Lai Tự (nội viện Tăng) đến chánh điện, vừa lúc đi ngang qua khu nhà chữa lửa thì thấy có hai vị Tỳ Kheo, một vị cư sĩ và hai con lừa ở đó. Cả ba người đang cố gắng lôi hai con lừa đi về phía chánh điện để làm lễ phóng sanh. Và vấn đề trở ngại là bọn lừa này không chịu nhấc chân. Có lẽ trong đầu chúng lúc bấy giờ là chỉ thích đứng ỳ ra ở tại một chỗ mà thôi. Quý vị có khi nào thử dẫn con lừa đi chỗ khác mà nó không muốn đi đâu hết không? Như bọn lừa này, chúng cứ đứng lì tại chỗ trong khi một ông thầy phía trước dùng dây kéo, ông thầy kia phía sau dùng sức đẩy, còn ông cư sĩ thì lại càu nhàu:

“Đừng đẩy chúng mạnh quá, các thầy biết không, chúng nó có thể đá mình đó!”

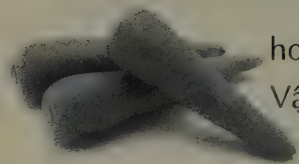
Sau đó họ gọi người tới lần chuỗi niệm Phật và tụng chú Đại Bi mong sao di động được hai anh chàng lừa. Dù cả ba người họ cố gắng hết sức và dùng đủ mọi cách mà chúng cũng chẳng chịu bước đi. Vậy mà lúc đó chúng còn lên tiếng: “Hum hum, he... ha he... ha” có vẻ như là đang hỉnh mũi cười

với ba người này rằng: “Các ông muốn chúng tôi đi, nhưng chúng tôi không thềm đi đâu hết, thử coi các ông làm gì tụi tôi đây.”

Và cứ như thế, người phía trước nắm dây kéo, rồi lại kéo; người phía sau đẩy, rồi lại đẩy; còn người đứng kế bên lo tụng chú Đại Bi thì cứ tụng. Phí hết cả buổi mà bọn lừa vẫn chẳng chịu nhúc nhích. Hèn gì người ta nói rằng: Lừa là loại rất ngoan cố vậy. Lúc đó trông chúng như chiếc xe thiết giáp đang đậu chình ình như như bất động. Ba người rầu rĩ vì đã hết cách trị bọn lừa cứng cổ, bèn than rằng:



- Làm sao bây giờ? Làm sao bây giờ? À!
Có cà rốt không? Chắc là tụi nó muốn ăn cà
rốt đó!



- Chúng ta không lấy cà rốt được vì đã
hơn 1 giờ trưa, nhà bếp đã đóng cửa rồi.
Vậy phải làm sao đây?

Có người lại bàn: “Hay là kêu ông gì...
đó đi, ổng lúc trước thường cưỡi ngựa, chắc
ổng có cách làm cho nó đi.”

Bỗng nhiên ngay từ phía góc đường, Sư
Phụ đang lái chiếc xe golf tới. Rồi Ngài
xuống xe nhưng không nói lời nào. Ngài cũng
đã không lên tiếng rằng: “Đồ ngu độn!” hay
“Chuyện gì thế?” hoặc nói này nói nọ mà
Ngài lại đi thẳng đến bên bọn lừa, vừa vuốt
đầu nó, vừa nói nho nhỏ bên cái tai bự chẳng
của nó. Chúng tôi không nghe được Ngài đã
nói những gì mà chỉ thấy mấy chân của chúng
bỗng nhiên nhóm lên, rồi chúng ngoan ngoãn
giống như mấy đứa bé bén gót theo cha.
Thế là Ngài đã hoàn toàn điều phục được
chúng nó và chúng chịu đi theo sau Ngài
đến chánh điện. Đã đến giờ làm lễ và mọi
người cũng đã tề tựu chờ đợi nhưng lúc đó
lại không có Thầy, mà cũng không có lừa
nên khóa lễ phóng sanh đành phải bị đình

trệ. Lúc đó Sư Phụ bước mau về phía chánh điện và hai chàng lửa cũng đi lót lót theo sau trông như những con ngựa đã được huấn luyện thuần thục. Bỏ lại phía sau, ba người kia ngơ ngác trở mắt, há mồm nhìn dài theo. Sư Phụ đi tới chánh điện thì dừng lại, hai chàng lửa cũng dừng lại bên Ngài. Thế là tất cả đại chúng cùng nhau ra ngoài phía trước chánh điện để tham gia buổi lễ phóng sanh.

Chúng tôi bất giác sờ sờ đầu lẩm nhẩm: “Sư Phụ làm sao mà thần kỳ quá hén! Hay là Ngài biết nói tiếng lửa? Chắc là vậy. Thật là kỳ lạ hết sức!”

Thiết nghĩ, lúc đó nếu trong lòng Sư Phụ không được vui vẻ thì không biết chuyện gì sẽ xảy ra? Nhưng ô kìa! Những con lửa đang vui vẻ và chúng chỉ hoan hỉ nối gót theo Ngài. Ngài đã làm những gì? Nào ai biết được, nhưng những điều Ngài làm đó, đều có hiệu lực vô cùng, vì bọn lửa đã chịu đi theo Ngài. Thế là chúng tôi cử hành lễ phóng sanh ngay. Sau đó bọn chúng được thả ra phía sau núi, nơi chúng có thể ăn cỏ và an trú ở đó. Điều khiến chúng sanh được vui vẻ một cách kỳ diệu này là do sự kết tụ nhân

duyên từ nhiều đời nhiều kiếp. Tất cả chúng sanh, bao gồm các loài như: bốn chân, có lông, có vảy, loại bò sát, cho cả đến loài người như chúng ta cũng đều được hưởng chung sự vui vẻ này. Vì vậy đừng nghĩ là dễ làm Bồ Tát. Thử hỏi, có phải dễ dàng cho chúng ta làm chuyện mà khiến cho mọi người đều được vui vẻ hay không? Thật là không dễ chút nào!



Kiếp Nhân Sanh

Hòa Thượng Tuyên Hóa khai thị



Mỗi người đều có một căn nhà, tức là thân thể ta đó. Thân thể con người là do tứ đại giả hợp mà thành. Thân như cột nhà,

một khi mục nát thì tường vách sụp đổ cũng như tứ đại phân tán. Các phần đất, nước, gió, lửa trở về sự biến diệt. Đó là sự biểu hiện của thân đang bị hủy hoại và diệt tận. Chúng ta nên nhận rõ về kiếp sống đời người. Đừng vì thân này mà làm nô lệ cho nó, đến nỗi bận rộn cả ngày chẳng giác ngộ được.

Tôi từng nói là:

Nhân sanh thất thập cổ lai thiểu,
Tiên trừ thiếu niên, hậu trừ lão,
Trung gian quang ảnh bất đa thời,
Hựu hữu nhất bán thùy trước liễu.

Nghĩa là:

*Đời người bảy mươi chẳng mấy ai,
Trước trừ lúc nhỏ, sau trừ già,
Thời gian khoảng giữa chẳng bao nhiêu,
Phân nữa lại còn bận ngủ nghỉ.*

Số người sống tới 70 đâu có nhiều, vì đa số thường chết lúc 50 hay 60. Cũng có số người mới 20 hoặc trẻ hơn đã chết. Như thí dụ về những người sống được tới 70: Từ lúc mới sanh ra đến 10 tuổi, họ sẽ không ý thức được những sự việc xảy ra chung quanh họ trong khoảng thời gian này, vì còn nhỏ nên họ chưa biết chuyện. Đến 60 tuổi, thì 10 năm sau đó cũng chẳng được dùng rồi, vì tuổi tác già nua.

Cho nên trừ 10 năm đầu và 10 năm cuối thì còn lại 50 năm. Nhưng phân nửa của 50 năm này lại là thời gian ngủ nghỉ, nên chỉ còn 25 năm thôi. Vậy mà còn phải trừ thêm thời gian ăn uống, thay quần áo, đi nhà vệ sinh, uống trà và tán dóc chuyện này chuyện nọ. Trừ ít nhất cũng khoảng 5 năm cho những việc đó. Như thế thì còn dư lại bao nhiêu thời gian? Tức là còn lại 20 năm. Thời gian còn lại như thế có dài không? Vậy cuộc đời con người có ý nghĩa gì đây? Trên thực tế,

thời gian hiện tại làm việc trong đời người chẳng có là bao. Cho nên như trên là chân lý của kiếp nhân sinh. Người hiểu được chân lý này, thời thân tâm có chỗ ký thác gói gắm, liền sẽ vui vẻ mà quên cơn đói.

Hôm qua trong lớp học tiếng Hoa, tôi hỏi, “Quý vị có đói không?” Bài học hôm nay quý vị sẽ học về câu: “Tôi không đói.”

Tôi hỏi: “Tại sao quý vị không đói?”

Quý vị trả lời: “Vì được nghe Pháp nên hiểu được chân lý của kiếp nhân sinh.”

Đúng vậy! Những lời tôi nói như trên chính là đạo lý của kiếp nhân sinh. Nếu quý vị nhận hiểu được thì sẽ thấy có niềm vui. Một khi đã vui mừng rồi, quý vị sẽ quên đói bụng. Như thế có phải là vi diệu không? Đó có thể xem như là một bài học tiếng Hoa, nhưng lại hàm tàng đạo lý rất sâu sắc. Một khi nhìn sâu vào sự học tập Phật Pháp, quý vị sẽ thấy hoan hỉ trong tâm. Khi có niềm vui thật sự rồi, quý vị sẽ quên hết những chuyện về ăn uống. Cho nên đừng quên bài học tiếng Hoa này của quý vị nhé! Những ai muốn học Phật nên đặc biệt chú ý đến bài học này. Như vậy vừa học đạo lý

Phật Pháp, vừa học được tiếng Hoa cùng một lúc. Có phải là quá tốt không? Cho nên đây là lý do vì sao tôi nói với những người nghe Pháp hôm nay rằng:

- Lớp học tiếng Hoa này tôi sẽ thu mỗi giờ là một ngàn đô. Như vậy cũng không mắc lắm đâu! Bài học này thật là vô giá vì quý vị được liễu sanh thoát tử.

Nhân thân hạo tử nhất gian phòng,
Khẩu vi môn hộ, nhãn vi song,
Tứ chi hảo tử phòng tứ trụ,
Đầu phát tử như san phòng thảo,
Sấn trước hảo thời cần tu bổ,
Mạc đãi đảo tháp trước liễu mang.

Nghĩa là:

*Thân người giống như một căn nhà,
Miệng là cửa, mắt làm cửa sổ,
Tay chân như bốn cột trụ nhà,
Tóc như rơm lợp trên nóc mái,
Thường nên tu sửa lúc còn tốt,
Đừng chờ đến sụp mới vội lo.*

Cái miệng chúng ta giống như cái cửa. Hai mắt giống như cửa sổ để ánh sáng chiếu vào, khiến mắt ta nhìn thấy các vật. Tóc chúng ta cũng giống như rơm lợp trên nóc

nhà. Nhà ở Mỹ không có lợp rơm, còn nhà ở Trung Quốc thì thường là lợp bằng rơm, nên trông giống như tóc mọc trên đầu chúng ta vậy. Chúng ta nên luôn giữ gìn, tu bổ.

Lúc còn trẻ như căn nhà “còn tốt”. Khi già như căn nhà bắt đầu xiêu vẹo. Đến lúc già sắp chết, mới biết rằng mình không thể sống trong căn nhà này nữa. Tức là ta phải dọn đi nhà khác. Quý vị có thể sẽ nghĩ đến việc sửa chữa căn nhà, nhưng đã quá trễ rồi, vì bộ máy đã làm việc quá mức. Đó cũng như thân con người khi làm việc vậy. Các vị cần phải bảo tồn thân thể cho tốt khi còn trẻ. “Bảo tồn tốt” nghĩa là tu đạo. Quý vị nên ngồi thiền, lạy Phật, lễ kinh hay trì chú. Hôm nay tôi dạy quý vị bài học tiếng Hoa đầu tiên. Đó cũng là để làm nền tảng vững chắc cho tất cả quý vị vậy.

“Hôm nay tôi thức giấc lúc 4 giờ sáng.”
Sáng sớm là giờ tốt nhất để thức dậy.

Gọi là:

Nhất sanh chi kế tại ư cần,
Nhất niên chi kế tại ư xuân,
Nhất nhật chi kế tại ư thần.

Nghĩa là:

*Mưu tính cho đời nhờ chuyên cần,
Mưu tính cho năm lúc mùa xuân,
Mưu tính cho ngày khi sáng sớm.*

Trong cuộc đời người, ta phải nên siêng năng. Mùa xuân là thời gian quan trọng nhất của năm, vì là lúc vạn vật sinh trưởng tốt tươi. Thời gian quan trọng nhất cho một ngày là buổi sáng sớm. Tốt nhất là nên dậy sớm và đi tản bộ ngoài vườn, để hít thở không khí trong lành. Như thế cũng giúp cho ta thêm phần năng lực.

Buổi sáng nên thức dậy lúc 4 giờ. Sau khi rửa mặt đánh răng xong, nếu không có chuyện gì làm, quý vị nên tọa thiền... A! Sáng sớm mọi âm thanh đều lắng đọng yên tĩnh. Lúc này là thời gian ngồi thiền rất dễ tương ứng với đạo. Ngồi được một lúc thì chân bắt đầu đau, hoặc cơn đau đã qua. Quý vị có thể nên đứng lên để vận động chút ít. Vận động như thế nào? Lạy Phật. Khi đứng lên quỳ xuống để lạy, sẽ là lối vận động tốt nhất giúp cho máu huyết lưu thông. Cách này còn tốt hơn cả tập Yoga nữa đó! Lạy Phật xong, quý vị sẽ cảm thấy tinh thần

tĩnh táo hẳn ra. Sau đó có thể tụng kinh để điều hòa hơi thở. Kế đến là trì chú, là niệm thầm trong tâm. Khi trì chú, quý vị không cần phải niệm lớn tiếng. Ở đây niệm lớn là vì có Pháp hội. Tu hành thật sự là quý vị chỉ niệm trong tâm thôi. Đây gọi là trì chú Kim Cang. Khi các việc như thế đã hoàn tất, quý vị mới bắt đầu đi làm. Đến chiều 5 giờ tan sở, quý vị có thể đến giảng đường Phật giáo để học tiếng Tàu và nghe giảng kinh. Như vậy trên thực tế quý vị được lợi ích mà chẳng phải tốn tiền, nên các vị có thể sẽ bỏ ăn chiều. Câu cuối của bài học tiếng Hoa bảo là: “Quý vị có đói bụng không?” Chúng ta phải đợi đến ngày mai mới trả lời câu hỏi này.



Án Ma Ni Bát Di “Ngưu”

Hòa Thượng Tuyên Hóa khai thị

Nếu trong lúc chúng con tụng chú Lăng Nghiêm mà phát âm không hoàn toàn chính xác thì có sao không?

Ngày xưa có một ông lão tu hành rất chân thật, nên lúc nào ông cũng không rảnh rỗi. Ông lão làm gì? Ông lão trì chú, tức là trì “Lục Tự Đại Minh Chú.” Nhưng ông lão tu hành này niệm không đúng. Bởi vì ông đã không hỏi cho rõ ràng cách đọc như thế nào, mà lại tự ý đặt ra. Hoặc là ông có hỏi qua, nhưng vì trí nhớ không mấy gì tốt, cho nên người ta dạy: khi chữ khẩu (口) bên cạnh chữ Án (唵) thì có âm đọc là Án (唵). Vì thế mà ông nghĩ rằng khi chữ khẩu có thêm chữ Ngưu (牛), thì nhất định cũng đọc là Ngưu.

Thật ra chữ đó không phải phát âm là Ngưu (牛) mà có âm đọc là Hồng (紅). Thế là ông lão niệm câu chú Án Ma Ni Bát Di Ngưu, Án Ma Ni Bát Di Ngưu, Án Ma Ni Bát Di Ngưu. Ông lão cứ như vậy mà niệm rất thành tâm, rất hứng thú. Với lòng nhiệt

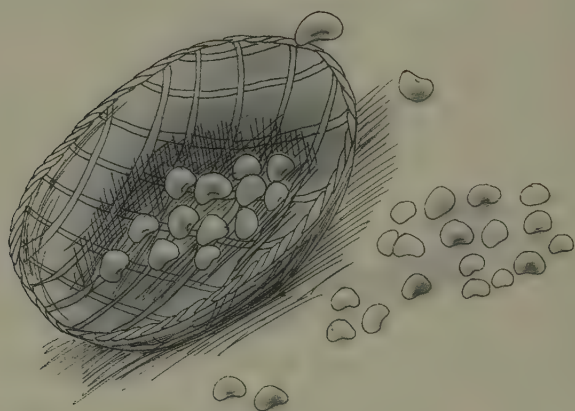
tâm và nghị lực trì niệm của ông, thì thật là bao nhiêu sức mạnh của chữ ngưu (trâu) đó như phát xuất ra vậy.

Ông lão không những chỉ niệm lấy có, mà mỗi ngày ông đều niệm đến cả trăm ngàn lần câu Án Ma Ni Bát Di Ngưu này. Sau khi niệm cả trăm ngàn lần như thế, ông cho rằng quá phiền phức nếu niệm mà dùng xâu chuỗi để tính đếm. Cho nên ông bắt đầu dùng trăm ngàn hạt đậu nành để đếm khi niệm chú.

Thế rồi mỗi lần niệm xong một câu, ông dời một hạt đậu qua một bên. Vì làm như vậy thì sẽ không bị sai sót chi. Niệm một câu thì dời một hạt đậu qua một bên. Ông cứ như vậy mà niệm. Niệm tới niệm lui và quả là đã có linh nghiệm thật. Ông niệm cho đến khi các hạt đậu tự động nhảy qua mà không cần dùng tay dời chúng. Ông niệm một câu Án Ma Ni Bát Di Ngưu (trâu), thì ngưu này nhảy qua. Niệm thêm một câu Án Ma Ni Bát Di Ngưu, thì thêm một ngưu nữa lại nhảy qua.

Cứ như thế mà tiếp tục niệm tới niệm lui, niệm cho tới khi hào quang xanh sắc xanh, hào quang vàng sắc vàng, hào quang hồng

sắc hồng- gồm cả năm hào quang và mười màu sắc đó bao phủ quanh ông. Lúc đó, ông càng niệm lại càng hân hoan hơn: Thật là vui quá! Thử tưởng tượng xem! Các hạt đậu mà lại có thể tự động nhảy từ bên đây qua bên kia. Chính ông cũng không ngờ rằng sự linh nghiệm của câu chú, đã khiến các hạt đậu trở nên linh hoạt đến nỗi có thể tự động di chuyển được.



Rồi vào một ngày nọ, lại có một lão đạo sĩ khác, nhận thấy bầu trời trên đỉnh núi có một luồng khí sắc tím. Sự hiển hiện của luồng khí sắc tím cuộn xoáy là nhất định phải có một vị chân tu đang tu tập trên đó. Cho nên lão đạo sĩ này bèn đi đến đó xem thử. Đến nơi thì thấy chỗ ở rất đơn sơ, chỉ là một túp lều tranh nhỏ. Lúc ông nhìn vào bên trong

thì thấy có một ông già đang niệm Án Ma Ni Bát Di Ngưu và cũng thấy các hạt đậu tự động nhảy qua. Ông lắng nghe, lắng nghe. Và khi ông già đó đã xong khóa trì niệm trăm ngàn biến Án Ma Ni Bát Di Ngưu, đến chữ Ngưu cuối cùng, ông khách bèn hỏi: Ông đang làm gì vậy?

- Tôi niệm Lục Tự Đại Minh Chú.

- Ông niệm như thế nào?

- Thì niệm - Án Ma Ni Bát Di Ngưu.

- Ông niệm sai rồi! Không phải là Án Ma Ni Bát Di Ngưu đâu!

- Vậy thì là gì?

- Là Án Ma Ni Bát Di Hồng.

- Ồ!

Rồi sau đó ông lão niệm Án Ma Ni Bát Di Hồng. Nhưng khi niệm chữ Hồng, các hạt đậu chẳng động dậy chút nào. “Ủa! HỒNG không làm chúng di động.” Ông lão nói:

“Thấy chưa? Khi tôi niệm Án Ma Ni Bát Di Ngưu, thì đậu của tôi tự động di chuyển. Nhưng khi tôi niệm Án Ma Ni Bát Di Hồng thì các đậu này làm lơ với tôi, chẳng thềm

nhức nhích chi hết. Vậy thì tôi sẽ tiếp tục niệm theo cách của tôi - Án Ma Ni Bát Di Ngưu cho rồi!”

Thật ra ông lão này vốn là không biết chữ, tuy niệm Án Ma Ni Bát Di Ngưu, mà ông cũng đắc được tam muội. Từ đó chúng ta thấy rằng: Nhất thiết duy tâm tạo - Tất cả đều do tâm tạo. Nếu quý vị niệm không đúng, nhưng không phải là vì quý vị cố ý, thì đó không phải lỗi của quý vị. Bởi vậy không có sao đâu. Chỉ cần quý vị thành tâm thôi. Cho dù như quý vị có niệm sai đi nữa, thì vẫn được cảm ứng như thường. Đó là bởi các vị Thần Chú biết quý vị không phải cầu thả. Trong trường hợp này, cho dù nếu có trì niệm không đúng hoàn toàn, nhưng cũng vẫn được cảm ứng như nhau. Quý vị hiểu chưa? Tôi nói nhiều đạo lý như vậy đều là để trả lời câu hỏi này cho quý vị đó.



Phát Hiện Bảo Tàng!

Quả Tồn



Hôm nay có số đông người Việt đến hành hương. Đồng thời lại có nhóm sinh viên trường Đại Học Humboldt State và nhiều đạo hữu gần xa cũng nhân dịp cuối tuần đến đây tham quan. Tôi xin báo cáo chuyện lý thú là chúng tôi đã được phép tiến hành xây dựng thêm ngôi Đại Hùng Bảo Điện, một trong những công trình kiến trúc mới ở phía đông của Vạn Phật Thánh Thành. Cho nên nơi đây ví như đang tỏa hào quang sáng chói thu hút nhiều chúng sanh qui tụ về.

Trong Kinh có nói rằng: Phật pháp khởi lên từ trong gian khó. Chúng ta đều biết Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma khi tới Trung Quốc đã gặp biết bao khó khăn. Ngài đã từng bị người xấu ác dùng thuốc độc hãm hại. Còn Lục Tổ thì phải lẩn trốn trong rừng với nhóm thợ săn để khỏi bị người truy tìm. Sở dĩ tôi gọi lại những chuyện này là chỉ vì muốn nhắc

mọi người rằng, một khi tiến hành việc xây cất ngôi Đại Hùng Bảo Điện, tất là phải gặp trở ngại. Thật ra chúng ta đã từng trải qua biết bao khó khăn mới đến được đoạn đường này. Trong đời mạt pháp, chúng ta không những chỉ lo chú trọng vào các công trình xây cất, mà cũng phải cố gắng hoằng dương chánh pháp.

Bây giờ tôi xin kể câu chuyện “Phát hiện bảo tàng” dưới đất như sau:

Người ta thường nói với tôi rằng: “Chắc là Sư Phụ bảo anh làm như vậy chớ gì!” Theo tôi nghĩ thì có nhiều đệ tử cũng đã từng có kinh nghiệm như vậy. Họ cứ tưởng rằng: mình đang làm theo ý của Sư Phụ, nhưng ngờ đâu lại không được Ngài chấp thuận. Sau đây là câu chuyện từ kinh nghiệm của bản thân tôi.

Từ lúc mua được Vạn Phật Thánh Thành thì vài năm sau đó, tất cả hệ thống điện lực đều bị ngưng điện. Sau khi chúng tôi kiểm soát khắp mọi nơi mới phát giác rằng, dây điện dưới đất đã bị hư. Tôi liền viết một tờ đơn trình lên Sư Phụ để xin mua loại dây điện dưới đất. Tuy xin mua loại dây điện với giá rất mắc nhưng Sư Phụ đồng ý phê

chuẩn liền. Sau khi chúng tôi thay đổi dây điện mới thì Vạn Phật Thánh Thành có điện trở lại. Trong mười năm đầu, mỗi lần hệ thống điện bị hư, chúng tôi đều đệ đơn xin Sư Phụ cho mua dây điện mới để thay, rồi vấn đề cũng được giải quyết ngay.

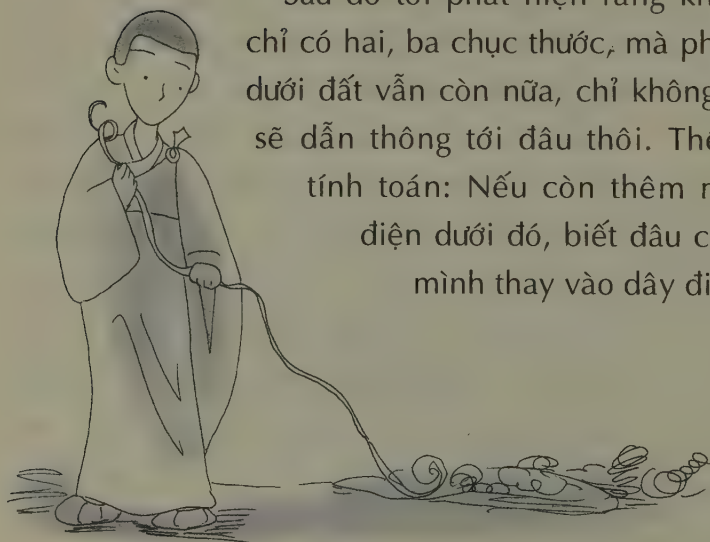
Nhưng mười năm sau, có một ngày lại bị cúp điện và chúng tôi cũng phát giác có một đoạn dây điện bị điện cao áp xuất đốt cháy. Sau khi ước lượng chiều dài dây điện cần mua để sửa chữa, chúng tôi lại điền đơn trình lên Sư Phụ. Lúc đó chúng tôi cứ đinh ninh rằng Sư Phụ sẽ chấp nhận để được mua dây điện mới.

Trong nhóm huynh đệ chúng tôi có người nói được tiếng Hoa đã đi báo cáo với Sư Phụ, nhưng sau đó trở lại nói rằng: “Sư Phụ bảo là Ngài đã mua đủ dây điện rồi, không cần phải mua thêm dây điện nữa. Các chú cứ như thế mà sửa chữa đi, chớ không được mua dây điện mới.” Tôi thật không thể tin nổi những gì mình đã nghe, cho nên tôi hỏi vặn lại vị thông dịch: “Sư Phụ thật nói vậy sao?” Đến khi biết ra, quả thật là vậy, nên tôi kinh ngạc đến đở lưỡi, chẳng thốt được lời nào. Lúc bấy giờ, tôi cũng không biết,

phải làm sao để đưa dòng điện hoạt động trở lại.

Đang trong tình trạng lúng túng, nhưng tôi vừa đưa mắt nhìn quanh và cũng vừa suy tính. Thấy có một cái hố sâu vừa đủ cho một người, thế là tôi bèn chui xuống để xem xét. Hình như tôi đã thấy qua có một số dây điện dài khoảng 20 mét ở dưới đó. Nhưng hiện tại lại cần đến 300 mét dây điện. Tôi cứ thử lòn lỏi chui xuống dưới xem sao và lôi ra 20 thước dây điện. Khi tôi dùng sức kéo ra được khoảng hai hay ba chục thước, thì đầu dây điện bên kia bị kẹt dưới đất nên không thể kéo ra thêm được.

Sau đó tôi phát hiện rằng không những chỉ có hai, ba chục thước, mà phần bị chôn dưới đất vẫn còn nữa, chỉ không biết là nó sẽ dẫn thông tới đâu thôi. Thế là tôi lại tính toán: Nếu còn thêm một số dây điện dưới đó, biết đâu cũng đủ cho mình thay vào dây điện bị cháy.



Chúng tôi lại lục lạo tìm kiếm khắp nơi. Rồi cứ theo hướng dây điện mà phăng tới thì phát hiện có một đoạn đường trải dầu hắc nối thông qua với đường dây điện, nhưng lại không biết nó dẫn đến đâu. Xoay qua xoay lại tìm tòi, thì thấy hình như nó dẫn thông về phía bắc quanh khu vực Giới Đường (dãy nhà dành cho giới tử ở trước khi thọ giới Cụ Túc). Sau đó chúng tôi lại tiếp tục lục soát và phát hiện được dây điện thuộc loại cao cấp dùng cho dưới đất, chứ không phải là loại dây điện thường. Ngày xưa nơi đây vốn là bệnh viện của tiểu bang, có lẽ lúc đó chính bệnh viện đã đặt những dây điện xuống đó. Sau đó chúng tôi lại tìm thấy một hố sâu khác, lại cũng có dây điện. Và cũng mọc nối dưới đường hầm. Chúng tôi biết thêm rằng, trước khi bệnh viện đóng cửa, họ đã có kế hoạch đặt một trạm điện lực mới tại khu vực Giới Đường. Nhưng công việc chưa hoàn thành thì bệnh viện bị đóng cửa.

Số dây điện chúng tôi vừa tìm được từ trạm điện lực dẫn thẳng tới khu Giới Đường vẫn không đủ. Cho nên chúng tôi vẫn còn cần thêm dây điện để nối từ khu Giới Đường

dẫn đến trạm điện gần đó. Thế là chúng tôi lại tiếp tục tìm, rồi lại phát hiện trong trạm điện có một đường dây thông tới một cột trụ điện. Chiều dài của dây điện này thì vừa đủ cho chúng tôi đang cần dùng. Vào thời đó, trong nhóm chúng tôi gồm khoảng bốn, năm người đều biết về công việc của điện cao áp nhưng ở Vạn Phật Thánh Thành ít có người biết kỹ thuật này. Cho nên đây cũng là một cơ hội cho chúng tôi cùng nhau hiệp lực, đem điện cao áp mới này tiếp nối với hệ thống điện cao áp sẵn có. Nhưng phần dây điện bị hư dưới đất là ở chung quanh khu lầu bệnh viện về phía tây bắc thì tiếp cận với khu đất ẩm thấp.

Vào mùa đông, nơi này mực nước dưới đất lên cao vì nước từ hố sâu chảy ra không ngừng. Biết khu đất đó ẩm thấp, vì nước dưới đất quá nhiều, nên chúng tôi quyết định không dẫn dây điện cao áp qua khu đất đó, tức là chỗ dây điện bị hư. Chúng tôi bỏ qua khu vực đó để bắt lại đường dây điện khác. Mặc dù trải qua cả tháng trời để lắp ráp tu sửa đường dây điện chúng tôi đã phục hồi được nguồn điện lực trở lại.

Kết cuộc là chúng tôi chỉ mua những cái đầu dây điện để nối các dây điện với nhau, chứ không có mua thêm dây điện. Những dây điện mà chúng tôi tìm ra được lại có phẩm chất lượng cao, nếu mua thì rất là đắt tiền. Cho nên có thể nói là chúng tôi đã phát hiện được bảo tàng! Vì thế mà mỗi khi có người nói: “Ồ! huynh làm như vậy là theo ý của Sư phụ, Sư phụ muốn huynh làm như vậy” là tôi nhớ tới câu chuyện này. Cũng từ kinh nghiệm này tôi hiểu rằng cảnh giới của Sư Phụ thật khó nghĩ bàn. Tôi nghĩ rằng, không có ai đã thật sự biết được Sư Phụ muốn họ làm những gì? A Di Đà Phật.



Thuận Tay Trái

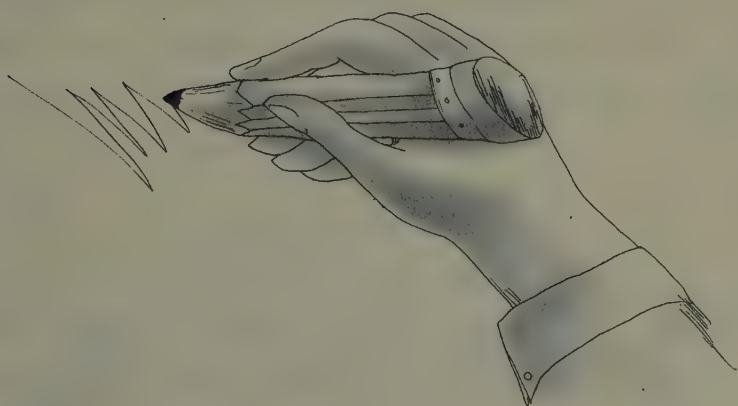
–Tự Do Phát Triển Thái Quá

Hòa Thượng Tuyên Hóa khai thị

Tôi không phản đối việc cho con em phát triển theo kiểu tự do như ở nước Mỹ này. Nhưng nếu cho con nít tự do phát triển quá mức, thì đó cũng là một quan niệm sai lầm. Bởi vì trẻ con giống như những cây nhỏ mọc ra rất nhiều cành non; nếu muốn thân cây trở thành vật liệu hữu dụng, thì phải cắt tĩa đi những chồi nhánh, chỉ để lại một thân cây ngay thẳng thôi. Chỉ có vậy, cây đó sau này mới trở thành cột trụ được. Nếu đứa bé làm đúng, thì dĩ nhiên nó được phép tự do phát triển. Còn như đứa bé làm không đúng, thì nó nên được chỉ dạy để sửa đổi.

Thí dụ như ở quốc gia này, tôi thấy có rất nhiều trẻ con thuận tay trái. Chúng viết chữ, ăn cơm hay làm việc gì cũng đều dùng tay trái. Như vậy thì không được tiện lợi cho lắm. Tay mặt thuộc về nhu thuận; tay trái là thuộc về cang cường, ngang ngạnh. Do đó để các em thuận tay trái thì không tốt lắm.

Trong mỗi gia đình, nếu có con em nào có khuynh hướng thuận tay trái, tốt nhất là người lớn trong gia đình nên chỉ dạy, giúp chúng đổi qua tay mặt, nhất là trong thời kỳ tập viết, tập ăn. Như dùng tay mặt để viết, cầm muỗng đũa lúc ăn cơm... Đi theo chiều kim đồng hồ là hành động thuận thảo, trật tự. Cũng như khi nhiễu Phật, chúng ta đi vòng về phía tay mặt. Chúng ta làm tất cả mọi việc cũng đều theo chiều kim đồng hồ. So ra dùng tay mặt làm việc thì sẽ linh hoạt hơn, và cũng tiện hơn trong việc viết chữ, ăn cơm, hay làm mọi chuyện gì đi nữa cũng đều thuận lợi cả. Vì thế tôi nêu lên ý kiến này cho những gia đình nào có con em thuận tay trái.



Mặc dù tôi đề nghị như vậy, nhưng quý vị có lẽ vẫn cứ cho chúng nó tự do phát triển. Nhưng nếu sau này chúng không chịu nghe lời quý vị, thì đó cũng là kết quả tự do phát triển của chúng mà ra! Bởi vì chúng nó sẽ nói: "Tôi muốn tự do phát triển, tôi không nghe đâu! Nói cái gì tôi cũng sẽ không nghe hết." Sau đó khi chúng lớn lên, chúng sẽ làm dân hippy, hoặc làm những chuyện không hợp lý.

Từ màn ảnh ti vi, con người cũng có thể học rất nhiều những thói hư tật xấu. Nếu quý vị cho con em xem ti vi, có phải cũng là cho phép chúng tự do phát triển không? Vì như thế là để cho chúng bị ảnh hưởng rồi đó. Cho nên nếu thật sự là tự do phát triển, thì nên làm sao đây? Quý vị nên mang chúng nó lên núi, đến một nơi không có điện thoại, không có ti vi, cái gì cũng không có - để chúng nó hoàn toàn tách biệt với đời. Rồi lúc bấy giờ chúng nó mới có thể tự do mà phát triển ở đó. Cũng giống như cây cỏ trên núi, hoàn toàn xa rời thế nhân. Một khi ở nơi không có người chung quanh, dù chúng không muốn tự do phát triển cũng phải phát triển thôi.

Trên thực tế, khi chúng ta sống trong xã hội, lúc nào cũng có sự giao tiếp với người chung quanh, vì vậy chúng ta nên ứng dụng vào trí tuệ, những hiểu biết thông thường và sự duy trì hành vi mẫu mực của chúng ta.

Tôi không chống đối những người thuận tay trái. Nhưng những người thuận tay trái có lúc tánh tình giống như không mấy bình thường. Thường thì họ không chịu nghe lời người khác. Đó cũng là hậu quả liên quan đến việc con em được phép tự do phát triển. Chúng ta bảo rằng trẻ con ở đất nước này là được quyền tự do phát triển, nhưng chúng ta đã không nghiên cứu tường tận là có bao nhiêu đứa bé trong số đó được tự do phát triển mà trở thành Tổng Thống đầu? Có phải trong trường hợp là đứa trẻ có quyền tự do phát triển, rồi sau đó nó trở thành Tổng Thống? Nếu là vậy thì mỗi đứa bé đều nên trở thành Tổng Thống hết rồi.

Còn nếu không là như vậy, chúng ta phải quan tâm và chỉ dạy giúp đỡ trẻ con một chút. Dẫn dắt nó chút ít tức là nếu nó đúng, quý vị nên cho nó phát triển tự do; còn như nó không đúng, thì phải bảo cho nó biết: “Không được như vậy”.



Ăn Vụng!

Thích Hằng Thuận

Đây là chuyện có thật do chính Thầy người Mỹ kể lại nhân trong chuyến Hòa Thượng Tuyên Hóa hoằng pháp ở Đài Loan năm 1989.

Khoảng 14, 15 năm về trước, khi chưa tới chùa Kim Sơn tôi đã xuất gia làm Sa Di trong một chùa ở Bang Kok, Thái Lan. Lúc đó tôi đọc một cuốn sách tiếng Anh viết về cuộc đời của Sư Phụ. Sách này mới phát hành và được gửi đến thư viện của chùa.

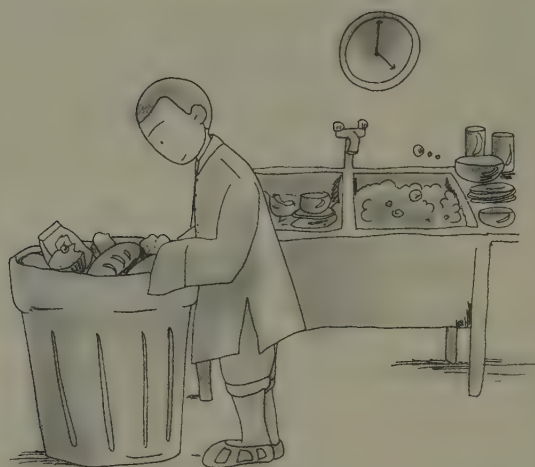
Vừa đọc xong quyển sách, tôi cảm biết ngay Sư Phụ sẽ là Thầy của tôi. Thế là tôi lập tức lo chuẩn bị rời khỏi Thái Lan để tới chùa Kim Sơn tìm Sư Phụ xin tu học. Lúc tới chùa Kim Sơn ở San Francisco tôi vẫn giữ giới Bát Quan Trai, nên cũng không ăn chiều như các vị tu sĩ và cư sĩ ở đây. Đồng thời tôi cũng cùng đại chúng tham gia các khóa lễ tụng niệm hằng ngày ở chùa. Thời gian khoảng nửa năm ở chùa Kim Sơn này, tôi giữ nhiệm vụ rửa chén sau bữa ăn. Một ngày

nọ, nhân chùa cử hành pháp hội Quán Âm Thất nên có rất nhiều người tới tham dự. Ngày hôm đó cũng có rất nhiều món ăn ngon cùng các loại bánh ngọt. Vì có nhiều người đến tức số chén bát cần rửa cũng rất nhiều, cho nên sau bữa ăn, tôi phải rửa chén đến khoảng 3, 4 giờ chiều mới xong. Lúc bấy giờ, tôi giữ giới rất nghiêm túc cũng như mọi người trong chùa vậy. Tức là sau bữa ngộ, chúng tôi sẽ không ăn thêm bất cứ gì.

Khi rửa chén vừa xong, tôi chợt thấy trong thùng rác có rất nhiều bánh trông như vẫn còn nguyên vẹn nhưng đã bị người ta vứt bỏ. Thấy vậy tôi tự nhủ thầm. Ô! Mình tuy giữ giới không ăn chiều, nhưng nếu bỏ các thức ăn như vậy thì thật là lãng phí quá đi thôi! Rồi tôi tự biện hộ, tự làm luật sư để bào chữa lòng tham muốn ăn bánh của mình. Thế nên tôi lượm mấy cái bánh lên và ăn hết tại thùng rác.

Điểm quan trọng của câu chuyện này là lúc tôi lượm bánh ăn đó đã không có một ai trong nhà bếp cả. Bởi vì lúc đó mọi người đang tập trung trên chánh điện để tiếp tục theo khóa lễ Quán Âm Thất. Cho nên tôi

quả quyết rằng: Đã không có người nào nhìn thấy tôi ăn như vậy cả.



Theo thông lệ, mỗi tối chùa Kim Sơn đều có buổi thuyết giảng Phật pháp. Lúc bấy giờ Sư Phụ đang giảng bộ kinh Hoa Nghiêm nên mỗi tuần có khi Ngài giảng đến 8, 9 buổi. Và phải trải qua tới 8 năm Ngài mới giảng hết bộ kinh này.

Ngay trong bữa tối trong giờ giảng kinh hôm đó, Sư Phụ bỗng lên tiếng thông báo rằng: “Ở chùa Kim Sơn đây, mọi người đều tu hành khổ hạnh, như mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Nếu như có bất cứ vị nào ở đây nghĩ rằng: Sau bữa ngộ mà không được ăn bất cứ

gì là việc rất khó làm và không thể nào tuân giữ nổi, thì cái vị đó có thể lượm thức ăn trong thùng rác ra để mà ăn.

Nghe đến đây tôi giật mình hốt hoảng và trầm nghĩ: Làm sao Sư Phụ lại biết mình ăn bánh từ trong thùng rác vậy cà? Lo sợ quá, tôi lại nghĩ: “Ôi thôi! Sư Phụ đã biết được tâm mình rồi! Ngài còn thấu rõ từng ý niệm trong tâm của mình luôn.

Rõ ràng là lúc đó chẳng có ai thấy mình ăn bánh từ trong thùng rác mà!” Bởi vậy tôi quyết chắc là Sư Phụ đã đọc được tâm tôi, cho nên mỗi lần nhìn thấy Ngài là tôi sợ đến khiếp vía. Mấy hôm sau đó, Sư Phụ bỗng tới gõ cửa phòng tôi. Thật ra, dù tôi đã ở chùa Kim Sơn này có trên nửa năm rồi, nhưng Sư Phụ chưa bao giờ nói chuyện với tôi cả, thì đối với việc Ngài đến phòng tôi để hỏi chuyện thì khỏi nghĩ bàn. Thấy Sư Phụ bước vào phòng, tôi sợ run cầm cập bèn núp sau cánh cửa.

Sư Phụ hỏi: Có chuyện gì vậy?

- Con thật sợ Sư Phụ quá đi thôi!!

Ngài hỏi: Tại sao?

- Vì Sư Phụ đọc được tâm của con!

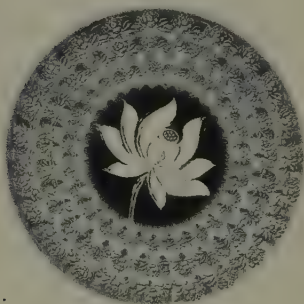
- Vậy à! Tâm chú ra sao? Phải chăng tâm chú là hình tròn, hình vuông, hay nó có màu xanh, màu đỏ? Thử chỉ cho ta thấy tâm của chú đi!

Tôi ngẫm nghĩ giây lát, nhưng tôi đã không trả lời được.

Sư Phụ nói:

- À há! Như vậy là đâu có vấn đề gì!!

Thật sự là tâm tôi ra sao, tôi cũng chẳng rõ được! Vì vậy, mãi cho đến ngày hôm nay, tôi vẫn ra công tìm kiếm, và cố gắng trả lời câu hỏi của Sư Phụ.



Phương thức học giỏi: “Ba Trong, Ba trên”

Hòa Thượng Tuyên Hóa khai thị

Có một em họ Đường mười bốn tuổi cùng với mười lăm bạn học đến lạy Hòa Thượng, xin Quy Y và khẩn cầu Ngài từ bi chỉ dạy làm thế nào khai mở trí tuệ, mau học thuộc bài, và nhớ dai hơn?

Hòa Thượng bảo chúng như sau:

- Muốn học giỏi, phải theo phương pháp *Ba Trong, Ba Trên*. *Ba Trong* là khi học bài phải đặt vào ba chỗ:

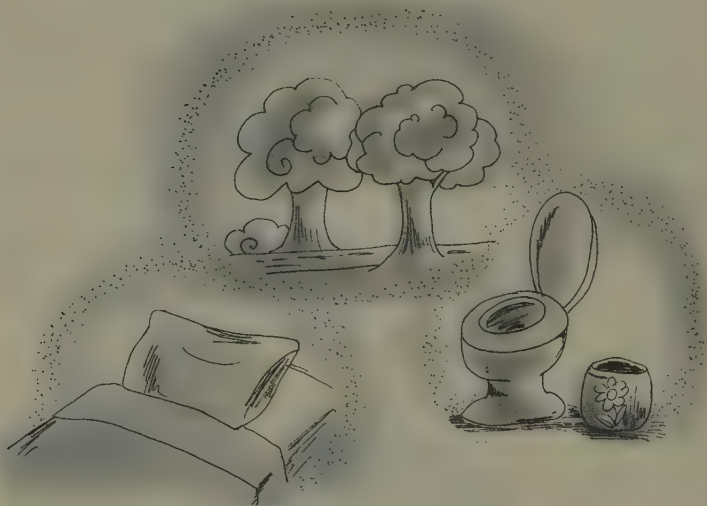
- 1) Trong tâm,
- 2) Trong miệng,
- 3) Trong mắt.

Tức là dùng mắt xem bài, dùng miệng đọc bài, và dùng tâm để tư duy bài học.

Ba Trên nghĩa là phải học luôn luôn:

- 1) Trên đường,
- 2) Trên gối,
- 3) Trên cầu vệ sinh.

Lúc đi trên đường thường nên suy gẫm, nhớ lại bài học mà thầy cô vừa dạy. Về nhà, lúc lên giường, trước khi nhắm mắt ngủ, phải đọc qua một lần những bài vừa học ở trường. Và lúc ngồi trên cầu vệ sinh đừng để uổng phí thời giờ suy nghĩ viễn vông mà nên chuyên tâm, nhớ lại những gì mình vừa học qua.



- Khi học bài phải để hết cả tâm trí vào bài vở và chỉ thấy có quyển sách thôi, nếu có ai thổi kèn bên tai các con, các con cũng không nghe. Nếu có những màu sắc hình ảnh sáng chói, lộng lẫy chiếu bày trước mắt,

các con cũng không nhìn. Các con nếu cứ thế mà chuyên tâm nhất ý, thì không việc gì mà không đạt được, huống chi nói về việc học thuộc bài?

Bọn học trò nghe qua hiểu rõ, và ghi khắc lời dạy vào lòng. Sau khi trở về, chúng y theo lời dạy của Ngài, quả nhiên trí tuệ khai sáng. Từ học sinh bình thường, chúng trở thành xuất sắc, thông minh. Cha mẹ và Thầy Cô giáo của các em đều không khỏi kinh ngạc. Chuyện truyền ra xa, học sinh từ khắp nơi không ngừng tìm đến xin Quý Y và cầu Ngài dạy dỗ.



Sự giáo huấn của Ân Sư

Thích Hằng Hiền



Khi mới xuất gia, tôi rất tự hào về sự tỉnh thức của mình lúc ngồi thiền, trong khi các vị khác bị ngủ gục. Nhưng sau đó nghiệp chướng lại đến với tôi, vì mỗi khi ngồi xuống là bị gục ngay. Rồi nó trở thành một vấn đề lớn. Thời đó chúng tôi mỗi khi gặp vấn đề gì đều có cơ hội thưa hỏi với Sư Phụ. Bởi tôi rất quan tâm đến việc mình bị hôn trầm trong lúc tọa thiền, nên tôi thỉnh cầu xin Sư Phụ giúp đỡ. Dĩ nhiên công phu tọa thiền là do sự tự luyện tập ở mỗi người, chứ không có một công thức huyền diệu nào để làm cho được dễ dàng.

Tuy nhiên, Sư Phụ đã dùng một phương pháp không tầm thường để giúp tôi. Vốn là lần đó tôi trên chuyến xe buýt đi Los Angeles, vì trong tình trạng tuyệt vọng không tìm ra lối thoát, nên tôi đã phát nguyện trước đại chúng là sẽ không ngủ gục lúc ngồi thiền. Vừa nói xong, có một huynh đệ liền nói với tôi cùng mọi người rằng, tôi không nên phát nguyện vì tôi sẽ không làm nổi. Lời nói đó

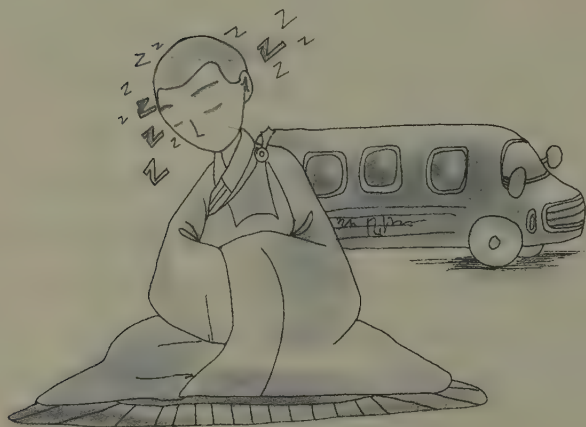
đã khiến trong tâm tôi có mối nghi ngờ. Và tôi đã không làm nổi theo nguyện vọng của mình. Bởi không làm nổi, nên trong cuộc sống cũng như sự tu hành của tôi bắt đầu phát sanh nhiều vấn đề phiền phức. Lúc chuyện xảy ra khó mà giải thích được đó là chuyện gì. Ngay trong tình cảnh như vậy, tôi bắt đầu nghi ngờ theo những chiều hướng khác nhau. Nhưng khi suy ngẫm lại sự việc đã qua, thì đó có thể chỉ là phần thay đổi trong tiến trình vượt khỏi cảnh khó khăn.

Lúc đó ni chúng thường luân phiên nhau về trú ngụ tại chùa Kim Luân ở Los Angeles, tiểu bang Ca-li. Mỗi tháng Sư Phụ đều về chùa Kim Luân một lần, đồng thời cũng là dịp cho chúng tôi cùng theo xe để đến hoặc trở về. Cũng may là lúc phiên tôi xuống đó thì không phải đi bằng xe hơi, mà là bằng xe buýt, nên có thêm nhiều người cùng đi. Lúc đó chắc là khoảng đầu năm 1980, tôi không nhớ chính xác là ngày nào, nhưng là lúc mà chùa Kim Luân còn tọa lạc ở đường số 6 thành phố Los Angeles. Khi tôi mãn kỳ hạn ở chùa Kim Luân, tôi lại may mắn được trở về bằng xe buýt. Nói may mắn, bởi vì tôi luôn mang theo nhiều đồ đạc mỗi khi đi

đây đó, nên khi về cũng cần đem về. Lần này có xe buýt trở lại trong chuyến về, nên tôi nghĩ là không có vấn đề gì.

Tuy nhiên vào sáng thứ hai, lúc lên xe buýt, Sư Phụ đột nhiên thông báo lớn tiếng cho chúng tôi nghe với giọng nói không vui, là tôi không được phép lên xe. Vì lý do gì? Sư Phụ bảo tôi và tất cả những người đến để đưa tiễn Ngài cùng những vị theo xe về rằng: Xe buýt này sẽ không chở người làm biếng như tôi, người mà ngủ gục ngay khi cô ta ngồi xuống! Bởi vậy xe buýt khởi hành mà không có tôi. Tôi bị ở lại Los Angeles với nỗi lòng kinh ngạc và hổ thẹn vô cùng.

Thật ra, hôm đó trời rất trong đẹp, ánh nắng chứa chan vùng Los Angeles. Và chùa



Kim Luân tràn ngập bầu không khí vui vẻ, tốt lành từ chuyến thăm viếng của Sư Phụ. Nhưng tôi chỉ cảm thấy vô cùng xấu hổ và hối hận. Tôi không muốn nghĩ đến là mình phải làm gì, mà chỉ biết trở về phòng, nơi tôi đã ở trong tháng qua để ngồi thiền.

Quý vị có thể tưởng tượng rằng lúc đó tôi đã không ngủ gục hôn? Tôi chỉ lo phản tỉnh lại sự nhu nhược và thiếu quyết tâm của mình, với nỗi lòng hối hận sâu xa. Khoảng nửa tiếng sau đó, chúng tôi nghe có tiếng xe trong sân đậu. Thì ra xe buýt đã quay đầu trở lại và cuối cùng tôi đã được phép lên xe!

Sau này nghe các sư cô kể là: Khi xe buýt chạy được một khoảng trên xa lộ, thì Sư Phụ bảo tài xế quay về Kim Luân để rước tôi. Tôi nghĩ đối với những ai không có kinh nghiệm về Sư Phụ, thì khó mà biết rằng Ngài đã dùng bao khí lực và tâm sức vào việc giáo hóa chúng đệ tử. Khi tôi nhận sự giáo hóa đó, cùng với bao sự dạy dỗ tương tự, tôi liền tập trung mạnh mẽ thẳng vào tình cảnh ấy ngay.

Hỏi tưởng lại, tôi biết rằng không thể hình dung hết được sự từ bi của Sư Phụ, cùng biết

bao sự giúp đỡ của Ngài để tôi vượt qua lúc khó khăn - bằng cách cho xe buýt chở đầy người chạy đi một khoảng xa, rồi quay trở lại, khiến tôi buộc lòng cảm thấy xấu hổ, rồi cho tôi niềm vui khi được tha thứ. Và tôi tin chắc rằng Sư Phụ quan tâm rất nhiều về việc tôi có tu hành hay không. Sư Phụ đã không ngừng đáp ứng lời cầu giúp của tôi qua một màn kịch, với bài học sâu sắc khó quên. Còn bao người khác cũng có thể học được giống như vậy, cũng khó mà tính hết, nhưng chắc chắn là họ phải có phần trong sự dạy dỗ này.

Tôi vốn rất chậm chạp, nên có lẽ phải trải qua một thời gian dài mới có thể - không bao giờ ngủ gục khi ngồi thiền. Nhưng tôi đã tiến bộ hơn sau bài học không thể nghĩ bàn đó.



Bây giờ nhớ lại, tôi cảm thấy, nhất định là tôi đã trồng xuống chủng tử gì rồi, để trải qua một thời gian dài mới mọc lên được. Cũng chính vì lẽ đó, nó sẽ đem lại cho tôi nguồn sức mạnh để hoàn thành nguyện vọng “không thể làm nổi” của mình - là không kiêu mạn mà phải khiêm nhường và biết ơn.

Tên Thật!!!

Huỳnh Quả Nguyệt

Gia đình tôi vượt biên rời Việt Nam và được định cư ở Mỹ vào năm 1979. Vì theo đạo Phật nên khi đến Mỹ chúng tôi cũng tìm đến chùa để cúng kiến lễ bái như lúc còn ở Việt Nam. Mấy năm đầu chúng tôi thường lui tới các chùa Việt Nam ở gần nhà.

Mãi đến năm 1983, con trai tôi vì muốn thăm viếng chùa người Hoa nên đã chở chúng tôi đến chùa Vạn Phật, và đó là lần đầu tiên chúng tôi được biết đến Hòa Thượng Tuyên Hóa. Sùng kính oai đức của Ngài và cũng vì cư ngụ gần San Francisco, nên chúng tôi thường lui tới chùa Kim Sơn, chi nhánh của Vạn Phật Thánh Thành để tham gia các khóa lễ, nghe thuyết giảng và làm công quả.

Lúc bấy giờ Hòa Thượng cũng thường trú ở chùa Kim Sơn nên chúng tôi có nhiều cơ hội gần gũi cũng như được Ngài trực tiếp dạy bảo. Ngoài ra, Hòa Thượng cũng thường mời nhiều vị pháp sư người Việt cũng như người Hoa đến chùa Kim Sơn để thuyết pháp,

nên chúng tôi cũng có dịp được học hỏi thêm từ các Thầy khác.

Năm 1984, nhân dịp Sư Phụ làm lễ truyền quy y ở chùa Vạn Phật, tôi bèn dẫn hai cô con gái và đưa cháu đến để quy y với Ngài. Theo thủ tục thì người muốn quy y, trước phải điền đơn, viết tên họ, tuổi tác, địa chỉ... của họ và Hòa Thượng sẽ kiểm soát lại từng tờ đơn rồi mới đặt pháp danh cho từng người. Khi buổi lễ quy y kết thúc, Sư Phụ bèn phân phát giới điệp cho các giới tử.

Lúc nhận bốn phái quy y, cô con gái lớn của tôi giật mình kinh ngạc vì thấy Hòa Thượng đã viết lại đúng tên thật của nó, mà nói rằng: “Con điền tên con trong tờ đơn là Cơ (có bộ nữ), (姬) vậy mà bây giờ Sư Phụ viết lại là Cơ (bộ Kỳ và bộ thổ) hay thiệt!” Chữ Cơ (基) mà Sư Phụ viết đó mới chính là tên thật của cô ta.

Tên này chính là tên mà cô được ông ngoại cô đặt cho. Ông ngoại cô đã từng nói với tôi rằng: “Vì nó thiếu đất (thổ) nên Ba mới đặt tên cho nó có bộ thổ vào đấy.” Đó cũng chính là cái tên mà con gái lớn tôi đã dùng trong hai mươi bảy năm qua. Hơn nữa,

vốn là Hoa Kiều nên chúng tôi cũng cố gắng cho con cái học tiếng Hoa và cô con gái lớn nhất này cũng đã học hết bậc trung học. Như vậy thì không có lý do gì cô viết lầm tên mình. Nhưng vì trước đó cô nàng đã không tha thiết, chú trọng việc quy y. Thậm chí cô còn cố ý không muốn viết tên thật của mình! Đã vậy sau khi điền đơn quy y xong, cô còn ngồi thơ thẩn ở ngoài vườn hoa phía trước chánh điện mà không chịu vào Diên Sanh Đường để quy y. Tôi phải kêu năm lần bảy lượt cô ta mới chịu vào. Nhờ mắt thấy cố sự như thế nên mới khiến cô nàng bắt đầu có lòng tín ngưỡng và khâm phục Sư Phụ.



Qua việc này, tôi nghĩ âu đó cũng là một giáo pháp kỳ đặc mà Hòa Thượng dùng để hóa độ và thức tỉnh những người không có niềm tin đối với Tam Bảo chẳng hạn như cô con gái tôi.

Dù nay Sư Phụ đã không còn nữa, nhưng suốt khoảng thời gian quý báu được học hỏi với Ngài, cùng những sự việc xảy ra như trên, thử hỏi, làm sao mà chúng tôi có thể quên cho được! Tiếc thay, lúc đó chúng tôi đã không biết quý trọng những ngày tháng được gần gũi bên Ngài! Ôi, làm sao diễn tả hết được những công ân sâu dày của bậc Thầy kính yêu.



Sống bên Thầy

Richard Josephson (Quả Hàng)

Sau khi từ Ấn Độ trở về nước Mỹ, tôi đã đến trung tâm thiền Zen để tu tập, nhưng chỉ qua một tuần là tôi bắt đầu chán nản, vì tôi đã quen dụng công dững mãnh hơn nhiều. Có một người ở đó nói với tôi về chùa Kim Sơn. Anh ấy bảo rằng ít ai đến chùa Kim Sơn, bởi vì cách tu ở đó rất khó.

Thế là hôm sau tôi bèn tìm đến chùa Kim Sơn. Khi đến nơi, trước hết là tôi thấy có bức ảnh Hòa Thượng Thượng Hư Hạ Vân được treo trên tường. Tôi dò hỏi về bức ảnh, thì được vị sư trong chùa nói, đó là vị thầy truyền thừa của Hòa Thượng Tuyên Hóa, nhưng chẳng may, Hòa Thượng đã đi Nam Mỹ (South American), có lẽ hai tháng sau mới trở về. Tôi nói, như vậy thì không có gì trở ngại cả. Rồi tôi chờ đợi cả hai tháng trời, ở chánh điện và ngủ dưới gầm cầu thang.

Trong những năm đầu ở chùa Kim Sơn, pháp hành của tôi là trì chú và quét dọn

chùa. Đó cũng là cách mà tôi dụng công trong suốt mười năm ở với Sư Phụ.

Khó mà liên hệ sự hốt nhiên khai ngộ, hoặc không hốt nhiên khai ngộ với người khác được, bởi vì tác dụng giữa một thiền sinh thành thực và vị thầy (hay cảnh giới) thì có tánh cách cá nhân riêng biệt. Ví như Hòa Thượng Hư Vân đã đại ngộ khi chú thị giả vô tình rót trà nóng vào tay Ngài. Đó là do nhiều năm tháng tu tập, tâm Ngài đã chín mùi đến lúc khai ngộ. Đồng thời trạng thái tâm Ngài lúc bấy giờ duy chỉ có một mình Ngài nhận thức được thôi! Nếu không như vậy, thì ai ai một khi bị rót trà nóng vào tay, đều sẽ được khai ngộ hết sao? Vì không có **hốt nhiên khai ngộ** để chia sẻ, nên tôi muốn chia sẻ cái **hốt nhiên không khai ngộ**. Cái đau không giác ngộ, như cũng đang hình thành một phần quan trọng trong sự tu hành của tôi.

Có lần tôi viết trình lên Sư Phụ một công án thiền:

- Phật A Di Đà ngự ở cõi Tịnh Độ phương Tây, vậy thì làm sao gặp được Ngài khi hướng về phía Đông?

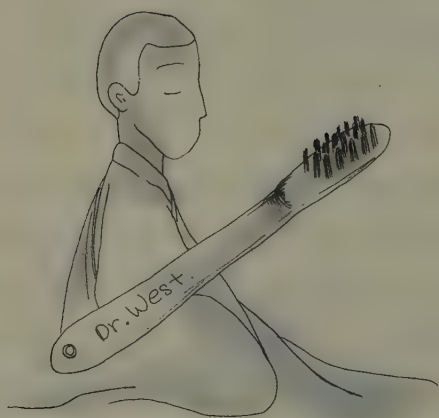
Lúc bấy giờ tôi có trách nhiệm quản lý thiền đường ở chùa Kim Sơn và hằng ngày trong nhiều giờ tọa thiền, tôi luôn luôn xoay mặt về hướng Đông. Sự thắc mắc muốn hỏi Sư Phụ là xuất phát từ cõi lòng tôi, chứ không phải chơi trò “khẩu đầu thiền.”

Để thưởng thức câu giải đáp của Sư Phụ, quý vị phải biết sơ qua về căn phòng của Ngài trên lầu ba. Vách tường và trần nhà chùa Kim Sơn được chống đỡ bởi những lễ vật do các cư sĩ cúng dường, gồm hàng ngàn cục xà bông và bàn chải đánh răng được chất thành đống ở khắp nơi và không theo một thứ tự nào cả. Khi quý vị đến phòng Sư Phụ, thường thì Ngài sẽ thò tay vào một trong những đống đồ để lấy một món gì đó cho quý vị. Sư Phụ không thể đọc các nhãn hiệu bằng tiếng Anh và chẳng bao giờ Ngài nhìn ngó đến. Thế mà, Ngài lấy đúng ngay món đồ mà quý vị đang cần dùng.

Trải qua vài tuần khi trình công án thiền, tôi chờ đợi câu giải đáp của Sư Phụ. Từ khi tôi trình câu hỏi đến Sư Phụ, tôi vẫn tiếp tục tọa thiền, chờ đợi Ngài trả lời. Rất tiếc là tôi đã không nhận ra khi chuyện bất ngờ xảy đến. Đó là một ngày mà tôi đang ngồi

thiền một mình trong chánh điện. Thường lệ, mỗi khi Sư Phụ hướng nhìn tôi, là tôi có thể dứt đoạn sự thiền định. Lúc tôi ngồi thiền ở chánh điện, Ngài đã khiến tôi để ý đến sự hiện diện của Ngài đang từ phía đằng xa, gần bên văn phòng, đi về phía tôi. Trông Ngài có vẻ rất khác thường. Ngài không biểu lộ gì cả, trạng thái thâm trầm như xuất thần và cũng chẳng nhìn tôi. Nhưng khi đi ngang qua chỗ tôi ngồi, Ngài đưa cho tôi một cái bàn chải đánh răng. Sau đó Ngài tiếp tục đi nhiều quanh tượng Phật, vẫn trong trạng thái thâm trầm như xuất thần, nhưng đi nhiều Phật ngược chiều về phía tay trái. Khi đó chỉ có Sư Phụ và tôi trong chánh điện thôi.

Tôi nhìn qua cái bàn chải, thấy không có gì là đặc biệt. Thế là tôi để nó phía dưới băng ghế ngồi thiền. Sư Phụ vẫn tiếp tục đi nhiều Phật ngược chiều.



Một tuần sau trôi qua, tôi bèn có ý muốn xem lại cái bàn chải đánh răng một lần nữa. Sau đó tôi mới

hiếu rõ, trái tim tôi như muốn rút ra vì nhãn hiệu của bàn chải là: Dr. West (Bác sĩ hướng Tây.)

Một trong những giáo huấn quan trọng nhất của Sư Phụ là đừng chấp vào hình tướng của bất kỳ pháp môn tu tập nào. Là Phật tử thì không nên dính mắc vào sự “tướng” hay hình thức. Ngài đã giúp chúng tôi nhận ra mục đích cao cả về chuyện tu hành của chúng tôi.

Khi sư Hằng Cự đang trên chuyến báı hương một ngàn dặm thì bỏ về nhà để thăm mẹ, nên chỉ sau một ngày đã bị rút dài. Vì Sư đã không có một động cơ thích đáng để duy trì chuyến báı hương. Trong thất bại, Sư trở về chùa Kim Sơn. Sư Phụ đã nhẹ nhàng chỉ điểm và mở cho Sư Hằng Cự một tầm nhìn cao thượng và vị tha hơn, đó là: Báı hương chỉ vì hòa bình thế giới chứ không vì lợi lạc cho tự mình. Sau đó sư Hằng Cự đã hoàn thành viên mãn chuyến báı hương, từ San Francisco đến Marblemount, Washington.



Bây giờ Sư Phụ đã không còn với chúng ta, thì bổn phận của chúng đệ tử nên quả quyết rằng Sư Phụ sẽ không trở thành - chỉ là một kỷ niệm. Riêng cá nhân tôi có một cảm giác sâu xa, là hiện nay chúng ta nên gấp rút hoằng dương Phật Pháp hơn như là tôi đã làm khi Sư Phụ còn với chúng ta. Sư Phụ đã tận tâm tận lực đeo mang ngọn đuốc (thân Ngài) để thực hiện hạnh Bồ Tát. Giờ đây Ngài truyền trao lại ngọn đuốc cho tất cả chúng ta. Đó không những chỉ là bổn phận người đệ tử nhận lãnh sứ mạng của Sư Phụ, mà cũng là cách tốt nhất để chúng ta có thể tỏ lòng tôn kính đối với vị Thầy của chúng ta.

Mỗi ngày chúng ta nên làm vài việc gì đó trong niềm danh dự của Sư Phụ và để cho hột giống đó nảy mầm. Ngài đã dạy giáo Pháp cho chúng ta, những người từng tiếp xúc với Ngài, thường hưởng cái cảm giác rất đặc biệt, rằng mỗi chúng ta cảm thấy là mình có trong lòng Ngài, và được truyền thừa giáo Pháp của Ngài. Chớ cố phán đoán về điều này, mà hãy để nó tiến thẳng vào chúng ta.

Nếu có người hỏi:

- Trong mười năm sống gần bên Sư Phụ, điều gì quan trọng nhất mà tôi đã học được nơi Ngài?

Tôi sẽ trả lời:

- Tôi là một tín đồ Phật Giáo và có một niềm tin vững chắc trong Phật pháp. Khi tôi mới vào chùa Kim Sơn, quan niệm về sự được giác ngộ xem như rất xa vời, không thể có được. Tôi lại quan tâm hơn về chuyện chấm dứt những phiền não của cuộc đời này. Nhưng, sau mười năm sống bên Sư Phụ, chí nguyện của tôi đã thay đổi. Nay tôi hiểu rõ lý tưởng của Bồ Tát rằng: chính ta phải phát tâm tu hành để dứt sanh tử luân hồi, và Sư Phụ đã thúc đẩy chúng ta “làm những gì mà người khác không thể làm,” để chúng ta có kinh nghiệm hiểu biết về chân lý của đạo Phật, hơn chỉ là một nhà trí thức. Tất cả những ý tưởng hằng ngày của tôi đan dệt bằng sợi chỉ Phật giáo. Sợi chỉ này kết giữ tấm vải về con người tôi lại với nhau, cùng với Sư Phụ trong trái tim tôi. Sự tin chắc, tôi là Phật tử thì không thể nào lay động được.



BỒ TÁT TỪ BI

Thích Hằng Thọ

Trong những ngày đầu xuân năm 1974, khi tôi còn ở Hồng Kông tại Giảng Đường Phật Giáo, cũng là lúc Sư Phụ vừa trở lại sau nhiều năm ở Mỹ.

Sư Phụ trở về Hồng Kông không lâu thì các đệ tử thỉnh cầu Ngài làm lễ phóng sanh ở chùa Tây Lạc Viên. Nơi này là một trong các đạo tràng Sư Phụ đã kiến lập từ những năm trước. Tôi cùng với hai sư huynh đệ lo giúp việc tụng niệm và đánh chuông mõ. Trong khi đó Sư Phụ hướng dẫn buổi lễ với

số Phật tử tham gia đông đúc. Loại thú vật được phóng sanh hôm đó là loại chim cút mà người Hoa thường lấy thịt để xào nấu làm thức ăn.



Pháp hội vừa được tiến hành không lâu, đến khi tôi quay đầu lại quan sát bữa lễ thì thấy Sư Phụ đứng gần lồng chim. Tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy Ngài chảy nước mắt nhưng không lộ vẻ khổ đau. Thật ra sắc mặt Ngài hầu như vẫn bình tĩnh và hài hòa. Nhưng rõ ràng là vậy, tôi đâu có lầm lẫn được, vì Ngài đang khóc mà! Tôi như có phần ngơ ngác!

Từ lúc gặp Sư Phụ vào đầu mùa hè 1968, tôi đã từng chứng kiến những lúc Ngài làm việc. Ngài có những biểu lộ tình cảm hầu như là của một vị Bồ Tát và một vị Thầy tinh thần. Tôi thấy Ngài nói chuyện rất êm dịu đối với những đệ tử nhút nhát. Giọng nói Ngài dễ dàng nhỏ nhẹ như tiếng của chú mèo con. Tôi cũng đã thấy Ngài gất gỏng với giọng đầy oai quyền đối với đệ tử nào có tánh tình cao ngạo. Những lúc đó tiếng Ngài vang dội nghe dễ sợ như tiếng gầm vang của sư tử vậy. Có khi Ngài kể chuyện vui để làm vui bớt phiền muộn cho những ai có khí sắc quá ưu sầu. Lắm lúc Ngài cũng nghiêm khắc phản tỉnh những kẻ lơ đãnh nông nổi đã không để ý đến các chi tiết quan trọng. Có khi sự hiện diện vui tươi

của Ngài cũng đã khiến mọi người cảm nhận được niềm vui hạnh phúc, mặc dù Ngài chẳng nói một lời nào. Có lúc Ngài tỏ thái độ rất nghiêm nghị, khiến những người hiện diện tự nhiên cảm thấy được sự oai nghiêm, trang trọng.

Nhưng dù sao tôi cũng đã thấy qua những “tình cảm” như thế của Sư Phụ, cũng như đã thể hiện trong nhiều sự chuyển đổi khác nhau. Nhưng tôi chưa bao giờ thấy Sư Phụ khóc qua. Tôi cảm thấy bối rối hơn vì đã chứng kiến cảnh này. Nhưng dĩ nhiên là tôi phải tiếp tục tụng niệm và đánh mõ trong suốt khóa lễ. Khi lễ phóng sanh kết thúc, tôi quay lại nhìn Sư Phụ một lần nữa, thì thấy Ngài tươi cười qua làn nước mắt lưng tròng. Không phải chỉ mình tôi mới thấy Sư Phụ rơi nước mắt, mà thật ra tôi nghĩ thì hầu như mọi người cũng đều bối rối như tôi thôi. Sau đó Ngài giải thích đại khái, tôi xin lập lại nguyên văn như sau:

“Có một số người thấy tôi khóc khi cử hành lễ phóng sanh và chắc quý vị cũng lấy làm thắc mắc không biết tại sao? Để tôi nói cho quý vị biết lý do làm tôi xúc động. Bởi trong số các con chim được thả đây, có một



con vốn là đệ tử xuất gia của tôi ở kiếp trước. Nhưng vì đi lầm đường lạc lối, đi xa đến nỗi bây giờ bị dọa làm kiếp chim. Cho nên hôm nay gặp gỡ trong tình cảnh này, khiến tôi không khỏi bùi ngùi xót thương rơi lệ."

Buổi lễ phóng sanh tại chùa Tây Lạc Viên là một kinh nghiệm không bao giờ quên được trong tâm tôi. Ngài đã rơi lệ trước nghiệp lực buộc ràng một đệ tử của mình. Điều đó chứng tỏ lòng lo lắng thật sâu xa của Ngài đối với chúng đệ tử. Sự rơi nước mắt vì con chim nhỏ, đã cho tôi thấy tấm lòng từ bi của Sư Phụ thật thấm thiết bao la, rộng khắp đến tất cả chúng sanh.



Trích lược

lời dạy cuối cùng của Sư Phụ

Ngày 4 và 5 tháng 12, năm 1994.

Tôi muốn nói cho các vị biết, để chuẩn bị hậu sự khi tôi không còn nữa. Mọi người nên chuẩn bị tinh thần, tôi sẽ tùy thời mà ra đi, bởi chuyện gì đi nữa đều không có nhất định cả.

Là người thì ai cũng trải qua sanh, lão, bệnh, tử, Phật còn phải nhập Niết bàn khi đã đến lúc. Lần này tôi lâm bệnh, thối thoát đã năm năm rồi. Ba năm trước, tôi vẫn tiếp tục lo giảng Kinh thuyết Pháp như thường lệ. Các vị đâu biết rằng tôi hoảng dương Phật Pháp trong khi đang mang bệnh. Nay tôi cảm thấy căn bệnh một ngày một thêm trầm trọng. Chừng nào lành, khi nào tệ hơn cũng không biết, cho nên tôi nói để các vị biết làm sao về chuyện hậu sự.

Có một cư sĩ cúng dường tôi một bộ đồ ấm màu vàng, nếu như tôi ra đi, thì sẽ mặc bộ đó bên trong, bên ngoài thì mặc áo tràng mỏng như thường lệ và đắp y (cà sa) vàng

hay y đỏ. Thực ra y vàng cũng là Y Tổ.

Khi tôi đi rồi, các vị có thể tụng Kinh Hoa Nghiêm và niệm Phật, hoặc một thất, hoặc bảy thất, muốn tụng niệm bao lâu thì tùy các vị. Sau khi hỏa táng tôi rồi, thì đem tro cốt rải vào hư không. Ngoài ra tôi cũng không muốn làm chuyện gì khác cho tôi cả. Nhớ là đừng có tạo dựng tháp hay bất cứ đài kỷ niệm nào. Khi tôi đến thì cái gì cũng không có, lúc ra đi, tôi cũng vẫn không muốn chi, tôi không muốn lưu lại dấu vết gì trên thế gian cả. Tôi đến từ hư không thì tôi trở về hư không.

Đồ vật tôi còn lại cũng chẳng có là bao, chỉ có vài tràng xâu chuỗi. Các vị có thể rút thăm, xem thử ai rút được xâu nào thì lấy xâu đó. Chuẩn bị chỉ là vậy thôi. Nếu tôi không nói cho các vị biết, đến chừng đó thì ai nấy đều bị luống cuống, rồi cũng chẳng biết làm sao. Nay tôi đem chuyện hậu sự mà nói, để một khi đến lúc đó thì khỏi phải mỗi người mỗi ý kiến.

Tôi không thể cả đời ở bên cạnh các vị mãi. Ai nấy đều là có lúc đến thì cũng có lúc đi. Các vị chớ có bi ai mà hãy nên sinh hoạt như lúc bình thường, cùng nhau phát

tâm lo tinh tấn dụng công tu hành. Vạn Phật Thánh Thành là nơi đặc biệt, nên nhớ bảo trì tông chỉ ngày ăn một bữa của chúng ta. Người trẻ nên dùng một bữa ngọt, nhưng đối với người lớn tuổi thì có thể dùng ba bữa. Người trẻ nên ăn ít một chút, chủ yếu là phải tu hành.

Các vị mỗi người nên ráng cố gắng làm cho Phật Giáo được phát huy rạng rỡ. Nhất cử, nhất động, nhất ngôn, nhất hành đều nên nghĩ là vì Phật Giáo. Đừng tranh, đừng tham, đừng cầu, đừng ích kỷ, đừng tự lợi, đừng vọng ngữ, được vậy tương lai nhất định sẽ thành Phật. Mỗi người nên có trách nhiệm gánh vác việc hoằng dương Phật Pháp. Nếu các vị có thể làm rạng rỡ Phật Giáo, thời dù tôi ở nơi nào đi nữa tôi cũng an tâm.

Cố gắng làm tốt việc huấn luyện nhân tài và giáo huấn các em học sinh. Các vị nên tổ chức củng cố lại nền giáo dục học đường. Nên chỉnh đốn trường tiểu học, trung học cho khang trang còn trường đại học thì lại càng phải được chấn chỉnh cho được vững chắc hơn. Vấn đề giáo dục đào tạo nhân tài rất là quan trọng, các vị đừng nên chỉ biết lo nghĩ cho mình mà thôi.

Trong cuộc đời này tôi nguyện không cùng người tranh, tham, cầu, ích kỷ, tự lợi, vọng ngữ, nên khi đi, tôi luôn đi phía sau mọi người. Ý chí của tôi là không cùng với bất cứ một ai tranh danh đoạt lợi. Những gì mà người ta muốn thì tôi nhường cho. Những gì người khác không muốn thì tôi nhận lấy. Đức Phật đối với ai cũng đều từ, bi, hỷ, xả. Ngài đâu có bỏ một chúng sanh nào. Tôi tuy không phải là Phật, nhưng tôi nguyện học theo Ngài.

Tôi nay giống như là hai người: Một người vẫn đang đi các nơi để cứu độ chúng sanh, còn một người là thân thể này thì đang nằm trên giường bệnh, nhưng tôi sẽ không màng đến nó, và tôi sẽ không giúp thân tứ đại này nữa.

Hòa Thượng thượng Tuyên hạ Hóa, vị thành lập Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới đã viên tịch vào lúc 3 giờ 15 chiều ngày 7 tháng 6, năm 1995 tại Los Angeles, California, Mỹ Quốc. Theo lời di chúc của Hòa Thượng, trước khi làm Lễ Trà Tỳ, bốn chúng đệ tử từ các đạo tràng trực thuộc Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới, đồng cử hành Pháp hội niệm Phật và tụng Kinh Hoa Nghiêm trong suốt

bốn mươi chín ngày. Lúc đó tại Vạn Phật Thánh Thành, đại chúng tụng Kinh Hoa Nghiêm gồm ba thứ tiếng, tại các địa điểm như: tụng tiếng Hoa tại Chánh Điện, tiếng Anh tại Vãng Sanh Đường và tiếng Việt tại Diên Sanh Đường. Cảnh giới Hoa Nghiêm vượt ngoài hư không và thâm nhập khắp pháp giới. Đó là cảnh giới quảng đại hàm tàng, vô tận vô biên theo như những lời nhấn nhủ sau cùng của Hòa Thượng:

“Tôi từ hư không đến thì tôi sẽ trở về hư không.”



Ngày Truy Niệm và Đại lễ Trà Tỳ

Nhục thân của Hòa Thượng Tuyên Hóa được hỏa táng trong buổi Lễ Trà Tỳ ngày 28 tháng 7, 1995 tại Vạn Phật Thánh Thành, bắc California, Mỹ quốc.

Có hơn hai ngàn tín chúng từ các nơi trên thế giới qui tụ về với nỗi lòng tưởng nhớ khôn nguôi, họ cùng hướng nhìn ngọn lửa đỏ đang bốc cháy trong lò thiêu. Mặc dù nhục thân của Hòa Thượng đã hỏa táng, nhưng với tinh thần - không vì cầu lợi ích cho bản thân, mà chỉ nguyện lo cho chúng sanh được an lạc. Lòng hy sinh cao cả của Ngài vẫn vĩnh viễn lưu lại trong lòng tất cả các Phật tử.

Lúc 7 giờ sáng ngày 28, chư vị trưởng lão Nam Bắc Truyền Phật Giáo chủ trì Pháp hội, bắt đầu thỉnh chuyển pháp thể Hòa Thượng từ chánh điện Vạn Phật Thánh Thành đến Tổ Sư Đường. Hòa Thượng Tuyên Hóa là Tổ

Sư đời thứ 9 của Thiền Tông Quy Ngưỡng. Gồm hơn hai ngàn tín chúng đến từ, Canada và các quốc gia Âu, Á, kể cả các vị đệ tử Mỹ của Hòa Thượng. Họ đã gác lại các công việc làm để đến tham gia ngày tưởng niệm và đại Lễ Trà Tỳ của Hòa Thượng.

Đại hội được chánh thức bắt đầu lúc 8 giờ 30 phút sáng. Pháp Sư Minh Dương, phó hội trưởng “Hiệp Hội Phật Giáo Trung Quốc” tuyên đọc tờ điện tín chia buồn gửi từ ông hội trưởng Triệu Phác Sơ.



* Pháp sư Húc Lăng trụ trì chùa Diệu Pháp Mỹ quốc, tiếp lời tán thán, vì Phật sự không hề tiếc công sức của Hòa Thượng khi hoàng dương Phật Pháp tại Mỹ. Pháp Sư còn bảo rằng: Một người Hoa đến nước Mỹ để khai lập đạo tràng là chuyện không dễ gì. Vậy mà Hòa Thượng đã lại thành lập hơn hai mươi đạo tràng, việc đó lại càng khó làm hơn.



* Lão Hòa Thượng Bhante Dharmawara người Cam Bốt, một trăm lẻ bảy tuổi, thông thạo nhiều ngôn ngữ, kể cả tiếng Việt, đã nói: “Một Ngôi Sao Lớn đã rơi. Vì thế chúng ta quy hội về đây đông đủ, để bày tỏ lòng tri ơn của chúng ta về những công đức mà



Ngôi Sao Lớn đã lưu lại. Hiện tại sự rơi rụng của Ngôi Sao Lớn là tạo nên khoảng trống cho ngôi sao khác. Tôi tin rằng, chúng ta nghĩ nhớ về Ngôi Sao Lớn, cùng với lòng ái kính không ngừng dứt về sự rơi khuất của Ngôi Sao Lớn. Nhưng chúng ta phải hiểu rằng: sự rơi rụng của Ngôi Sao Lớn đã dành sẵn chỗ cho ngôi sao kế tiếp. Và tôi chắc rằng ngôi sao kế tiếp sẽ không thiếu sót trong việc thi hành trách nhiệm để thay thế Ngôi Sao Lớn đã mất. Tôi tin rằng ngôi sao mới này sẽ cho chúng ta được nhiều lợi lạc. Đây là theo sự hiểu biết của riêng tôi.

* Pháp sư Ajahn Sumedho là vị sư Tây phương tu lâu năm nhất, với 29 năm giới lập. Sư hiện nay đang cai quản bốn đạo tràng ở Anh Quốc. Khi trẻ, Sư đã từng tu khổ hạnh nhiều năm ở Thái Lan. Lúc đương thời, Hòa Thượng thường khuyến khích đệ tử của Ngài, nên học tập theo tinh thần tu hành khổ hạnh của Sư Ajahn Sumedho. Trong buổi lễ, Pháp Sư Ajahn Sumedho đã nêu lên những nét về việc Hòa Thượng hoằng truyền chánh Pháp, từ một nơi xa xôi đến tận phương Tây. Và Pháp thanh tịnh đó thật sự là vĩnh viễn, bất sanh bất diệt. Pháp Sư Ajahn Sumedho đại diện cho những người Tây phương, gồm cả

những người Mỹ và Âu Châu, bày tỏ lòng tôn kính sâu xa hướng về Hòa Thượng.

* Giáo sư John Tsu tại trường đại học John F. Kennedy, đọc thơ chia buồn của cựu Tổng Thống Mỹ, George Bush và của Thống Đốc California, Pete Wilson.

* Sau đó Phó giám đốc Cựu Kim Sơn Kinh Tế Văn Hóa Đài Bắc là Phụ Đích, tuyên đọc điện tín chia buồn gửi từ cố vấn Tổng Thống Trung Hoa Dân Quốc, Lâm Dương Cảnh và trưởng bí thư phủ Tổng Thống, Ngô Bá Hùng. Cùng đi với ông Phụ Đích là giám đốc Liệu Cảnh Dân.

* Frank McMichael, chủ tịch ủy ban giám thị vùng Mendocino County, nơi Vạn Phật Thánh Thành đang tọa lạc. Ông đã nhiều lần tham gia Pháp Hội ở Vạn Phật. Lần này ông đặc biệt đến viếng thăm để gửi đến Hòa Thượng lòng thành kính trong buổi Lễ Trà Tỳ.

* Nghị viên, Frank Riggs, đại biểu California trong Quốc Hội Hoa Kỳ, đã phái ông Darrell Shull thay mặt ông đến để phát biểu: "Vùng Mendocino County và những vùng phụ cận được ngày càng thêm tiến triển là do



phần nào sự hiện diện của Hòa Thượng Tuyên Hóa ở đây.” Nghị viên Quốc Hội Riggs cũng là thành viên trong ban tổ chức tang lễ của Hòa Thượng.

Lúc 9 giờ 40 sáng, Lễ Đại Truyền Cúng được cử hành, gồm 108 phần thực phẩm cúng dường, lần lượt tiếp chuyển qua tay của hơn hai ngàn tín chúng. Đây là lần cuối cùng, các chúng đệ tử thành tâm dâng cúng lên Hòa Thượng trước khi lễ hỏa táng.

Đại Lễ Trà Tỳ bắt đầu vào lúc một giờ trưa. Các đệ tử của Hòa Thượng cùng những người đến tham dự, mọi người xếp hàng, tiến vào Tổ Sư Đường, rồi từng người một, tuần tự được chiêm ngưỡng đức tướng của Hòa Thượng lần cuối cùng.

Vào lúc 3 giờ, linh cữu của Hòa Thượng được di chuyển đến địa điểm hỏa táng. Trên hai ngàn người với lòng thành kính, bước chậm chậm theo sau.

Lúc 4 giờ 20 chiều, trong tiếng niệm Phật của đại chúng, Pháp Sư Minh Dương cầm ngọn đuốc đưa lên, miêng tụng bài kệ, rồi hô to “Thieu!” Lúc này, bốn chúng đệ tử của Hòa Thượng quỳ lạy không ngừng, cùng

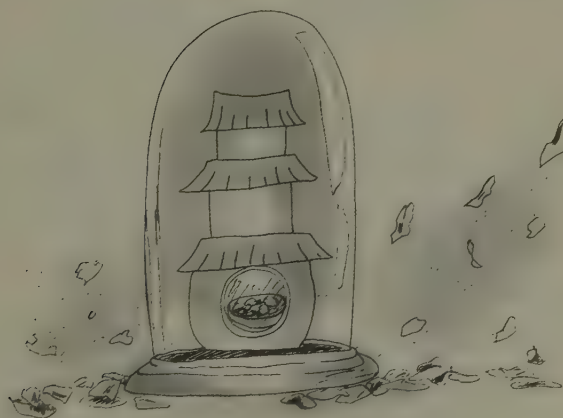
hướng về nhục thân của vị thầy tinh thần để nói lời từ biệt.

Sáng ngày 29 tháng 7, từ chiếc nhiệt khí cầu, tro cốt của Hòa Thượng Tuyên Hóa được rải tán vào hư không, phía trước Trai Đường Ngũ Quán của Vạn Phật Thánh Thành, đó là làm theo như lời di chúc sau cùng của Hòa Thượng: “Khi tôi đến thì cái gì cũng không có, lúc ra đi, tôi cũng vẫn không muốn chi. Tôi không muốn lưu lại dấu vết gì trên thế gian cả.”

Mặc dầu Hòa Thượng không muốn lưu lại bất cứ một vết tích nào, nhưng do vì sự Hoằng Pháp đến Tây phương, thành lập ban phiên dịch Kinh Phật, khai mở Trường trung, tiểu học..v.v... của Ngài, mà Ngài đã ảnh hưởng đến vô số người Tây phương và đã gieo trồng được những hạt giống Bồ Đề giác ngộ. Bao nhiêu đó cũng đã là những kỳ tích sẽ không bao giờ tan biến. Dr. Ron Epstein, giảng sư Triết học tại trường Đại học San Francisco, Mỹ Quốc, là đệ tử quy y lâu năm của Sư Phụ tại Mỹ đã phát biểu:... Mặc dầu đa số đệ tử của Sư Phụ là người Hoa, nhưng đoàn hậu học tương lai sẽ luôn nhớ công ơn

hoàng truyền Phật Pháp qua Tây phương của Ngài.

Đã có hơn bốn ngàn viên xá lợi, gồm có cả răng xá lợi. Những viên xá lợi nhiều màu sắc như: trắng, vàng lợt, xanh, đen... Nhiều xương cốt được kết tụ xá lợi, lấp lánh trong giống như cẩm ngọc thạch, thật đặc biệt và hiếm có. Khi thấy những chiếc răng như cần cẩm thạch, một đệ tử đã cảm động nói: Không có chi phải ngạc nhiên, vì cả đời Sư Phụ đã tận tâm hoàng dương Phật Pháp. Một đệ tử khác lại tán dương rằng: vì Sư Phụ luôn nói lời Chân Thật.



Nghi Lễ Rải Tán Tro Cốt



Vào ngày 29 tháng 7, 1995, một ngày sau Lễ Trà Tỳ của vị cao tăng Phật giáo, Hòa Thượng Tuyên Hóa, thì tro cốt của Ngài được các đệ tử rải tán trên hư không Vạn Phật Thánh Thành, hầu làm viên mãn tâm nguyện của Ngài: “Tôi từ Hư không đến thì tôi sẽ trở về Hư không.”

Lúc 8 giờ sáng ngày 29, có hơn một ngàn chúng đệ tử của Hòa Thượng đã có mặt chờ đợi ở bãi cỏ phía trước Trai Đường của Vạn Phật Thánh Thành, trong khi nhiệt khí cầu (hot air balloon) đang được bơm hơi để cất cao lên không trung.

Thầy Hằng Thật, thầy Hằng Lai (đệ tử người Mỹ của Hòa Thượng) và Thầy Chân Nhất (trụ trì chùa Bảo Nguyên ở Costa Rica) cùng đem tro cốt của Hòa Thượng bước lên nhiệt khí cầu.

Tám giờ rưỡi, nhiệt khí cầu từ từ cất cao lên hư không. Các Thầy bắt đầu chậm chậm rải tro. Tro cốt tức liền phân tán trong không trung trông giống như những làn sóng khói, dung hòa vào hư không một cách mau chóng.

Lúc bấy giờ có số ít tín chúng khóc nức nở, kêu gào: “Sư Phụ, Sư Phụ, đừng đi...” Còn đa số các đệ tử vẫn tiếp tục nghiêm trang, cung kính trong tiếng niệm Phật để viên mãn buổi lễ.

Lão Hòa Thượng đã đi và cách thức đi theo đúng như những lời lúc đương thời Ngài đã nói: “Tảo nhất thiết pháp, ly nhất thiết tướng” (Quét tất cả pháp, rời tất cả tướng.) Những gì Ngài để lại cho chúng đệ tử tức là: Tiếp tục sự nghiệp hoằng dương Phật Pháp, phiên dịch Kinh Điển, cùng đảm nhiệm trọng trách đào tạo một nền giáo dục lý tưởng.

Phụ lục

Nguồn Trí Huệ

Lối ăn lành mạnh:

Đổi thành ăn chay



Thuyết ăn chay là gì?

Thuyết ăn chay là nói về lối sống của người không ăn thịt. Những ai thực hành theo lối sống này và cử không ăn thịt thì được xem là người ăn chay. Ngoài việc không ăn “thịt đỏ” (bò, heo và cừu), người ăn chay cũng không ăn cá hay gà, vịt. Trong khi có một số người ăn chay tránh dùng các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật như sữa, pho mát và trứng thì một số người khác không quá khắt khe đối với lối ăn chay của họ và vẫn tiếp tục dùng các sản phẩm nói trên.

Thuyết ăn chay thịnh hành như thế nào?

Trong những năm gần đây phong trào ăn chay trở nên thịnh hành hơn.

Tại sao người ta phải bỏ ăn thịt để ăn chay?

Người ta chủ trương ăn chay vì nhiều lý do khác nhau. Một số người ăn chay vì họ cho rằng ăn thịt là đắt tiền, phí phạm, hay có hại cho sức khỏe. Một số khác không ăn thịt là vì có lương tâm, họ cho rằng giết hại thú vật hoặc khiến cho chúng phải chịu nhiều đau khổ không cần thiết trong khi nuôi chúng để làm thịt là việc sai lầm.

Nhưng có phải chẳng ăn thịt là cần thiết để được mạnh khỏe không?

Không phải vậy đâu. Sự thật rất đơn giản là chúng ta không cần ăn thịt để có một đời sống khỏe mạnh, trường thọ và hoạt động tích cực. Các tạp chí chuyên viết cho người tiêu thụ cũng đã tuyên bố: “Ăn chay là lối ăn an toàn, mạnh khỏe và đầy đủ chất dinh dưỡng.” Đa số người ăn chay đều có thể

quân bình được các chất dinh dưỡng chánh đáng trong thức ăn của họ một cách dễ dàng. Mọi thứ mà người ăn chay cần đều có sẵn hầu hết trong các siêu thị.

Làm thế nào người ăn chay được đầy đủ chất đạm protein cho cơ thể?

Rất nhiều nguồn thức ăn có chứa chất đạm protein để thay thế thịt như lúa mì, các loại đậu, và các thức ăn làm từ đậu nành (như tàu hũ), lại thêm đậu phộng và các loại hạt .v.v...

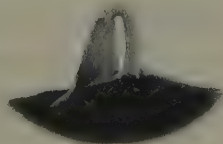
Trữ lượng amino-acít trong một vài loại rau cải có thể coi là ít, nhưng sự khiếm khuyết này có thể bù đắp dễ dàng bằng cách dùng hai loại rau chất đạm hợp lại. Sự kết hợp hai chất đạm này cũng không có gì khó hơn là ăn các loại đậu và gạo cùng một lúc, hay ăn bánh mì với bơ đậu phộng. Hơn nữa, sự kết hợp các chất đạm protein chưa chắc là cần thiết, vì các loại thực phẩm biến chế từ sữa và trứng cũng đã chứa đầy đủ các chất đạm, người ăn chay dùng một trong những thứ này sẽ bảo đảm có đủ các

chất đạm cần thiết. Đậu nành cũng chứa đủ lượng chất đạm protein vậy.

Còn chất sinh tố vitamin và các khoáng chất thì sao? Chế độ ăn chay có thể cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng cần thiết không?

Người ăn chay dùng nhiều loại thức ăn khác nhau sẽ ít gặp trở ngại trong việc bồi dưỡng đủ chất dinh dưỡng cần thiết là đúng cho những ai ăn chay có dùng sữa. Còn đối với những người ăn chay khắt khe hơn vì cử ăn các thực phẩm sản xuất từ động vật thì họ cần phải thận trọng hơn. Tuy nhiên, các nguồn thực phẩm chay có chứa nhiều khoáng chất và vitamin đều có sẵn cả.

Thật ra, riêng chỉ có vitamin D và vitamin B12 là hai chất dinh dưỡng có lẽ thiếu kém trong các món rau cải. Nhưng vấn đề này có thể giải quyết một cách dễ dàng. Đối với những người ăn chay nghiêm ngặt, họ có thể cung ứng đủ lượng vitamin D và B12 hằng ngày bằng cách dùng thêm thuốc bổ vitamin.



Thuyết ăn chay có lợi ích gì cho sức khỏe?

Thường thì chế độ ăn chay có nhiều chất xơ hơn và lượng thẩm mỡ trong cơ thể cũng thấp hơn so với ăn thịt. Do đó người ăn chay ít bị khổ sở vì bệnh phát phì, bệnh tim, hay bị nghẹt các động mạch dẫn máu và một số bệnh ung thư.v.v...

Thêm nữa, người ăn chay sẽ được an vui mạnh khỏe hơn vì tránh được nhiều hóa chất, thuốc nhuộm, và các thuốc diệt trùng khác nhau thường được tìm thấy trong thịt. Hiện nay phân nửa lượng dự trữ thuốc trụ sinh của toàn quốc được dùng vào ngành chăn nuôi gia súc; ví như thuốc Penicillin và Tetracycline được đưa vào cơ thể người ta mỗi ngày. Một số khoa học gia tin rằng, hành động này đã làm giảm công hiệu của các chất đó trong việc trị bệnh cho con người.

Ăn chay còn đem lại lợi ích sức khỏe cho nhiều người đang bị đói và thiếu dinh dưỡng trên thế giới. Trong việc chăn nuôi, phải có trên 10 cân Anh thực vật chất đậm protein mới sản xuất được một cân Anh (pound) thịt. Nếu ăn chay và trực tiếp tiêu thụ chất đậm từ thực vật thì lượng dự trữ thực phẩm trên



thế giới sẽ được cung cấp đầy đủ rộng rãi hơn và cũng nuôi sống được nhiều người hơn.

Vì đạo lý này mà một số người đã áp dụng theo lối ăn chay, mặc dù phần lớn sự tranh luận về thuyết ăn chay là chú trọng đến vấn đề đối xử với súc vật.

Hằng năm có bao nhiêu súc vật bị giết để cung cấp thịt trên bàn ăn của chúng ta?

Số lượng bị giết rất cao. Mỗi năm ở nước Mỹ có trên một trăm triệu con bò heo và cừu bị giết trong lò sát sanh. Lại có thêm bốn tỷ gia cầm, đa số là gà, bị giết làm thịt. Tổng số tất cả các con vật này nếu tượng trưng bằng một đường thì nó dài hơn 750,000 dặm – xa hơn khoảng cách đi và về từ quả địa cầu lên đến mặt trăng.

Lò sát sanh ra thế nào? Họ dùng cách nào để giết thú vật cho chúng ta ăn?

Thông thường mỗi ngày bên trong và chung quanh của một lò sát sanh có đến hàng ngàn thú vật bị hành hạ và giết chết. Chẳng hạn như gia súc được chở bằng xe tải, có thể

trong 2, 3 ngày mà chúng không được ăn uống gì.

Sau đó, chúng bị lừa vào chuồng để chờ tới phiên. Một số súc vật trở nên hốt hoảng và bị hành hạ. Nhân viên lò thịt dùng que điện hay roi cây để lừa chúng vào các ngõ ngách dẫn đến lò sát sinh.

Súc vật thường bị làm cho bất tỉnh trước khi bị cắt mạch máu và xẻ thịt dưới sự kiểm soát của lò sát sanh liên bang.

Các kỹ thuật được chấp nhận như: dùng hơi ngột, cho điện giật, bắn súng và dùng các then chốt sắt đâm xuyên qua sọ đầu để hủy hoại bộ não của con vật.

Các lò thịt nhỏ hơn ở địa phương có lẽ vẫn còn dùng búa tạ và rìu; đối với những súc vật lớn có thể phải đập đến hai, ba nhát búa chúng mới ngã quỵ. Ngược lại người đồ tể Kosher, Do Thái đòi hỏi con vật phải hoàn toàn tỉnh táo khi họ cắt cổ chúng.

Nhưng dù dùng bằng cách nào đi nữa, kết quả cuối cùng cũng giống nhau. Trong quá trình sát sanh, chỉ cần trong khoảnh khắc mà đã biến ra thành một con người tàn bạo;

đó là cái giá không thấy được của sự ăn thịt.

Súc vật ở trại nuôi có được cuộc sống thích đáng trước khi bị giết ở lò thịt không? Chúng được nuôi như thế nào?

Ngày nay, số súc vật bị nuôi trong “trại chăn nuôi” đang gia tăng, là nơi cùng những kỹ thuật để sản xuất số lượng nhiều hầu đạt được hoạch lợi tối đa. Những súc vật này không được tự do di động, kể cả những nhu cầu về thể chất, cảm xúc hay cuộc sống thành đoàn đều được bị bỏ qua. Chúng phải chịu đau khổ trong chán nản, căng thẳng và tánh nết hủy diệt.

Súc vật ở các trại chăn nuôi bị mất tự do như thế nào? Chúng bị giam cầm tù túng khắc nghiệt ra sao?

Chẳng hạn như gà ấp trứng bị nhốt trong những chuồng battery cages 12x8 inch. Mỗi chuồng chứa từ bốn đến năm con. Bé con thì bị nhốt trong mỗi ngăn rất chật hẹp, đến nỗi xoay chuyển hay nằm xuống cho thoải mái cũng không thể được.

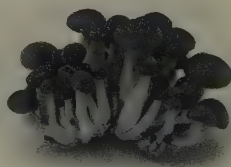


Những gì sẽ xảy ra với các súc vật này?

Bởi vì gà bị nhốt tù túng nên chúng có phản ứng là cắn mổ lẫn nhau và tự mổ chính nó, cho nên mổ chúng bị chặt bằng dao nóng hay máy chém.

Gà được nuôi trong điều kiện bình thường thì có thể sống được nhiều năm. Còn gà được nuôi cốt để sản xuất trứng đến mức tối đa thì chúng chỉ sống được có 14 tháng. Một khi hết khả năng đẻ trứng, chúng bị đưa vào lò sát sanh để làm xúp và các thức ăn biến chế khác.

Mặt khác đời sống của bê con thì chỉ kéo dài có 16 tuần. Chúng bị đưa đến lò sát sanh trong khi không hề có cơ hội di động hay chạy nhảy, bởi vì các động tác này sẽ làm cho thịt bớt mềm mại. (Bê con là sản phẩm phụ của công nghiệp sản xuất bơ sữa. Như muốn cho bò có sữa, thì chúng phải bị thọt thai theo định kỳ để sinh con. Bê đẻ ra là sản phẩm vô dụng nên chúng trở thành bê tơ.)



Còn cá thì sao?

Nói chung cá có một lối sống trong điều kiện thiên nhiên. Về phương diện này thì môi trường của chúng có vẻ khá hơn so với hầu hết các súc vật trong các trại chăn nuôi. Tuy nhiên, cá cũng chịu khổ sở khi bị bắt và bị nằm trên sàn tàu đánh cá. Chúng vùng vẫy cự quật để bày tỏ nỗi đau khổ tuyệt vọng. Bởi vì cá không thể thở nếu thiếu nước, nên chúng bị chết dần vì ngộp thở.

Mối quan tâm về sinh thái học là sự khai trương của ngành thương mại và các kỹ thuật chài lưới quy mô sẽ làm cho biển cạn dần cá. Hơn nữa những kỹ thuật đánh cá thu hiện đại, không những chỉ đánh được nhiều cá thu mà cũng ngẫu nhiên giết hại luôn hàng ngàn con cá heo mỗi năm.

Lý luận về phương diện đạo đức phản kháng việc ăn thịt là gì?

Lý luận về phương diện đạo đức là thẳng thắn, rõ ràng, đơn giản và cứng rắn. Ăn thịt tạo ra đau khổ và chết chóc cho các sinh vật vô tội, cho nên vì lý do này, ăn thịt là sai lầm.



Nếu là trường hợp, chúng ta cần phải ăn thịt để sống, thì sự ăn thịt có thể biện luận như là một “việc ác cần thiết”. Nhưng ngày nay, việc ăn thịt không phải là cần thiết cho hầu hết dân chúng trên thế giới. Vì thay thế vào đó là đã có sẵn cách ăn chay.

Con người trong xã hội chúng ta ăn thịt là theo thói quen và cũng bởi vì mọi người đã nhiễm thích mùi vị của nó. Nhưng những lý do này không tiêu biểu cho sự biện hộ về đạo lý. Ăn thịt là việc không thích hợp với luân lý đạo đức vì nó liên can đến sự đối xử tàn nhẫn với động vật, là vi phạm nguyên tắc đạo lý căn bản, tức là sai trái, vì đã gây ra sự thống khổ và chết chóc không cần thiết.

**Còn tôn giáo thì nói gì về vấn đề này?
Các tôn giáo đạo đức có mâu thuẫn với
ngành sản xuất thịt và việc ăn thịt không?**

Trong khi các giáo hội đang hết sức chân chừ để lên tiếng bênh vực cho súc vật, thì sự dã man và tàn bạo của ngành sản xuất thịt ít được sự ủng hộ của các tôn giáo đạo đức.

Phần lớn các tôn giáo thường kêu gọi các tín đồ của họ nên thực hành lòng từ bi và công bằng. Ấy vậy mà cố tình gây đau đớn và chết chóc không cần thiết cho súc vật thì coi như không có từ bi mà cũng không công bình gì cả.

Mối lưu tâm của truyền thống Do Thái về sự đối xử nhân đạo với súc vật đã khiến cho một số người Do Thái ăn chay. Và trong khi tín đồ đạo Phật và đạo Hồi thì có thể hướng vào các lý tưởng bất bạo động đã quy định để làm kim chỉ nam cho các thắc mắc có liên quan đến luân lý và việc ăn uống.

Nhưng tại sao phải quan tâm đến thú vật? Chúng thật sự có cảm giác không?

Thú vật có cảm giác là một điều không thể chối cãi được. Thử tưởng tượng một con vật bị thương, như con chó hay con mèo, chúng cũng có phản ứng y hệt như khi chúng ta bị đau vậy. Chúng kêu thét, la oảng oảng và khóc rên. Điều này không có gì ngạc nhiên, vì thú vật có hệ thần kinh rất giống chúng ta như về phương diện liên quan đến khả năng cảm thọ đau đớn của thể xác.

Rất có thể là thú vật cũng bị đau khổ về mặt cảm xúc và tâm lý, bởi vì khả năng chịu đựng khổ đau của thú vật và con người cũng bộc lộ giống như nhau, cho nên cả hai đáng được đối xử theo đạo lý nhân đạo.

Thực vật cũng không có cảm giác hay sao?

Thực vật phản ứng theo độ kích thích khác nhau, nhưng chúng không có hệ thần kinh giống như các động vật. Nếu cây cỏ đều có “cảm xúc” đi chăng nữa thì những cảm xúc này thật là đơn sơ, rất khác biệt với cảm xúc của con người và các loài động vật. Người ăn chay nhận ra sự sống có trong thực vật. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải ăn để sống. Ăn các “thức ăn ở bậc thấp” gây ra ít sự đau đớn. Do đó ăn chay là hợp với đạo đức hơn.

Nếu ai nấy đều trở thành người ăn chay, thì việc gì sẽ xảy ra đối với những súc vật hiện đang được nuôi trong các hãng xướng lấy thịt? Chúng cũng sẽ bị giết chết hay sao?

Điều quan trọng để chúng ta nhận thức rằng, chế độ ăn chay là không phải một sớm một chiều mà thực hiện được. Mà tốt nhất sẽ qua một quá trình tăng tiến từng bước. Khi nhiều người ăn chay thì nhu cầu cần thịt sẽ ít hơn. Nếu như nhu cầu này mà giảm xuống như vậy thì các công nghiệp sản xuất thịt sẽ nuôi và giết súc vật ít hơn. Đây là bằng chứng cho thấy rằng khuynh hướng này đã bắt đầu rồi.



Làm thế nào để tôi trở thành người ăn chay trường? Có khó không? Những bước đầu tiên là gì?

Trở thành một người ăn chay trường có thể tương đối dễ là một khi bạn đã quyết định, đây là việc bạn muốn làm. Nếu một khi bạn đã định hướng lại cách nấu ăn của các bạn qua sự giúp đỡ của các khóa dạy nấu ăn, sách vở hay bạn bè với công thức một vài món ăn ngon. Và dĩ nhiên, rất có lợi nếu những người đó gần gũi, tôn trọng và ủng hộ quyết định của bạn. Bạn không cần phải ăn chay ngay lập tức. Bạn có thể xem đây như là một mục tiêu và cố gắng thử thực hiện từng bước tiến trong một khoảng

thời gian. Có một số người bắt đầu bằng cách là cử ăn “thịt đỏ” và sau một thời gian thích nghi rồi mới tiếp đến việc bỏ cá và gà, vịt... Một số tiếp tục ăn các sản phẩm từ sữa và trứng. Số khác thì ý thức được nên cố gắng giảm đến mức tối thiểu các loại thức ăn đó và cuối cùng cũng có thể bỏ được hết.

Thật vậy, thuyết ăn chay bao hàm nhiều đường lối khác nhau và định nghĩa khác nhau. Đến một mức độ nào đó thì đây là vấn đề của sự chọn lựa cá nhân và lương tâm. Sau này những trại chăn nuôi và lò sát sanh có thể sẽ bị cấm hành nghề và con người sẽ không hiểu vì sao tổ tiên của họ đã có thể ăn được thịt chết của thú vật. Nhưng ngày nay chuyện ăn thịt là ở mức định tiêu chuẩn.

Ít nhất là người ăn chay cũng phải có ý chí khác biệt. Hơn nữa, một lối ăn bất bạo động thì tự có phần thưởng của riêng nó. Đối với những ai quan tâm, thời thuyết ăn chay là cách để đạt được lối ăn lành mạnh theo nhiều phương pháp.

Good Eating:

The Vegetarian Alternative

The City of Ten Thousand Buddha Talmage, California

What is vegetarianism?

Vegetarianism is the practice of living on a non-meat diet. People who adopt this practice and refrain from eating meat are known as vegetarians. In addition to not eating “red meat” (beef, pork and lamb), vegetarians also do not eat fish or fowl. While some vegetarians avoid animal products such as milk, cheese and eggs, others define their vegetarianism less strictly and continue to eat these foods.

How popular is vegetarianism?

The vegetarian diet has become more popular in recent years. It's estimated that over one million Americans are vegetarians. In addition, one out of every six Americans is reported to limit his or her consumption of meat.

Why do people give up meat and become vegetarians?

The vegetarian diet is chosen for a variety of reasons. Some people choose vegetarianism because they believe meat eating is expensive, wasteful or unhealthy. Others adopt a meatless diet for reasons of conscience; they consider it wrong to kill animals or to cause them to suffer needlessly while being raised for slaughter.

But isn't meat eating necessary for good health?

No, it is not. The simple fact is that we don't need to eat meat in order to live long, healthy, active lives. The Consumer Reports has stated that a vegetarian diet is nutritionally safe and sound. Most vegetarians find it easy to balance their diet and obtain proper nutrition. Everything vegetarians need is available in most supermarkets.

How do vegetarians meet their needs for protein?

Many alternative (non-meat) sources of protein exist, including grains and cereals, beans, peas and lentils, soybeans and foods made from soy (such as

tofu), in addition to nuts and seeds. While some vegetable proteins are low in certain amino acids, these deficiencies can easily be accounted for by eating two vegetable proteins together. Combining proteins is no more difficult than eating beans and rice or putting peanut butter between two slices of wheat bread. Moreover, combining proteins may not even be necessary for meeting protein needs. Since all dairy products and eggs contain complete protein, a vegetarian whose diet includes one or some of these foods is assured of meeting protein needs. Soybeans, too, contain complete protein.

What about vitamins and minerals? Does a vegetarian diet provide all essential nutrients?

Vegetarians who eat a varied diet have little trouble meeting their nutritional needs. This is especially true of vegetarians who eat dairy foods. More strict vegetarians who abstain from all animal products have to exercise some care; however, non-meat sources of vitamins and minerals are readily available. In fact, vitamins B-12 and D are the only two nutrients which may be lacking in an exclusively vegetable diet. But this problem is easily solved. The strict vegetarian can meet his or her daily requirement for B-12 and D simply by taking vitamin supplements.

Are there health advantages to vegetarianism?

A vegetarian diet is generally higher in roughage and lower in saturated fats than meat-based diets. Thus, vegetarians are less likely to suffer from obesity, heart disease, arteriosclerosis and a number of different cancers. In addition, vegetarians may enjoy better health by avoiding the various drugs, chemicals, pesticides and dyes commonly found in meat. Half the nation's supply of antibiotics is now fed drugs like penicillin and tetracycline are becoming routinely ingested by humans on a daily basis. Some scientists believe that this practice is undermining the effectiveness of these drugs in treating human disease.

The vegetarian diet also offers a health advantage to the many people in our world who suffer from hunger and malnutrition. It takes ten or more pounds of plant protein to produce one pound of meat protein in grain-fed livestock. By adapting a vegetarian diet and eating plant protein directly, the world's food supplies can be made to reach further and thereby feed a larger population. This ethical consideration has led some people to adopt a vegetarian diet though most ethical arguments for vegetarianism focus on the treatment of animals.

How many animals are killed each year to provide meat for our dinner table?

The death toll is extremely high. Each year in the United States over one hundred million cows, pigs and sheep are killed in slaughterhouses. An additional four billion birds, primarily chickens, are also slaughtered annually. All told, the above figures represent a line of animals stretching over 750,000 miles long – far greater than the distance to the moon and back.

What are slaughterhouses like? How do they kill the animals we eat?

In and around a typical slaughterhouse thousands of animals suffer and are killed every day. Cattle, for example, may arrive by truck after traveling for two or three days without food or water.

After being unloaded, they are herded into pens to wait their turn. Some animal's panic and risk mistreatment. Stockyard workers use electric prods and wooden canes to drive these creatures through a network of chutes and runways into the slaughterhouse.

Livestock animals are generally rendered unconscious prior to being bled and butchered in federally inspected slaughterhouses.

Approved techniques include carbon dioxide gassing, electroshock, gunshot and the use of captive bolt stunners, which cause brain destruction by driving a metal bolt through the animal's skull

Smaller local meat packing plants may still use sledgehammers and poleaxes; it can take two or three blows with these devices to knock out a larger animal. In contrast, kosher slaughter requires that cattle, calves, sheep and lambs be fully conscious when their throats are cut.

But whatever the method used, the end result is the same. Once underway, the process of slaughter takes just moments to transform a living sentient violence is the unseen price of meat eating.

Do farm animals have decent lives prior to being killed in the slaughterhouse? How is livestock raised?

Today, an increasing number of farm animals are being raised on “factory farm” where mass production techniques are used to maximize efficiency and profits.

These animals are denied freedom of movement and their physical, emotional and social needs are ignored. They suffer from boredom, stress and self-destructive behavior.

In what ways are farms animals denied freedom? How severe is their confinement?

Egg-Laying chickens, for example are kept in 12 by 18 inch “battery cages”. Each cage contains four to five chickens. Veal calves are kept in stalls so small that turning around or even laying down comfortably is impossibility.

What happens to these animals?

Because the chicken react to confinement by fighting or self-mutilation, their beak tips are cut off with either a hot knife or a guillotine-like device.

While chickens living under more normal conditions can live many years, chickens raised intensively for maximum egg production reach old age in fourteen months. Once their ability to produce eggs is diminished, they are sent to the slaughterhouse to be made into soup and processed foods.

The life span of a veal calf, on the other hand, is just 16 weeks. These animals are sent to the slaughterhouse never having had the opportunity to move about or exercise since these activities would produce a less tender cut of meat. (Veal calves are a byproduct of the dairy industry. In order to keep dairy cows lactating, they must be periodically impregnated and allowed to give birth. The unwanted male offspring become veal calves.

What about fish?

Fish generally live their lives under natural conditions. In this respect their lot is better than that of most farm animals. Fish do, however, appear to suffer when they are caught and hauled onto the decks of fishing boats. There they flap about and show other signs or distress. Since fish cannot breathe out of water, they die slowly from suffocations.

Of ecological concern is the fact that extensive commercial fishing is depleting the oceans of fish. Moreover, modern tuna fishing techniques are not only efficient in catching tuna but also result in the accidental killing of thousands of dolphins every year.

What is the moral argument against meat-eating?

The moral argument is straightforward, simple and compelling. Meat-eating causes suffering and death to innocent creatures and for this reason it is wrong. If it were the case that we had to eat meat in order to survive, then the practice of meat-eating could be excused as a “necessary evil”. But meat-eating is not necessary for most people in the world today. An alternative vegetarian diet is readily available.

People in our society eat meat out of habit and because they have developed a taste for it. But these factors do not represent moral justification. Meat-eating is immoral because it involves the inhumane treatment of animals. It violates a basic moral principle, namely, that it is wrong to inflict unnecessary suffering and death.

What has religion to say about this? Do religious values conflict with the meat industry and the practice of meat eating?

While established religions have been extremely slow to speak out in behalf of animals, the cruelty and violence of the meat industry find little support from accepted religious values.

Most religions call on their adherents to act with compassion and justice. Yet deliberately causing needless suffering and death to animals is neither compassionate nor just.

The Jewish tradition's concern for the humane treatment of animals has led some Jews to become vegetarians. And while Buddhists and Hindus can look to prescribed ideals of non-violence for guidance on questions of ethics and diet.

But why care about animals? Do they really have feelings?

That animals have feelings is undeniable. An injured animal imagines a pet dog or cat reacts like we might when hurt. It screeches, yelps or cries. This is not surprising since animals have nervous systems, which are very similar to ours in respects relevant to the capacity for feeling physical pain.

No doubt some animals can suffer emotionally and psychologically as well. Since the capacity for suffering is well developed in animals and humans, both deserve moral treatment.

Don't plants have feelings too?

Plants react to various stimuli but they do not have the nervous systems that animals do. If plants have “feelings” at all, these events would be very primitive and very different from those experienced by humans and other animals. The vegetarian recognizes the vitality of plants. However, we must eat to survive. Eating “low on the food chain” causes less suffering. Therefore it is more ethical.

If everyone becomes a vegetarian, what will happen to all the animals that the meat industry is now raising? Will they be killed anyway?

It's important to realize that the vegetarian diet is not likely to be adopted en masse overnight. At best, it will be an incremental process. As more people become vegetarians, there will be less demand for meat. This loss of demand will cause the meat industry to raise and kill fewer animals. There is evidence that this trend has already begun.

How do I become a vegetarian? Is it difficult? What are the first steps?

Becoming a vegetarian can be relatively easy once you're decided it's what you want. You can reorient your cooking with the help of a vegetarian cooking course, cookbook, or friend with a few good recipes. And, of course, it helps if those closest to you respect and support your decision.

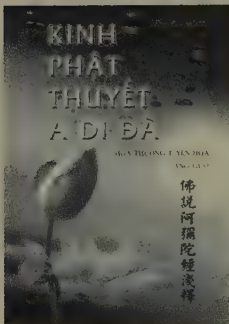
You need not become a vegetarian all at once. You may want to think of it as a goal and try to take steps toward it over a period of time. Some people start by abstaining from "red meat" and then after a period of adjustment proceed to giving up fish and fowl. Some people continue to eat dairy products and eggs. Others consciously strive to minimize the consumption of these foods and eventually may give them up entirely.

Thus, vegetarianism encompasses different paths and different definition. To some extent, it's a matter of personal choice and conscience. Years from now, factory farms and slaughterhouses may be out lawed and people may wonder how their ancestors could have eaten the dead bodies of animals. But today meat-eating is the norm.

At the very least a vegetarian must have the will be different. Moreover, a non-violent diet has its own rewards. For those who care, vegetarianism is a way to achieve good eating in more ways than one.



Giới Thiệu Kinh Sách



1) Phật Thuyết Kinh A Di Đà

Không như những bộ kinh khác, vì đây là bài kinh không người thừa thừa mà Phật tự thuyết giảng. Quyển kinh này được Hòa Thượng Tuyên Hóa lược giảng ý nghĩa và phương pháp hành trì, để chúng ta nhận thức rõ hơn về công năng và giá trị của bộ kinh A Di Đà. Phần nội dung có đề cập đến cuộc đời và xen kẽ những câu chuyện kể về các đệ tử lớn của Phật thật lý thú. Sách có thêm phần chú thích và nhiều danh từ Phật học căn bản.



2) Kinh Kim Cang

Toàn bộ tên kinh, gọi là Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật. Công dụng của kinh là phá tan tất cả những chấp trước, vướng mắc về các tướng: ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Ví như Bồ Tát khi thực hành bố thí mà còn chấp thấy ta là kẻ bố thí, có người được bố thí, tức đó không phải là Bồ Tát.

Cho nên đức Phật bảo: Bồ Tát không nên trụ vào sắc mà bố thí. Trong thời mạt pháp, nếu có người khi nghe kinh Kim Cang liền sanh lòng tin hiểu thọ trì thì thật là hiếm có, vì người thế gian lại thường có tâm chấp ngã, chấp pháp.



3) Lục Tổ Đàn Kinh

Nội dung quyển kinh tường thuật lại cuộc đời và quá trình đắc pháp của Lục Tổ. Trong cuộc đời hành đạo, Ngài đem pháp môn Đốn giáo lưu truyền đến khắp nơi khiến người học đạo nhận được bốn tâm, thấy được bốn tánh. Lục Tổ Pháp Bảo Đàn Kinh gồm những bài thuyết pháp của Lục Tổ Huệ Năng được sao chép lại để lưu truyền. Tổ là người vốn không biết chữ, nhưng khi nghe có người tụng kinh Kim Cang đến câu: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” mà hoát nhiên khai ngộ. Sau Ngài được Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn ấn chứng truyền y bát và trở thành Lục Tổ.



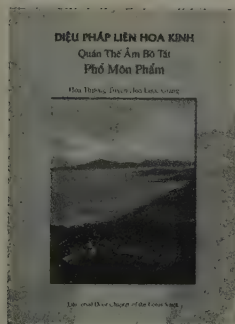
4) Kinh Phật Thuyết Tứ Thập Nhị

Là bộ kinh được dịch ra Hán Văn lần đầu tiên khi Phật Giáo từ Ấn Độ truyền sang Trung Hoa. Kinh này gồm có 42 chương Phật pháp, cũng chính là 42 đoạn ngũ lục, hay 42 lời dạy do đức Phật thuyết giảng về phương pháp tu hành. Người tu đạo phải quyết tâm đoạn trừ các dục vọng, mê chấp và biết buông xả. Nhưng chủ yếu là hành giả cần phải biết tự chủ để hàng phục tâm mình, có thế mới đạt được kết quả. Bộ kinh này chẳng những rất ích lợi cho người xuất gia, mà cả cư sĩ tại gia cũng có thể nương theo học tập để hành trì.

5) Tâm Kinh Bát Nhã: (Sắp phát hành)

Là tinh hoa Phật giáo, trọng yếu được trích gọn từ toàn bộ 600 quyển của hệ Bát Nhã. Nội dung quyển kinh được Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng giải ý nghĩa, mỗi đoạn kinh văn được kèm theo bài kệ tụng. Kinh bao hàm chủ yếu rằng: Với trí huệ Bát Nhã Viên Thông, người tu hành sẽ thấu suốt thật tướng, lià xa các vọng chấp và thâm nhập được lý “không”.

Là bài kinh trí huệ siêu việt vượt hơn tất cả đến chỗ tốt cùng. Gọi đủ là Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh. Đây là bài kinh thông dụng thường được đọc tụng trong các thời công phu sớm tối.



6) Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Phẩm Phổ Môn

Bộ kinh quen thuộc nhất là Phẩm Phổ Môn, thường được các giới xuất gia, tại gia tụng niệm. Nội dung quyển kinh được Hòa Thượng Tuyên Hóa diễn giải về những đức hạnh từ bi và các công năng diệu dụng của Bồ Tát Quán Thế Âm trong khi cứu độ chúng sanh.



7) Kinh Vạn Phật Bảo Sát

Theo truyền thống mỗi năm vào dịp lễ Phật Đản, tại Vạn Phật Thánh Thành và Pháp Giới Thánh Thành đều có tổ chức khóa lễ Vạn Phật Bảo Sát. Đây là thiện duyên cho mọi người quy tụ về để cùng nhau lễ Phật sám hối. Đồng thời cũng là cơ hội cho

mọi người chuyên tâm lễ bái 10 ngàn lạy trong vòng 3 tuần lễ, mong tiêu trừ tội nghiệp. Bộ kinh gồm chữ Hoa, có chú âm đọc và đánh kèm thêm tiếng Việt. Rất thuận tiện cho người tham gia pháp hội vừa dễ bắt kịp theo đại chúng, vừa lại hiểu được ý nghĩa của kinh trong lúc lễ bái.

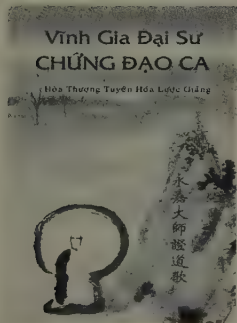
8) Kinh Nhật Tụng: (Sắp phát hành)

Gồm các bài kinh, chú cho các khóa lễ sáng, trưa và chiều mà tứ chúng ở Vạn Phật Thành thường ngày tụng niệm theo nghi thức truyền thống Phật Giáo Trung Hoa. Ngoài ra quyển kinh cũng có thêm các nghi lễ về Khánh Chúc, các ngày vía Thánh Đản, Phóng Sanh, Văn Phát Nguyện Sám Hối... Có phần chú âm, tiếng Việt và tiếng Anh rất thuận tiện cho việc tụng niệm.



9) Luận Đại Thừa 100 Pháp Minh Môn

Luận này từ lúc ban sơ có đến 8 vạn 4 ngàn pháp. Vì chúng sanh căn tánh mê muội, nên Bồ Tát Di Lặc thân ngấn thành bộ Luận Du Già Sư Địa gồm 600 pháp. Nhưng vẫn còn nhiều đối với căn cơ chúng sanh sau này. Bồ Tát Thiên Thân bèn sơ lược tóm gọn thành 100 pháp. Bộ Luận này đơn giản lại dễ hiểu, là ngõ tắt dẫn chúng ta vào cửa Phật pháp, rất thích hợp đối với những ai có căn tánh Đại Thừa.



10) Vĩnh Gia Chứng Đạo Ca

Là bài ca chứng đạo được truyền tụng trong đời Đại Sư Vĩnh Gia Huyền Giác, triều đại nhà Đường. Và là vị Sư vốn được vào chùa từ thuở nhỏ, thông minh học rộng lại biết dụng công tu hành nên đã sớm giác ngộ. Ngài nhân xem kinh Duy Ma mà tâm địa phát sáng và được Lục Tổ ấn chứng.

Đại sư Vĩnh Gia viết thành bài ca giải bày những kinh nghiệm của người đã nhận chân được thật tướng, thấu suốt được lý thiền. Ngại mượn qua lời ca giọng hát để

mọi người cùng thấy được cái chân thật, bất sanh bất diệt sẵn có của mình.

Bài ca chứng đạo này được Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng giải hai lần:

- Lần đầu vào năm 1965 với tựa đề: Đại Sư Chứng Đạo Ca truyền thích.

- Lần nhì vào năm 1985 với tựa đề: Vĩnh Gia Chứng Đạo Ca.

Nếu chúng ta hiểu thấu được và y theo bài ca này mà tu hành, thời cũng có thể chứng đạo như Đại Sư Vĩnh Gia.



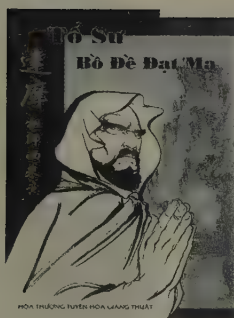
11) Khai Thị

Gồm những lời giảng dạy của Hòa Thượng Tuyên Hóa về các đạo lý căn bản như: nhân cách làm người đối với gia đình, xã hội và cả nhân loại trên thế giới. Với những dẫn dụ thiết thực, Hòa Thượng chỉ bày các đức hạnh cao thượng của những bậc cổ nhân Hiền Thánh hầu để mọi người lấy đó làm gương mà noi theo. Song song với những bài pháp ngắn này Hòa Thượng vẫn luôn tha thiết kêu gọi chúng ta nên xem trọng nhân nghĩa đạo đức và nhớ giữ tâm bình khí hòa

trong các sinh hoạt hằng ngày. Vì đó cũng là một trong những phần chánh khí giúp cho thế giới hòa bình.

Khai Thị 5 (Mới phát hành)

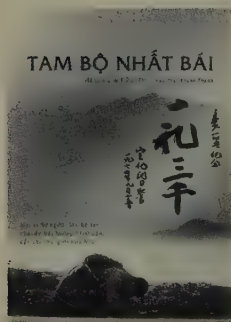
Băng đọc Khai thi 5 (Mới phát hành)



12) Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma

Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma, vị Tổ thứ 28 ở Ấn Độ nhưng ở Trung Quốc thì kể là Sơ Tổ. Vì xét thấy căn tánh Đại Thừa ở Trung Quốc đã chín muồi nên Ngài không quản gian khổ khó khăn tìm đến đó hoằng truyền Phật pháp. Nhưng khi đến Trung Quốc, chẳng một ai nhận biết ra Ngài, kể cả vua Lương Võ Đế cũng không trọng dụng Ngài. Đã vậy lại có người vì tị hiềm ganh ghét nên ra tay đầu độc Tổ đến sáu lần. Mặc dù gặp bao chướng ngại, Ngài vẫn an nhiên, không hề hấn chi. Biết thời cơ duyên chưa đến, Ngài tọa thiền tại núi Hùng Nhĩ, 9 năm quay mặt vào vách chờ thời. Lúc bấy giờ Pháp Sư Thần Quang cũng quỳ 9 năm trước hang núi để cầu pháp với Sơ Tổ. Để chứng minh lòng thành cầu đạo, Thần Quang tự chặt cánh tay khiến máu rơi nhuộm đỏ màu tuyết trắng.

Kết quả Sơ Tổ Đạt Ma đã tìm được người để truyền thừa tâm ấn. Thần Quang trở thành Nhị Tổ Huệ Khả và tiếp tục lưu truyền mạch mạng Phật pháp. Sách có vẽ kèm các hình ảnh diễn tả câu chuyện rất sống động.



13) Tam Bộ Nhất Bái

Nhật ký tường thuật lại cuộc bái hương hơn ngàn dặm của hai vị sư người Mỹ, đệ tử Hoà Thượng Tuyên Hóa. Với cuộc hành trình kéo dài hơn 10 tháng, hai sư đã thành tâm cứ mỗi ba bước một lạy từ San Francisco đến Marblemount, tiểu bang Washington để cầu cho thế giới hòa bình. Tam Bộ Nhất Bái đã nêu lên chí nguyện chân thành đối với toàn nhân loại, một hành động cao cả hiếm có đã thật sự xảy ra ngay trên đất Mỹ. Là quyển sách mà không thể bỏ qua được.

14) Pháp Nhũ Thâm Ân

Là sự kết tập một số bài viết của chúng đệ tử xuất gia, tại gia người Hoa, Mỹ, Canada, Việt, Singapore, Mã Lai... để tưởng niệm vị thầy khả kính, Hòa Thượng Tuyên Hóa. Các vị bày tỏ lòng tri ân sâu xa về những kinh nghiệm quý báu đã học được với Hòa Thượng Tuyên Hóa, vị thầy tôn kính dù nay đã vắng bóng nhưng kỹ niệm và những bài học quý giá của Ân sư sẽ mãi mãi khắc sâu trong tâm khảm của bao người đệ tử.

Qua các bài viết này, với những mẫu chuyện được kể lại, độc giả sẽ được dịp hiểu biết thêm về những giáo pháp kỳ đặc, tuy thiện xảo nhưng rất thực tế mà Hòa Thượng đã phương tiện dẫn dắt, tùy theo căn tánh của mỗi đệ tử. Nhờ vậy mà các đệ tử Ngài dần dần biết nhận khuyết điểm, lỗi lầm, biết sửa đổi các tánh hư tật xấu để trở thành những con người hướng thiện, biết góp phần làm lợi ích cho chúng sanh. Mỗi câu chuyện đều có phối hợp theo hình vẽ thật linh động.

**15) Gậy Kim Cang Hét: Gồm 3 cuốn.
(Sắp phát hành)**

Ghi lại những câu vấn đáp của Hòa Thượng và các Phật tử, nhân trong các chuyến Hòa Thượng hoằng pháp ở Đài Loan. Hòa Thượng với những câu trả lời, nhằm chấn chỉnh những quan niệm tà kiến, dị đoan và thức tỉnh những tâm hồn mê muội. Có lúc Ngài chỉ đáp đơn giản, ngắn gọn vài câu mà hàm chứa ý nghĩa rất chí lý. Nhưng cũng có khi Ngài lại pha lẫn chút khôi hài, nhưng đượm nhuần đạo nghĩa, khiến người nghe ân cần chú ý với lòng hân hoan đón nhận lời dạy bảo. Trong khi xem những câu vấn đáp, độc giả cũng có thể cảm thấy hình như Hòa Thượng đang trực tiếp trả lời câu thắc mắc cho chính mình.

Kệ Hồi Hương

Nguyện đem công đức này,

Trang nghiêm Phật tịnh độ,

Trên báo bốn trọng ân,

Dưới cứu ba đường khổ,

Nếu có ai nghe thấy,

Tất phát bồ đề tâm,

Đến khi mạng này hết,

Đồng sanh Cực Lạc quốc.



Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Bồ Tát

Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới Vạn Phật Thánh Thành

Home Page: <http://www.drba.org>

P.O. Box 217, 2001 Talmage, CA 95481-0217 U.S.A.

Điện thoại: (707) 462-0939 Fax: (707) 462-0949

Pháp Giới Thánh Thành (The City of The Dharma Realm)

1029 West Capital Avenue West Sacramento, CA 95691 U.S.A.

Tel: (916) 374-8268

Học Viện Dịch Kinh Quốc Tế (The International Translation Institute)

1777 Murchison Drive Burlingame, CA 94010-4504 U.S.A.

Tel: (650) 692-5912 Fax: (650) 692-5056

Viện Nghiên Cứu Tôn Giáo Pháp Giới Chùa Phật Giáo Berkeley (Berkeley Buddhist Monastery)

2304 McKinley Avenue Berkeley, CA 94703 U.S.A.

Tel: (510) 848-3440 Fax: (510) 548-4551

Chùa Kim Sơn (Gold Mountain Monastery)

800 Sacramento Street San Francisco, CA 94108 U.S.A.

Tel: (415) 421-6117 Fax: (415) 788-6001

Chùa Kim Thánh (Gold Sage Monastery)

11455 Clayton Road San Jose, CA 95127 U.S.A.

Tel: (408) 923-7243 Fax: (408) 923-1064

Chùa Kim Luân (Gold Wheel Monastery)

235 North Avenue 58, Los Angeles, CA 90042 U.S.A.

Tel: (213) 258-6668

Chùa Phước Lộc Thọ

(Blessings, Prosperity, & Longevity Monastery)

4140 Long Beach Boulevard Long Beach, CA 90807 U.S.A.

Tel: (562) 595-4966

Chùa Long Beach (Long Beach Monastery)

3361 East Ocean Boulevard Long Beach, CA 90803 U.S.A.

Tel: (562) 438-8902

Chùa Kim Phong (Gold Summit Monastery)

233 First Avenue West Seattle, WA 98119 U.S.A.

Tel: (206) 217-9320

Hoa Nghiêm Tịnh xá (Avatamsaka Vihara)

9601 Seven Locks Road, Bethesda, MD 20817-9997 U.S.A.

Tel: (301) 469-8300

Chùa Hoa Nghiêm (Avatamsaka Monastery)

1009 4th Avenue, S.W.

Calgary, AB T2P 0K8 Canada

Tel: (403) 269-2960

Chùa Kim Phật (Gold Buddha Monastery)

248 East 11th Avenue Vancouver, BC V5T 2C3 Canada

Tel: (604) 709-0248

Chùa Bát Nhã Quán Âm

Prajna Guanyin Sagely Monastery

Batu 5 ½ Jalan Sungai Besi,

Salak Selatan, 57100 Kuala Lumpur, Malaysia

Tel: (03) 7982-6560 Fax: (03) 7980-1272

Hội Phật Giáo Pháp Giới In Kinh

(Dharma Realm Buddhist Books Distribution Society)

11th Floor, 85 Chung-Hsiao E. Road, Sec. 6,

Taipei, Taiwan, R.O.C.

Tel: (02) 2786-3022 Fax: (02) 2786-2674



Mười năm vắng bóng Ân Sư,
chúng con ngậm ngùi, tưởng nhớ
những ngày tháng được thầy
giáo huấn dưới ngôi Tùng lâm
Vạn Phật Thánh Thành.



Khắc Ghi Lời Thầy

*Pháp giải thoát luôn tu tập huệ mạng
Nhũ trí huệ hằng trường dưỡng pháp thân
Thâm sâu đạo hạnh tâm gương cho đời
Ấn Sư nhớ mãi, thành tâm kính bái*

ISBN 0-88139-810-1



9 780881 398106